BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGỮ VĂN 6

TẬP HAI



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
NGUYỄN THỊ NGÂN HOA (Chủ biên)
PHAN HUY DŨNG – PHẠM ĐẶNG XUÂN HƯƠNG
ĐẶNG LƯU – NGUYỄN THANH TÙNG

NGỮ VĂN 6

TẬP HAI

(Tái bản lần thứ năm)

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Bài 6. Chuyện kể về những người anh hùng	**4**
Đọc	**5**
Thánh Gióng	6
Thực hành tiếng Việt	9
Sơn Tinh, Thuỷ Tinh	10
Thực hành tiếng Việt	13
Ai ơi mồng 9 tháng 4 (Anh Thư)	14
Viết	**16**
Viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện	16
Nói và nghe	**20**
Kể lại một truyền thuyết	20
Củng cố, mở rộng	**21**
Thực hành đọc	**22**
Bánh chưng, bánh giầy	22
Bài 7. Thế giới cổ tích	**24**
Đọc	**25**
Thạch Sanh	26
Thực hành tiếng Việt	30
Cây khế	32
Thực hành tiếng Việt	35
Vua chích choè	36
Viết	**41**
Viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích	41
Nói và nghe	**46**
Kể lại một truyện cổ tích bằng lời một nhân vật	46
Củng cố, mở rộng	**47**
Thực hành đọc	**48**
Sọ Dừa	48
Đọc mở rộng	**51**
Bài 8. Khác biệt và gần gũi	**52**
Đọc	**53**
Xem người ta kìa! (Lạc Thanh)	54
Thực hành tiếng Việt	56
Hai loại khác biệt (Giong-mi Mun)	58
Thực hành tiếng Việt	61
Bài tập làm văn (trích *Nhóc Ni-cô-la: những chuyện chưa kể*, Rơ-nê Gô-xi-nhi và Giăng-giắc Xăng-pê)	63
Viết	**66**
Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm	66
Nói và nghe	**70**
Trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) đời sống	70

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Củng cố, mở rộng	**71**
Thực hành đọc	**72**
Tiếng cười không muốn nghe (Minh Đăng)	73
Bài 9. Trái Đất – ngôi nhà chung	**76**
Đọc	**77**
Trái Đất – cái nôi của sự sống (Hồ Thanh Trang)	78
Thực hành tiếng Việt	81
Các loài chung sống với nhau như thế nào? (Ngọc Phú)	82
Thực hành tiếng Việt	86
Trái Đất (Ra-xun Gam-da-tốp)	87
Viết	**88**
Viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận	88
Tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản	91
Nói và nghe	**92**
Thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường	92
Củng cố, mở rộng	**94**
Thực hành đọc	**95**
Sinh vật trên Trái Đất được hình thành như thế nào? (Nguyễn Quang Riệu)	96
Đọc mở rộng	**97**
Bài 10. Cuốn sách tôi yêu	**98**
Đọc	**99**
Thách thức đầu tiên: Mỗi ngày một cuốn sách	**99**
Sách hay cùng đọc	99
Cuốn sách yêu thích	100
Gặp gỡ tác giả	100
Phiêu lưu cùng trang sách	102
Viết	**103**
Thách thức thứ hai: Sáng tạo cùng tác giả	**103**
Sáng tạo sản phẩm nghệ thuật	103
Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc	104
Nói và nghe	**106**
Về đích: Ngày hội với sách	106
Giới thiệu sản phẩm minh hoạ sách	106
Trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc	106
ÔN TẬP HỌC KÌ II	**108**
Phụ lục 1: Bảng tra cứu thuật ngữ	109
Phụ lục 2: Giải thích một số thuật ngữ	111
Phụ lục 3: Bảng tra cứu yếu tố Hán Việt	113

Bài 6

CHUYỆN KỂ VỀ NHỮNG NGƯỜI ANH HÙNG

Và con phải kể cho con của con nghe những truyền thuyết mà mẹ đã kể cho con – giống như bà đã kể cho mẹ và bà cố đã kể cho bà...

Bét-ti Xmít (Betty Smith)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Cộng đồng hình thành và phát triển được nhờ một phần rất lớn vào những con người kiệt xuất. Những con người này sinh trưởng trong lòng cộng đồng, nhận được sự trợ giúp tích cực của cộng đồng và họ đã đền đáp bằng những cống hiến lớn lao với năng lực phi thường của bản thân. Trong con mắt cộng đồng, họ chính là những anh hùng.
- Trong bài học về truyền thuyết này, em sẽ được gặp những nhân vật anh hùng huyền thoại – những "tượng đài" mang sức mạnh và ý chí của tập thể được lưu giữ trong kí ức cộng đồng qua nhiều thế hệ.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được một số yếu tố của truyền thuyết như: cốt truyện, nhân vật, lời kể, yếu tố kì ảo; nhận biết được chủ đề của văn bản.
- Nhận biết được văn bản thông tin thuật lại một sự kiện và cách triển khai văn bản theo trật tự thời gian.
- Hiểu được công dụng của dấu chấm phẩy (đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một chuỗi liệt kê phức tạp).
- Bước đầu biết viết văn bản thông tin thuật lại một sự kiện.
- Kể được một truyền thuyết.
- Tự hào về lịch sử và truyền thống văn hoá của dân tộc, có khát vọng cống hiến vì những giá trị cộng đồng.

Đọc

TRI THỨC NGỮ VĂN

Truyền thuyết

Truyền thuyết là loại truyện dân gian kể về các sự kiện và nhân vật ít nhiều có liên quan đến lịch sử, thông qua sự tưởng tượng, hư cấu.

Một số yếu tố của truyền thuyết

- Truyền thuyết thường kể lại cuộc đời và chiến công của nhân vật lịch sử hoặc giải thích nguồn gốc các phong tục, sản vật địa phương theo quan điểm của tác giả dân gian.
- Truyền thuyết được kể theo mạch tuyến tính (có tính chất nối tiếp, theo trình tự thời gian). Nội dung thường gồm ba phần gắn với cuộc đời của nhân vật chính: hoàn cảnh xuất hiện và thân thế; chiến công phi thường; kết cục.
- Nhân vật chính của truyền thuyết là những người anh hùng. Họ thường phải đối mặt với những thử thách to lớn, cũng là thử thách của cả cộng đồng. Họ lập nên những chiến công phi thường nhờ có tài năng xuất chúng và sự hỗ trợ của cộng đồng.
- Lời kể của truyền thuyết cô đọng, mang sắc thái trang trọng, ngợi ca, có sử dụng một số thủ pháp nghệ thuật nhằm gây ấn tượng về tính xác thực của câu chuyện.
- Yếu tố kì ảo (lạ và không có thật) xuất hiện đậm nét ở tất cả các phần nhằm tôn vinh, lí tưởng hoá nhân vật và chiến công của họ.

Văn bản thông tin thuật lại một sự kiện

- Văn bản thông tin là văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin.
- Văn bản thông tin thuật lại một sự kiện dùng để trình bày những gì mà người viết chứng kiến hoặc tham gia. Diễn biến của sự kiện thường được sắp xếp theo trình tự thời gian.

Dấu chấm phẩy

Dấu chấm phẩy thường được dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một chuỗi liệt kê phức tạp.

VĂN BẢN ĐỌC

VĂN BẢN 1. *Thánh Gióng*
VĂN BẢN 2. *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh*
VĂN BẢN 3. *Ai ơi mồng 9 tháng 4,* Anh Thư

VĂN BẢN 1

Trước khi đọc

Anh hùng là những người được ngưỡng mộ vì những phẩm chất cao quý hay thành tích phi thường. Họ có thể là những người nổi tiếng hoặc là những người bình thường sống xung quanh ta.

1. Đối với em, ai là người anh hùng? Người đó có những phẩm chất và thành tích gì khiến em ngưỡng mộ?
2. Thiết kế bản giới thiệu ngắn về một người anh hùng với các nội dung: tên, phẩm chất, chiến công. Trang trí bản giới thiệu bằng các hình ảnh phù hợp và sử dụng bản giới thiệu để nói về người anh hùng.

Đọc văn bản

Thánh Gióng(1)

Tục truyền(2), đời Hùng Vương(3) thứ sáu, ở làng Phù Đổng(4), có hai vợ chồng ông lão nhà nghèo, chăm làm ăn và có tiếng là phúc đức(5). Hai ông bà ao ước có một chút con để tuổi già đỡ hiu quạnh. Một hôm, bà ra đồng, trông thấy một vết chân to hơn vết chân người thường. Thấy hay hay, bà đặt bàn chân mình vào, ướm thử. Không ngờ về nhà bà thụ thai, rồi sau mười hai tháng thai nghén, bà sinh ra một em bé, mặt mũi rất khôi ngô. Hai vợ chồng lấy làm mừng lắm. Nhưng kì lạ thay, chú bé đã ba tuổi mà chẳng biết cười, biết nói gì cả, và cũng không nhích đi được bước nào, đặt đâu nằm đấy […].

HÌNH DUNG *Hình dáng, sức mạnh của chủ nhân vết chân to lớn.*

Bấy giờ, có giặc Ân(6) đến xâm phạm bờ cõi nước ta. Thế giặc rất mạnh,

---

(1) *Thánh Gióng*: vị thánh làng Gióng (*Gióng* còn có cách viết là "Dóng"). *Thánh*: nhân vật có tài năng, đức độ, trí tuệ vượt lên trên người thường đến mức siêu phàm, ở đây chỉ bậc thần thánh theo tín ngưỡng của Đạo giáo (tức những vị thần bất tử, có năng lực siêu phàm, có phép thần thông).

(2) *Tục truyền*: theo dân gian truyền lại.

(3) *Hùng Vương*: Vua Hùng.

(4) *Làng Phù Đổng*: trước thuộc huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; nay thuộc xã Phù Đổng, thành phố Hà Nội.

(5) *Phúc đức*: sống lương thiện, thường và ưa làm những điều tốt lành cho người khác.

(6) *Ân*: tên một triều đại trong lịch sử Trung Quốc (còn gọi là *Thương*, *Ân Thương*). Ở đây, *giặc Ân* chỉ giặc phương Bắc.

nhà vua lo sợ, bèn truyền[1] sứ giả[2] đi khắp nơi, tìm người tài giỏi cứu nước. Chú bé nghe tin, bỗng dưng cất tiếng nói với mẹ:

– Mẹ ra mời sứ giả vào đây, con xin thưa chuyện.

Sứ giả vào. Chú bé bảo:

– Ông về tâu[3] với vua, đúc cho ta một con ngựa bằng sắt, làm cho ta một bộ áo giáp[4] bằng sắt, và rèn cho ta một cái roi cũng bằng sắt, ta nguyện phá tan lũ giặc này.

THEO DÕI *Lời của chú bé ba tuổi có gì đặc biệt?*

Sứ giả vừa ngạc nhiên vừa mừng rỡ, vội vàng về tâu với vua. Vua lập tức sai thợ đêm ngày phải làm cho đủ những đồ vật như lời chú bé dặn.

Càng lạ hơn nữa, sau hôm gặp sứ giả, chú bé lớn nhanh như thổi. Cơm ăn mấy cũng không no. Áo vừa may xong đã chật ních. Hai vợ chồng làm ra bao nhiêu cũng không đủ nuôi con, thành thử[5] phải chạy nhờ bà con hàng xóm. Bà con hàng xóm cũng vui lòng gom góp gạo thóc để nuôi chú bé, vì ai cũng mong chú bé giết giặc, cứu nước.

HÌNH DUNG *Cảnh bà con hàng xóm gom góp gạo thóc nuôi chú bé.*

Giặc đã đến chân núi Trâu Sơn[6]. Thế rất nguy, ai nấy đều hoảng hốt. Vừa lúc đó thì sứ giả đem ngựa sắt, áo giáp sắt, roi sắt đến. Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái, bỗng biến thành một tráng sĩ, oai phong lẫm liệt[7]. Tráng sĩ bước lại, vỗ vào mông ngựa. Ngựa hí vang lên mấy tiếng. Tráng sĩ mặc áo giáp vào, cầm roi, nhảy lên mình ngựa. Ngựa phun lửa, phi thẳng đến chỗ quân giặc đóng. Tráng sĩ xông vào trận đánh giết; giặc chết như ngả rạ[8]. Bỗng roi sắt gãy[9]. Tráng sĩ bèn nhổ những cụm tre cạnh đường quật vào giặc. Giặc tan vỡ.

---

(1) *Truyền*: ra lệnh.

(2) *Sứ giả*: người được vua phái đi giao thiệp với nước ngoài hoặc thực hiện một nhiệm vụ quan trọng.

(3) *Tâu*: chỉ việc bề tôi nói với vua (thời xưa).

(4) *Áo giáp*: bộ đồ mặc ngoài, thường được làm bằng chất liệu bền chắc (da thú, kim loại,...), được dùng trong chiến trận, có khả năng chống được các loại binh khí, sự tấn công từ bên ngoài để bảo vệ cơ thể người mặc.

(5) *Thành thử*: như *cho nên*, *vì vậy*.

(6) *Trâu Sơn*: một ngọn núi nằm ở tỉnh Bắc Ninh ngày nay.

(7) *Oai phong lẫm liệt*: (dáng vẻ) hùng dũng, làm cho người ta phải kính phục, nể sợ.

(8) *Chết như ngả rạ*: người (ở đây là quân giặc) đổ xuống hàng loạt như người ta cắt thân cây lúa (rạ) cho đổ xuống.

(9) Theo một số dị bản khác, Gióng đã bỏ khúc roi gãy ở làng Cáo hay làng Xuân Tảo (nay thuộc phường Xuân Đỉnh, thành phố Hà Nội), sau đó xuống Hồ Tây tắm mát rồi về Sóc Sơn và bay lên trời. Ở Xuân Tảo hiện nay vẫn còn đền thờ Thánh Gióng.



Đám tàn quân[1] giẫm đạp nhau mà trốn thoát. Tráng sĩ đuổi đến núi Ninh Sóc[2]. Nhưng đến đấy, không biết vì sao, Người một mình cưỡi ngựa lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời, biến mất.

Vua nhớ công ơn, không biết lấy gì đền đáp, bèn phong là Phù Đổng Thiên Vương, và lập miếu thờ ngay ở quê nhà.

TƯỞNG TƯỢNG *Miếu thờ ban đầu trông như thế nào?*

Hiện nay, vẫn còn đền thờ ở làng Phù Đổng, tục gọi là làng Gióng. Mỗi năm đến tháng Tư, làng mở hội to lắm. Người ta kể rằng những bụi tre đằng ngà ở huyện Gia Bình[3] vì ngựa phun lửa bị cháy, nên mới ngả màu vàng óng như thế. Còn những vết chân ngựa nay thành những hồ ao liên tiếp. Và khi ngựa thét ra lửa có cháy mất cả một làng. Làng đó nay gọi làng Cháy[4].

(*Theo* Lê Trí Viễn, *Văn tuyển (Lớp 5 tập 1)*,
Bộ Giáo dục xuất bản, Hà Nội, 1957, tr. 18 – 19)

---

(1) *Tàn quân*: quân lính còn sót lại sau khi đã bị thất bại.

(2) *Núi Ninh Sóc*: còn gọi là núi Dền hay núi Vệ Linh nằm ở địa bàn thôn Vệ Linh, xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Tương truyền, Thánh Gióng bay lên trời từ đỉnh Vây Rồng. Cây mà Thánh Gióng vắt áo lên được gọi là cây Dịch Phục (cởi áo).

(3) *Huyện Gia Bình*: thuộc tỉnh Bắc Ninh ngày nay.

(4) *Làng Cháy*: tức làng Phù Chẩn (nay thuộc phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh).

Sau khi đọc

Em có biết?

- Truyện *Thánh Gióng* được lưu truyền rộng rãi ở nước ta (đặc biệt là ở miền Bắc) từ nhiều thế kỉ nay với một số dị bản. Văn bản truyện *Thánh Gióng* trên đây chỉ là một trong số các dị bản đó.
- Thánh Gióng được thờ ở nhiều nơi, trong đó nổi tiếng nhất là ở làng Phù Đổng, thôn Vệ Linh và làng Xuân Tảo.

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Nêu thời gian, địa điểm, hoàn cảnh diễn ra các sự việc trong câu chuyện.
2. Thánh Gióng đã ra đời một cách kì lạ như thế nào?
3. Chỉ ra ý nghĩa của các chi tiết sau:
   a. Câu nói của chú bé: "Ông về tâu với vua, đúc cho ta một con ngựa bằng sắt, làm cho ta một bộ áo giáp bằng sắt, và rèn cho ta một cái roi cũng bằng sắt, ta nguyện phá tan lũ giặc này.".
   b. Bà con hàng xóm vui lòng gom góp gạo thóc để nuôi chú bé.
   c. Chú bé vươn vai trở thành một tráng sĩ oai phong lẫm liệt.
   d. Ngựa sắt phun ra lửa, roi sắt quật giặc chết như ngả rạ và những cụm tre cạnh đường quật giặc tan vỡ.
   e. Tráng sĩ đánh giặc xong, cởi giáp sắt bỏ lại và bay thẳng lên trời.
4. Chiến công phi thường mà Thánh Gióng đã làm nên là gì? Em hãy nêu ý nghĩa của hình tượng Thánh Gióng.
5. Theo em, chủ đề của truyện *Thánh Gióng* là gì?
6. Lời kể nào trong truyện *Thánh Gióng* hàm ý rằng câu chuyện đã thực sự xảy ra trong quá khứ? Nhận xét về ý nghĩa của lời kể đó.

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về một hình ảnh hay hành động của Thánh Gióng đã để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất.

Thực hành tiếng Việt

NGHĨA CỦA TỪ NGỮ

1. *Giả* trong *sứ giả* có nghĩa là *người*, *kẻ*. Hãy tìm một số từ có yếu tố *giả* được dùng theo nghĩa như vậy và giải thích nghĩa của những từ đó.

TỪ GHÉP VÀ TỪ LÁY

2. Xác định từ ghép và từ láy trong những từ sau: *mặt mũi*, *xâm phạm*, *lo sợ*, *tài giỏi*, *vội vàng*, *gom góp*, *hoảng hốt*, *đền đáp*. Cho biết cơ sở để xác định như vậy.

CỤM TỪ

3. Chỉ ra cụm động từ và cụm tính từ trong những cụm từ sau: *chăm làm ăn*, *xâm phạm bờ cõi*, *cất tiếng nói*, *lớn nhanh như thổi*, *chạy nhờ*. Chọn một cụm động từ, một cụm tính từ và đặt câu với mỗi cụm từ được chọn.

BIỆN PHÁP TU TỪ

4. Nêu biện pháp tu từ được dùng trong những cụm từ sau: *lớn nhanh như thổi*, *chết như ngả rạ*. Vận dụng biện pháp tu từ này để nói về một sự vật hoặc hoạt động được kể trong truyện *Thánh Gióng*.

VĂN BẢN 2

Trước khi đọc

1. Đối với cuộc sống của con người, tuỳ từng thời điểm cụ thể, các hiện tượng tự nhiên có thể bộc lộ một trong hai mặt: ích lợi và tác hại. Nêu một số ích lợi và tác hại của các hiện tượng đó.
2. Hãy nêu những hoạt động của con người nhằm hạn chế tác hại của các hiện tượng tự nhiên mà em biết.

Đọc văn bản

Sơn Tinh, Thuỷ Tinh

THEO DÕI *Chú ý thời gian diễn ra câu chuyện.*

Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái là Mị Nương, người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu. Vua cha yêu thương Mị Nương rất mực, muốn kén cho con một người chồng thật xứng đáng.

Một hôm có hai chàng trai đến cầu hôn(1). Một người ở vùng núi Tản Viên(2) có tài lạ: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. Người ta gọi chàng là Sơn Tinh. Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém: gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa về. Người ta gọi chàng là Thuỷ Tinh.

(1) *Cầu hôn*: ở đây nghĩa là xin lấy làm vợ.

(2) *Tản Viên*: còn gọi là núi Ba Vì, thuộc địa phận thành phố Hà Nội. Núi có ba đỉnh, đỉnh cao nhất 1 281 m, có hình thất cổ bồng, trên toả ra tròn như cái tán nên gọi là Tản Viên.



Một người là chúa miền non cao, một người là chúa vùng nước thẳm, cả hai đều xứng đáng làm rể Vua Hùng. Vua Hùng băn khoăn, không biết nhận lời ai, từ chối ai, bèn cho vời các Lạc hầu(1) vào bàn bạc. Xong, vua phán(2):

– Hai ngài đều vừa ý ta, nhưng ta chỉ có một người con gái, biết gả cho ngài nào? Thôi thì ngày mai, ai đem sính lễ(3) đến trước, ta sẽ cho cưới con ta.

Hai chàng tâu hỏi đồ sính lễ cần sắm những gì, vua bảo: "Một trăm ván(4) cơm nếp, một trăm nệp(5) bánh chưng và voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao(6), mỗi thứ một đôi".

THEO DÕI *Sính lễ ở đây có gì đặc biệt?*

Hôm sau, mới tờ mờ sáng, Sơn Tinh đã đem đầy đủ lễ vật đến rước Mị Nương về núi.

Thuỷ Tinh đến sau, không lấy được vợ, đùng đùng nổi giận, đem quân đuổi theo, đòi cướp Mị Nương. Thần hô mưa, gọi gió, làm thành dông bão rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuồn cuộn đánh Sơn Tinh. Nước ngập ruộng đồng,

THEO DÕI *Điều gì đã xảy ra khi Thuỷ Tinh tức giận? Sơn Tinh đã ngăn chặn dòng nước lũ bằng cách nào?*

---

(1) *Lạc hầu*: chức danh chỉ người giúp Vua Hùng trông coi việc nước.

(2) *Phán*: (vua chúa, thần thánh hay người bề trên nói chung) truyền bảo, ra lệnh.

(3) *Sính lễ*: lễ vật (ở đây là lễ vật nhà trai mang đến biếu nhà gái để xin cưới).

(4) *Ván*: tấm gỗ phẳng và mỏng, ở đây có lẽ là cái mâm gỗ để đựng cơm nếp. Cũng có thể hiểu là cơm nếp được dàn ra thành từng tấm.

(5) *Nệp* (hoặc *đệp*): đồ được đan bằng tre nứa, dùng để đựng, tương tự như cái rổ, cái thúng.

(6) *Hồng mao*: lông màu hồng. "Ngựa chín hồng mao" ý chỉ một loài ngựa quý hiếm.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

nước tràn nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu[1] như nổi lềnh bềnh trên một biển nước.

Sơn Tinh không hề nao núng[2]. Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành luỹ đất, ngăn chặn dòng nước lũ. Nước sông dâng lên bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thuỷ Tinh đã kiệt. Thần Nước đành rút quân.

Từ đó, oán nặng, thù sâu, hằng năm Thuỷ Tinh làm mưa gió, bão lụt dâng nước đánh Sơn Tinh. Nhưng năm nào cũng vậy, vị Thần Nước đánh mỏi mệt, chán chê vẫn không thắng nổi Thần Núi để cướp Mị Nương, đành rút quân về.

(*Theo* Huỳnh Lý, *Văn 6*, tập một, NXB Giáo dục, 1994, tr. 7 – 9)

Sau khi đọc

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Các sự kiện trong một câu chuyện dân gian thường được kết nối với nhau bởi quan hệ nguyên nhân và kết quả.

   Hãy tóm lược cốt truyện *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* theo chuỗi quan hệ *nguyên nhân – kết quả* và thể hiện chuỗi quan hệ đó theo mẫu sau:



2. Trong câu chuyện này, những nhân vật nào được gọi là thần? Hãy chỉ ra những đặc điểm khiến cho họ được coi là những vị thần.
3. Cuộc thi tài kén rể trong câu chuyện này có gì đặc biệt?
4. Sơn Tinh phải giao tranh với Thuỷ Tinh vì lí do gì? Ai là người thắng cuộc và vì sao người thắng cuộc xứng đáng được xem là một anh hùng?
5. Chủ đề của truyện *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* là gì?
6. Truyền thuyết cũng thường lí giải nguồn gốc các sự vật, hiện tượng hoặc nguyên nhân của một hiện tượng thời tiết trong năm. Truyện *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* lí giải hiện tượng tự nhiên nào? Theo tác giả dân gian, nguyên nhân hiện tượng tự nhiên đó là gì?

---

(1) *Thành Phong Châu*: kinh đô của nước Văn Lang (theo truyền thuyết).

(2) *Nao núng*: dao động, lung lay.

7. Thử tưởng tượng em là Thuỷ Tinh và nêu những suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật sau khi bị thua cuộc.

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Đây là tưởng tượng của nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp về hình ảnh Sơn Tinh và Thuỷ Tinh:

Sơn Tinh có một mắt ở trán
Thuỷ Tinh râu ria quăn xanh rì
Một thần phi bạch hổ trên cạn
Một thần cưỡi lưng rồng uy nghi.

(Nguyễn Nhược Pháp, *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh*, trích trong tập *Ngày xưa*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1996, tr. 9)

Điều này cho thấy, từ những thông tin về nhân vật trong câu chuyện, mỗi chúng ta có thể tưởng tượng ra ngoại hình của nhân vật Sơn Tinh, Thuỷ Tinh theo cách riêng. Hãy ghi lại tưởng tượng của em bằng một đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu).

Thực hành tiếng Việt

DẤU CÂU

1. Tìm và cho biết công dụng của dấu chấm phẩy trong đoạn văn sau:

Một người ở vùng núi Tản Viên có tài lạ: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. Người ta gọi chàng là Sơn Tinh. Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém: gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa về. Người ta gọi chàng là Thuỷ Tinh.

2. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) có dùng dấu chấm phẩy.

Nhận biết công dụng của dấu chấm phẩy

Đọc câu sau để nhận biết công dụng của dấu chấm phẩy: *Én bố mẹ tấp nập đi, về, mài mốt mớm mồi cho con; én anh chị rập rờn bay đôi; én ra ràng chấp chới vỗ cánh bên rìa hốc đá.*

Đây là một câu ghép được tạo thành từ ba vế câu. Giữa *đi*, *về*, *mài mốt mớm mồi* trong vế câu thứ nhất đã có dấu phẩy nên ranh giới giữa ba vế trong câu ghép cần được đánh dấu bằng dấu chấm phẩy.

NGHĨA CỦA TỪ NGỮ

3. Trong truyện *Sơn Tinh*, *Thuỷ Tinh*, nhân vật Thuỷ Tinh còn được gọi là "Thần Nước". Trong tiếng Việt, nhiều từ có yếu tố *thuỷ* có nghĩa là "nước". Tìm một số từ có yếu tố *thuỷ* được dùng theo nghĩa như vậy và giải thích ngắn gọn nghĩa của những từ đó.

4. Giải thích nghĩa của các thành ngữ sau: *hô mưa gọi gió, oán nặng thù sâu*. Trong mỗi thành ngữ, các từ ngữ được sắp xếp theo kiểu: *hô – gọi*, *mưa – gió*, *oán – thù*, *nặng – sâu*. Hãy tìm thêm một số thành ngữ được tạo nên bằng cách tương tự.

BIỆN PHÁP TU TỪ

5. Tìm những câu văn có sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ trong văn bản *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* (Huỳnh Lý *kể*) và nêu tác dụng của biện pháp tu từ này.

Đọc văn bản

Ai ơi mồng 9 tháng 4

ANH THƯ

Từ xưa, người Kẻ Chợ[1] đã có câu ngạn ngữ[2]: "Nắng ông Từa, mưa ông Gióng". Có nghĩa là cứ vào ngày hội thánh Từa (tức Từ Đạo Hạnh[3]) mồng 7 tháng 3 âm lịch thì thế nào cũng nắng to; còn vào hội Gióng, mồng 9 tháng 4 âm lịch thì có mưa, vì bắt đầu mùa mưa dông. Lễ hội Gióng hay còn gọi là hội làng Phù Đổng là một trong những lễ hội lớn nhất ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ.

[...] Lễ hội Gióng diễn ra trên một khu vực rộng lớn xung quanh những vết tích còn lại của Thánh tại quê hương. Cố Viên, tức vườn cũ, nay ở giữa đồng thôn Đổng Viên, tương truyền là vườn cà của mẹ Gióng, tại đây bà đã giẫm phải vết chân ông Đổng, tảng đá có dấu chân kì lạ cũng ở vườn này. Miếu Ban, thuộc thôn Phù Dực, tên cũ là rừng Trại Nòn, là nơi Thánh được sinh ra. Hiện tại sau toà miếu còn có một ao nhỏ, giữa ao có gò nổi, trên gò có một bể con bằng đá tượng trưng cho bồn tắm và một chiếc liềm bằng đá là dụng cụ cắt rốn người anh hùng. Đền Mẫu (còn gọi là đền Hạ), nơi thờ mẹ Gióng, xây ở ngoài đê. Đặc biệt, đền Thượng là nơi thờ phụng Thánh, vốn được xây cất từ vị trí ngôi miếu tương truyền có từ thời Hùng Vương thứ sáu, trên nền nhà cũ của mẹ Thánh. Trong đền có tượng Thánh, sáu tượng quan văn, quan võ chầu hai bên cùng hai phỗng[4] quỳ và bốn viên hầu cận.

Từ mồng 1 tháng 3 đến mồng 5 tháng 4 âm lịch là thời gian chuẩn bị lễ hội. Hội bắt đầu từ ngày mồng 6. Trong những ngày này, dân làng tổ chức lễ rước cờ tới đền Mẫu, rước cơm chay (cơm cà) lên đền Thượng. Mồng 8 có lễ rước nước từ đền Hạ về đền Thượng, tượng trưng cho việc tôi luyện vũ khí trước khi đánh giặc. Mồng 9 vào chính hội có múa hát thờ[5], có hội trận và lễ khao quân. Hát thờ diễn ra trước thuỷ đình[6] ở đền Thượng,

---

(1) *Kẻ Chợ*: từ cổ, chỉ nơi đô thị đông đúc, thường là kinh đô. Ở đây chỉ Thăng Long – Hà Nội.

(2) *Ngạn ngữ*: lời nói hay, có ý nghĩa sâu sắc (thường đúc rút một kinh nghiệm, bài học) từ xưa truyền lại.

(3) *Từ Đạo Hạnh* (1072 – 1116): thiền sư nổi tiếng thời Lý, được thờ ở chùa Thầy, xã Quốc Oai, thành phố Hà Nội.

(4) *Phỗng*: tượng người đứng (hoặc quỳ) hầu tại một số nơi thờ tự.

(5) *Múa hát thờ*: ca hát và vũ đạo dùng trong nghi lễ thờ cúng thần linh.

(6) *Thuỷ đình*: ngôi nhà nhỏ được dựng trên mặt nước.

chủ yếu là hát dân ca. Hội trận[1] mô phỏng lại cảnh Thánh Gióng đánh giặc tại một cánh đồng rộng lớn. 28 cô tướng từ 9 đến 12 tuổi mặc tướng phục đẹp, tượng trưng cho 28 đạo quân thù. 80 phù giá[2] lưng đeo túi dết[3], chân quấn xà cạp[4] là quân ta. Đi đầu đám rước là dăm ba bé trai cầm roi rồng[5], mặc áo đỏ đi dọn đường, tượng trưng cho đạo quân mục đồng[6]. Theo sau là ông Hổ từng giúp Thánh phá giặc. Trong đám rước còn có cả ông Trống, ông Chiêng và 3 viên Tiểu Cổ[7] mặc áo xanh lĩnh xướng[8]. Ngoài ra còn có cả đánh cờ người. Trong khi ông hiệu cờ[9] đang say sưa múa cờ thì dân chúng xem hội chia nhau những đồ tế lễ. Họ tin rằng như vậy là được Thánh ban lộc, những vật dụng kia sẽ đem lại may mắn cho cả năm. Đám rước đi đến tận Đổng Viên, đi đến đâu cờ quạt tưng bừng đến đấy. Vào ngày mồng 10, văn hội có lễ duyệt quân, tạ ơn Thánh. Ngày 11 làm lễ rửa khí giới và ngày 12 làm lễ rước cờ báo tin thắng trận với trời đất.

Lễ hội Gióng không chỉ giúp người xem được chứng kiến các nghi thức với những thao tác thuần thục, mang tính nghệ thuật và biểu trưng cao mà còn là dịp để mỗi người Việt Nam có thể cảm nhận mối quan hệ nhiều chiều: cá nhân và cộng đồng, thực tại và hư vô, thiêng liêng và trần thế,... Tất cả đều được gìn giữ như một tài sản vô giá lưu truyền mãi về sau. [...]

(*Theo* Anh Thư, báo điện tử *Hà Nội mới*, ngày 07/4/2004)

Sau khi đọc

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Văn bản này thuật lại sự kiện gì?
2. Đoạn mở đầu của văn bản nêu rõ những thông tin gì?
3. Hội Gióng diễn ra ở những địa điểm nào? Những địa điểm đó nhắc em nhớ đến các chi tiết nào trong truyền thuyết *Thánh Gióng*?

---

(1) *Hội trận*: hội tổ chức theo hình thức chiến trận để ca ngợi chiến công của thần linh (người anh hùng được thờ).
(2) *Phù giá*: những người đi theo kiệu thờ để bảo vệ.
(3) *Túi dết*: túi bằng vải hoặc bằng da dày, có quai đeo dài.
(4) *Xà cạp*: dải vải dài quấn quanh ống chân hoặc ngoài ống quần để bảo vệ chân.
(5) *Roi rồng*: roi được làm như hình con rồng (con vật trong tưởng tượng của người xưa).
(6) *Mục đồng*: trẻ chăn trâu, bò.
(7) *Tiểu Cổ*: cái trống con.
(8) *Lĩnh xướng*: hát đơn ca một câu, một đoạn trước hoặc sau phần hát của tập thể (trong tốp ca, dàn đồng ca, dàn hợp xướng).
(9) *Hiệu cờ*: người cầm cờ, múa cờ chỉ huy.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

4. Hãy tóm tắt tiến trình diễn ra hội Gióng bằng một bảng với các nội dung: thứ tự, thời gian, không gian, sự kiện, người tham gia.
5. Một số hình ảnh, hoạt động trong lễ hội được tác giả bài viết giải thích rõ ý nghĩa tượng trưng. Tìm và liệt kê các hình ảnh, hoạt động đó.
6. Theo tác giả bài viết, lễ hội Gióng có ý nghĩa, giá trị gì?

Viết

Viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hoá)

Trong cuộc sống, nhiều khi chúng ta cần trình bày, cung cấp thông tin hay giải thích về sự vật, hiện tượng dưới dạng một văn bản. Kiểu văn bản đó được gọi là văn bản thuyết minh (thuộc loại văn bản thông tin). Bài *Ai ơi mồng 9 tháng 4* là văn bản thuyết minh thuật lại một sự kiện (một lễ hội dân gian). Em hãy viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hoá như: lễ hội dân gian, hội chợ xuân,...) mà em đã tìm hiểu, quan sát hoặc trực tiếp tham gia.

Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện:

- Xác định rõ người tường thuật tham gia hay chứng kiến sự kiện và sử dụng ngôi tường thuật phù hợp.
- Giới thiệu được sự kiện cần thuật lại, nêu được bối cảnh (không gian và thời gian).
- Thuật lại được diễn biến chính, sắp xếp các sự việc theo một trình tự hợp lí.
- Tập trung vào một số chi tiết tiêu biểu, hấp dẫn, thu hút được sự chú ý của người đọc.
- Nêu được cảm nghĩ, ý kiến của người viết về sự kiện.

Phân tích bài viết tham khảo

Hội chợ xuân ở trường tôi

Một cái Tết nữa sắp đến. Trong những ngày này, việc chuẩn bị chào đón năm mới diễn ra náo nhiệt ở khắp mọi nơi. Học sinh trường tôi cũng tổ chức hội chợ xuân truyền thống trong sân trường.

Người tường thuật ngôi thứ nhất số ít ("tôi").

Hội chợ này đã được nhà trường chuẩn bị suốt hai tuần. Các thầy cô giáo, nhất là các thầy cô giáo chủ nhiệm lớp, cùng với hội phụ huynh và nhiều học sinh, sau mỗi buổi học, lại cùng bắt tay vào các công việc như: trang trí sân khấu chính, dựng các gian hàng, sắp xếp các vật dụng cần thiết, tập nấu các món ăn cổ truyền, sắm sửa các món hàng truyền thống của địa phương,… Đây là hoạt động thường niên của nhà trường, nhưng năm nay là năm đầu tiên tôi được tham gia nên cảm thấy rất hào hứng.

Giới thiệu hội chợ xuân (bối cảnh, mục đích,…).

Sáng ngày 20 tháng Chạp, gần như toàn bộ các thầy cô giáo và học sinh cùng nhiều phụ huynh đã có mặt trong sân trường. Mọi người ai vào việc nấy hết sức khẩn trương. Đúng 8 giờ, lễ khai mạc chính thức bắt đầu. Sau màn tuyên bố lí do, giới thiệu đại biểu của hai bạn dẫn chương trình, thầy Hiệu trưởng lên sân khấu phát biểu khai mạc hội chợ. Liền sau đó là một số tiết mục văn nghệ chào mừng như: hát múa quạt, nhảy sạp, hát dân ca,… Ấn tượng nhất là màn sân khấu hoá các tác phẩm văn học dân gian, trong đó vở kịch *Bánh chưng, bánh giầy* được khen ngợi hơn cả. Vở kịch giúp tôi hình dung rõ hơn, sinh động hơn về nguồn gốc của loại bánh cổ truyền trong ngày Tết truyền thống của người Việt. Đồng thời, các gian hàng cũng chính thức mở cửa chào đón người mua với nhiều mặt hàng phong phú. Có lớp bán bánh trôi, bánh chay; có lớp bán bánh chưng, bánh tét, bánh giầy; lại có lớp bán con tò he hay các sản phẩm gốm thủ công xinh xắn; cũng có lớp bán mũ nan, nón lá, tăm tre; thậm chí có lớp bày bán cả các bức thư pháp chữ Hán và chữ Quốc ngữ,… Các mặt hàng rất phong phú, đẹp mắt nhưng giá cả lại rất rẻ, vừa với túi tiền của đa số học sinh. Đó cũng là những món đồ mà trong những ngày thường, nhiều người không dễ tìm mua. Nhiều thứ tôi được thấy lần đầu tiên và phải hỏi kĩ người bán mới biết tên và cách dùng. Không chỉ có các gian hàng cố định, trong sân trường còn xuất hiện cả những gánh hàng rong y như những gánh hàng rong ở quê mà thỉnh thoảng tôi còn được nhìn thấy. Mọi người tham gia đều cố gắng đi hết các gian hàng, hoặc dừng lại ở những gánh hàng rong và mua cho mình một món đồ gì đó để ăn hoặc làm kỉ niệm. Tiếng rao hàng, tiếng trả giá, tiếng cười nói râm ran cả sân trường.

Sắp xếp các chi tiết hợp lí (theo trình tự thời gian trước – sau, không gian trung tâm – xung quanh).

Tập trung vào một số chi tiết tiêu biểu, hấp dẫn (lễ khai mạc, màn sân khấu hoá,…).

Cứ như thế, hội chợ kéo dài đến 6 giờ chiều mới tan. Ai cũng có vẻ mệt nhưng đều rất vui vẻ.

Hội chợ lần này đã để lại cho tôi ấn tượng rất sâu sắc. Qua hội chợ, tôi biết thêm được nhiều món đồ mà ngày xưa tổ tiên ta đã làm ra và sử dụng. Tôi cũng được sống trong một bầu không khí rộn rã, vui tươi, đầy màu sắc. Nó cho tôi cảm nhận được sự đầm ấm, yên vui của những ngày chuẩn bị đón tết Nguyên đán. Nhất định, đây sẽ là một kỉ niệm đáng nhớ trong cuộc đời học sinh của tôi.

Thể hiện đánh giá, cảm nghĩ của người viết.

(Bài làm của học sinh, có chỉnh sửa)

Thực hành viết theo các bước

1. TRƯỚC KHI VIẾT

a. *Lựa chọn đề tài*

– Hãy nhớ lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hoá) mà em trực tiếp tham gia hoặc tìm hiểu, quan sát được qua các phương tiện thông tin.

– Có thể tham khảo một số đề tài sau:

+ Hội chợ sách
+ Hội chợ hoa xuân ở thành phố, làng quê của em
+ Lễ hội dân gian (hội Đền Hùng, hội Gióng, hội làng,...)
+ Hội khoẻ Phù Đổng ở trường hoặc địa phương em.

Mục đích viết

Cung cấp thông tin xác thực, đầy đủ, mới mẻ, hữu ích cho người đọc về sự kiện.

Người đọc

Thầy cô, bạn bè, người thân và những người quan tâm đến sự kiện được tường thuật trong bài viết.

b. *Tìm ý*

Sau khi đã lựa chọn được sự kiện định tường thuật, hãy tìm ý cho bài viết bằng một số hoạt động sau:

– Hồi tưởng và ghi lại vắn tắt những điều có thể giúp em hình dung rõ về sự kiện:

+ Thời gian, địa điểm diễn ra sự kiện
+ Hoạt động chính (trình tự, kết quả của hoạt động)
+ Ý nghĩa của sự kiện.

– Sưu tầm các đồ vật có thể minh hoạ, gợi ấn tượng về sự kiện: vật lưu niệm, lô-gô, huy hiệu, tranh ảnh, đoạn phim ngắn,...

c. *Lập dàn ý*

Sắp xếp các thông tin đã tìm được cho bài viết thành một dàn ý như sau:

Dàn ý
– Mở bài: Giới thiệu sự kiện (không gian, thời gian, mục đích tổ chức sự kiện). – Thân bài: Tóm tắt diễn biến của sự kiện theo trình tự thời gian. + Những nhân vật tham gia sự kiện. + Các hoạt động chính trong sự kiện; đặc điểm, diễn biến của từng hoạt động. + Hoạt động để lại ấn tượng sâu sắc nhất. – Kết bài: Nêu ý nghĩa của sự kiện và cảm nghĩ của người viết.

2. VIẾT BÀI

Khi viết bài, cần bám sát dàn ý đã lập. Ngoài ra, cần chú ý thêm:

– Chọn ngôi tường thuật phù hợp, thống nhất. Trong bài thuyết minh này, em sẽ dùng ngôi thứ nhất (có thể số ít hoặc số nhiều) để tường thuật.

– Thuyết minh về sự kiện một cách chi tiết và có trình tự. Cần cung cấp cho người đọc các thông tin về bối cảnh, nhân vật tham gia, diễn biến của sự kiện (nên theo trình tự thời gian).

– Cần biểu lộ cảm xúc, đánh giá của em về sự kiện một cách ngắn gọn.

3. CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Rà soát và chỉnh sửa bài viết của em theo gợi ý sau:

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Xác định rõ người tường thuật trực tiếp tham gia hay chỉ chứng kiến sự kiện và sử dụng ngôi tường thuật thích hợp.	Nếu chưa xác định người tường thuật, cần xác định rõ. Rà soát để thống nhất về ngôi tường thuật (đại từ nhân xưng).
Giới thiệu được sự kiện cần thuật lại, nêu được bối cảnh (không gian, thời gian).	Nếu chưa giới thiệu được sự kiện và nêu được bối cảnh, cần bổ sung.
Thuật lại được diễn biến chính, sắp xếp các sự việc theo một trình tự hợp lí.	Rà soát trình tự sự việc xem đã hợp lí chưa; nếu chưa thì cần sắp xếp lại sao cho hợp lí.
Cung cấp đầy đủ các chi tiết về sự kiện, trong đó có một số chi tiết hấp dẫn, thu hút được sự chú ý của người đọc.	Rà soát các chi tiết trong bài viết xem đã đầy đủ chưa, đã có những chi tiết hấp dẫn chưa. Nếu thiếu thì bổ sung.
Nêu được cảm nghĩ, ý kiến của người viết về sự kiện.	Cảm xúc, đánh giá có thể trình bày sau mỗi hoạt động được tường thuật hoặc ở phần Kết bài. Nếu thiếu thì cần bổ sung.
Bảo đảm yêu cầu về chính tả và diễn đạt.	Rà soát lỗi chính tả và diễn đạt (dùng từ, đặt câu,...). Chỉnh sửa nếu phát hiện lỗi.

Nói và nghe

Kể lại một truyền thuyết

Truyền thuyết cũng như các truyện dân gian khác được lưu truyền nhờ lời kể, bằng lời kể. Nếu muốn kể hoặc được yêu cầu kể một truyền thuyết đã đọc, đã nghe, em sẽ thực hiện như thế nào?

1. TRƯỚC KHI NÓI

a. *Chuẩn bị nội dung nói*

– *Chọn truyền thuyết và ngôi kể*:

+ Nên chọn truyền thuyết mà em yêu thích, có nội dung hấp dẫn, giàu ý nghĩa, có độ dài vừa phải. Nếu được chỉ định kể lại một truyền thuyết cụ thể, hãy đọc kĩ để nắm được các sự kiện, chi tiết tiêu biểu.

+ Chọn ngôi kể là ngôi thứ ba (giống như ở truyền thuyết mà em đã đọc hoặc đã nghe).

– *Tóm tắt câu chuyện*: ghi các sự việc chính của câu chuyện theo một trật tự hợp lí (thường theo trình tự thời gian trước – sau, quan hệ nguyên nhân – kết quả) để dễ dàng ghi nhớ và kể lại.

– *Xác định từ ngữ then chốt và giọng kể thích hợp*: nhớ chính xác các từ ngữ chỉ thời gian, địa điểm diễn ra câu chuyện; xác định đúng những lời nói quan trọng của nhân vật để không bỏ qua khi kể lại; chọn giọng kể phù hợp với nội dung của câu chuyện (sôi nổi, hào hứng, trầm lắng,...).

Mục đích nói

Kể lại một truyền thuyết, giúp người nghe hiểu được cốt truyện và ý nghĩa của truyện.

Người nghe

Thầy cô, các bạn, người thân và những người quan tâm đến truyền thuyết em kể.

b. *Tập luyện*

– Tập luyện một mình hoặc cùng bạn bè, người thân. Thử nhiều cách khác nhau để tìm ra cách kể tốt nhất.

– Có thể lựa chọn và sử dụng thêm các phương tiện hỗ trợ nếu thấy cần thiết (âm nhạc, tranh ảnh, bản trình chiếu, đạo cụ,...).

2. TRÌNH BÀY BÀI NÓI

Ngoài một số kĩ năng trình bày đã được học ở các bài trước, em cần chú ý thêm một số điều sau:

– Với truyền thuyết, giọng kể phù hợp nhất là trang nghiêm nhưng cũng có lúc cần thay đổi linh hoạt cho phù hợp với nội dung câu chuyện (tình cảm, hào sảng, trầm lắng,...). Khi kể, sử dụng hợp lí ngôn ngữ cơ thể (động tác, điệu bộ, khẩu hình, nét mặt,...) để tăng thêm tính sinh động, hấp dẫn của truyện kể.

– Không nên kể dàn trải mà nên tập trung vào những sự việc quan trọng; chú ý cách chuyển tiếp giữa các sự việc để tạo sự kết nối liền mạch của câu chuyện em kể.

– Ở một số truyền thuyết, kết thúc của câu chuyện có thể chỉ dẫn đến một địa danh, một sự vật, hiện tượng,... nào đó vẫn tồn tại trong cuộc sống hôm nay. Nên chuẩn bị một số tranh, ảnh, đoạn phim ngắn,... về địa danh, sự vật, hiện tượng đó để bài nói của em thêm hấp dẫn.

3. SAU KHI NÓI

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
• Yêu cầu người nói kể lại hay làm rõ những chi tiết liên quan đến các sự việc được kể. • Nêu nhận xét về bài kể (từ ngữ, giọng kể, độ chính xác về nội dung,...).	• Bổ sung, làm rõ các chi tiết hoặc diễn biến câu chuyện. • Trao đổi lại các ý kiến nhận xét của người nghe. Cảm ơn và tiếp thu những góp ý, nhận xét xác đáng.

Củng cố, mở rộng

1. Thảo luận về các đặc điểm của truyền thuyết và hoàn thiện bảng theo mẫu sau:

STT	Các yếu tố	Đặc điểm
1	Chủ đề	
2	Nhân vật	
3	Cốt truyện	
4	Lời kể	
5	Yếu tố kì ảo	

2. Sưu tầm một số bản kể khác của các truyền thuyết đã học. So sánh và nêu nhận xét về sự giống và khác nhau (sự kiện, chi tiết,...) giữa các bản kể.

3. Tìm hiểu, giới thiệu một tác phẩm thơ hoặc vở kịch thể hiện nội dung truyện *Thánh Gióng* và nội dung truyện *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh*.

4. Theo em, vì sao hội thi thể thao trong nhà trường phổ thông thường được đặt tên là *Hội khoẻ Phù Đổng*?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản dưới đây, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Hoàn cảnh và sự kiện được kể.
- Những đặc điểm chính của nhân vật Lang Liêu.
- Những truyền thống tốt đẹp của người Việt được câu chuyện ca ngợi.

Bánh chưng, bánh giầy[1]

Hùng Vương lúc về già, muốn truyền ngôi, nhưng nhà vua có những hai mươi người con trai, biết chọn ai cho xứng đáng? Giặc ngoài đã dẹp yên, nhưng giặc trong phải đề phòng; dân có ấm no, ngai vàng mới vững.

Nhà vua bèn gọi các con lại, nói:

– Tổ tiên ta từ khi dựng nước, đã truyền được sáu đời. Giặc Ân nhiều lần xâm lấn bờ cõi, nhờ phúc ấm[2] Tiên vương[3] ta đều đánh đuổi được, thiên hạ được hưởng thái bình. Nhưng ta già rồi, không sống mãi ở đời, người nối ngôi ta phải biết nối chí ta, không nhất thiết phải là con trưởng. Năm nay, nhân lễ Tiên vương, hễ trong các con, người nào làm vừa ý ta, ta sẽ truyền ngôi cho, có Tiên vương chứng giám[4].

Các ông lang[5] ai cũng muốn ngôi báu về mình, nên ai cũng cố làm vừa ý vua cha. Nhưng ý vua cha như thế nào, không ai đoán được. Họ chỉ biết đua nhau làm cỗ thật hậu[6], thật ngon đem về lễ Tiên vương.

Người buồn nhất là Lang Liêu. Ông là con thứ mười tám; mẹ ông trước kia bị vua cha ghẻ lạnh[7], ốm mà chết. So với anh em, ông thiệt thòi nhất. Anh em, tả hữu[8] nhiều, khắp trên núi, dưới biển, đâu có của quý là sai người đi tìm. Còn ông neo đơn biết lấy gì lễ Tiên vương cho vừa ý vua cha? Từ khi lớn lên,

---

(1) *Bánh giầy*: có nhiều cách viết: *bánh giầy* (*giày*), *bánh dầy* (*dày*). Ở đây chúng tôi chọn cách viết *bánh giầy*.

(2) *Phúc ấm*: phúc lành của tổ tiên để lại cho con cháu.

(3) *Tiên vương*: vị vua cùng triều đời trước, đã mất.

(4) *Chứng giám*: soi xét, chứng kiến, làm chứng cho.

(5) *Lang*: ở đây chỉ các hoàng tử con Vua Hùng.

(6) *Hậu*: chỉ sự đầy đặn, thường nói về lễ vật, ơn nghĩa, phúc đức,...

(7) *Ghẻ lạnh*: thờ ơ, xa lánh, không quan tâm.

(8) *Tả hữu*: chỉ người thân cận giúp việc cho vua, quan thời xưa.

ra ở riêng, ông chỉ chăm lo việc đồng áng, trồng lúa, trồng khoai; bây giờ nhìn quanh quẩn trong nhà, cũng chỉ khoai lúa là nhiều. Nhưng khoai lúa thì tầm thường quá!

Một đêm, ông nằm mộng thấy thần nhân đến bảo:

– Trong trời đất, không gì quý bằng hạt gạo. Chỉ có gạo mới nuôi sống con người và ăn không bao giờ chán. Các thứ khác, tuy ngon, nhưng hiếm, mà người không làm ra được. Còn lúa gạo thì tự tay ta trồng lấy, trồng nhiều được nhiều. Hãy lấy gạo làm bánh mà lễ Tiên vương!

Tỉnh dậy, Lang Liêu mừng thầm. Ngẫm nghĩ bao nhiêu, ông càng thấy lời thần nhân nói đúng bấy nhiêu. Ông bèn chọn thứ gạo nếp thơm lừng, trắng tinh, hạt nào hạt nấy tròn mẩy(1), đem vo thật sạch, lấy đậu xanh, thịt lợn làm nhân, dùng lá dong trong vườn đùm lại thành hình vuông, nấu một ngày một đêm thật nhừ. Để đổi vị, đổi kiểu, cũng thứ gạo nếp ấy, ông đồ(2) lên, giã nhuyễn, nặn hình tròn.

Đến ngày lễ Tiên vương, các ông lang mang sơn hào hải vị(3), nem công chả phượng(4) tới, chẳng thiếu thứ gì. Vua cha xem qua một lượt rồi dừng lại trước chồng bánh của Lang Liêu, rất vừa ý, bèn cho gọi lên hỏi. Lang Liêu đem giấc mộng gặp thần nhân ra kể lại. Vua cha ngẫm nghĩ rất lâu rồi chọn hai thứ bánh ấy đem tế(5) Trời, Đất, cúng Tiên vương.

Lễ xong, vua cho đem bánh ra ăn cùng với quần thần(6). Ai cũng tấm tắc khen ngon.

Vua họp mọi người lại nói:

– Bánh hình tròn là tượng *Trời*(7), đặt tên là bánh giầy. Bánh hình vuông là tượng *Đất*(8), các thứ thịt mỡ, đậu xanh, lá dong là tượng cầm thú, cây cỏ, muôn loài, đặt tên là bánh chưng. Lá gói ngoài, mĩ vị(9) để trong là ngụ ý đùm bọc nhau. Lang Liêu đã dâng lễ vật hợp với ý ta. Lang Liêu sẽ nối ngôi ta, xin Tiên vương chứng giám.

Từ đấy, nước ta chăm nghề trồng trọt, chăn nuôi và mới có tục ngày Tết làm bánh chưng, bánh giầy. Thiếu bánh chưng, bánh giầy là thiếu hẳn hương vị ngày Tết.

(*Theo* Trương Chính, *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập I – *Văn học dân gian*, NXB Văn học, Hà Nội, 1977, tr. 548 – 550)

---

(1) *Mẩy*: to, dày và chắc.

(2) *Đồ*: nấu chín bằng hơi nước bốc lên ở nhiệt độ cao.

(3) *Sơn hào hải vị*: những món ngon và lạ.

(4) *Nem công chả phượng*: chỉ món ăn ngon, sang trọng, quý hiếm nói chung.

(5) *Tế*: làm lễ cúng vái.

(6) *Quần thần*: các bề tôi, các quan trong triều.

(7) *Tượng Trời*: gợi hình ảnh bầu trời, người xưa quan niệm trời hình tròn.

(8) *Tượng Đất*: gợi hình ảnh mặt đất, người xưa quan niệm đất hình vuông.

(9) *Mĩ vị*: vị ngon, ở đây chỉ các vật liệu quý để làm bánh chưng.

Bài 7

THẾ GIỚI CỔ TÍCH

Tôi yêu chuyện cổ nước tôi
Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa.

(Lâm Thị Mỹ Dạ)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Thời thơ ấu, chắc hẳn em đã từng được nghe nhiều câu chuyện thú vị đưa ta vào một thế giới đặc biệt: thế giới cổ tích. Đó là thế giới của những nhân vật thiện, ác rõ ràng; của những sự thưởng, phạt phân minh; đó còn là thế giới của những phép màu, những điều kì lạ, khác thường,... Bài học này sẽ đưa em trở lại thế giới đó với những phát hiện thú vị và sâu sắc.
- Em sẽ được khám phá những cốt truyện li kì, thả trí tưởng tượng theo những chi tiết kì ảo để rồi từ đó rút ra được nhiều bài học đời sống rất thực từ chính thế giới tưởng như hoang đường ấy. Em cũng có thể kể lại những câu chuyện ấy theo cách riêng của mình.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện cổ tích như: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và yếu tố kì ảo.
- Nêu được ấn tượng chung về văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.
- Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.
- Biết vận dụng kiến thức về nghĩa của từ ngữ và biện pháp tu từ để đọc, viết, nói và nghe.
- Viết được bài văn kể lại một truyện cổ tích.
- Kể được một truyện cổ tích một cách sinh động.
- Sống vị tha, yêu thương con người; trung thực, khiêm tốn.

Đọc

TRI THỨC NGỮ VĂN

Truyện cổ tích

Truyện cổ tích là loại truyện dân gian có nhiều yếu tố hư cấu, kì ảo, kể về số phận và cuộc đời của các nhân vật trong những mối quan hệ xã hội. Truyện cổ tích thể hiện cái nhìn về hiện thực, bộc lộ quan niệm đạo đức, lẽ công bằng và ước mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn của người lao động xưa.

Một số yếu tố của truyện cổ tích

- Truyện cổ tích thường kể về những xung đột trong gia đình, xã hội, phản ánh số phận của các cá nhân và thể hiện ước mơ đổi thay số phận của chính họ.
- Nhân vật trong truyện cổ tích đại diện cho các kiểu người khác nhau trong xã hội, thường được chia làm hai tuyến: chính diện (tốt, thiện) và phản diện (xấu, ác).
- Các chi tiết, sự việc thường có tính chất hoang đường, kì ảo.
- Truyện được kể theo trật tự thời gian tuyến tính, thể hiện rõ quan hệ nhân quả giữa các sự kiện.
- Lời kể trong truyện cổ tích thường mở đầu bằng những từ ngữ chỉ không gian, thời gian không xác định. Tuỳ thuộc vào bối cảnh, người kể chuyện có thể thay đổi một số chi tiết trong lời kể, tạo ra nhiều bản kể khác nhau ở cùng một cốt truyện.

VĂN BẢN ĐỌC

VĂN BẢN 1. *Thạch Sanh*
VĂN BẢN 2. *Cây khế*
VĂN BẢN 3. *Vua chích choè*

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

VĂN BẢN 1

Trước khi đọc

1. Trong thế giới tưởng tượng, những con vật kì ảo thường được hình dung là có nhiều đặc điểm kì lạ, biết nói tiếng người, có nhiều phép thần thông, biến hoá, có thể hại người hoặc giúp ích cho người.

   Việc sáng tạo ra những con vật kì ảo thường đem lại sự hấp dẫn, thú vị cho câu chuyện. Hãy tưởng tượng, vẽ một con vật kì ảo và giới thiệu về con vật đó.

2. Em cũng có thể làm tương tự với việc tưởng tượng ra các đồ vật kì ảo. Trình bày về đặc điểm và chức năng của đồ vật đó.

Đọc văn bản

Thạch Sanh

Ngày xưa, có một chàng trai nghèo tên là Thạch Sanh. Thạch Sanh sống lủi thủi một mình trong túp lều cũ dựng dưới gốc đa. Cả gia tài chỉ có một lưỡi búa, hằng ngày lên rừng đốn củi kiếm ăn.

THEO DÕI *Chú ý thời gian, không gian bắt đầu câu chuyện.*

Một hôm có người hàng rượu tên là Lý Thông đi qua đó, nghỉ ở gốc đa. Thấy Thạch Sanh gánh về một gánh củi lớn, hắn nghĩ bụng: "Người này khoẻ như voi. Nếu nó về ở cùng ta thì lợi bao nhiêu". Lý Thông lân la gợi chuyện rồi gạ cùng Thạch Sanh kết nghĩa anh em. Vì sớm mồ côi cha mẹ, tứ cố vô thân[1], nay lại có người săn sóc đến mình, Thạch Sanh cảm động, vui vẻ nhận lời và chàng từ giã gốc cây đa đến sống chung với mẹ con Lý Thông.

DỰ ĐOÁN *Điều gì sẽ xảy ra tiếp sau đó?*

Bấy giờ trong vùng có con trăn tinh[2] có nhiều phép lạ, thường ăn thịt người. Quan quân đã nhiều lần đến bổ vây[3] định diệt trừ nhưng không thể làm gì được. Dân trong vùng phải lập cho nó một cái miếu thờ, hằng năm nộp một mạng người cho nó ăn thịt để nó đỡ phá phách.

Năm ấy đến lượt Lý Thông nộp mình. Mẹ con hắn nghĩ kế lừa cho Thạch Sanh đi chết thay. Chiều hôm đó, Thạch Sanh đi kiếm củi về, Lý Thông dọn một mâm rượu thịt ê hề mời ăn, rồi bảo:

– Đêm nay anh đến phiên đi canh miếu thờ, ngặt vì dở cất mẻ rượu, em chịu khó đi thay anh một đêm, đến sáng lại về.

Thạch Sanh thật thà nhận lời đi ngay.

Nửa đêm hôm ấy, Thạch Sanh đang mơ màng nửa thức nửa ngủ, bỗng nghe thấy có tiếng động mạnh sau miếu. Chàng vừa xách búa đứng dậy thì trăn tinh đã hiện ra, nhe nanh vuốt xông vào con mồi. Thạch Sanh không hề sợ hãi, giơ cao búa giáng thật mạnh vào đầu trăn tinh. Thạch Sanh đã xả xác nó ra làm hai mảnh. Trăn tinh hiện nguyên hình là một con trăn khổng lồ và

---

(1) *Tứ cố vô thân*: đơn độc, không có ai thân thích.

(2) *Trăn tinh*: con trăn đã tu luyện, trở thành yêu quái.

(3) *Bổ vây* (hoặc *bủa vây*): dùng lực lượng với số đông để ngăn chặn khắp mọi phía, không cho đối tượng thoát.

để lại bên mình một bộ cung tên bằng vàng. Thạch Sanh ung dung chặt đầu con quái vật và nhặt bộ cung tên vàng xách về nhà. Lúc ấy đã gần về sáng. Mẹ con Lý Thông còn đang ngủ bỗng nghe tiếng gọi cửa. Ngờ là oan hồn Thạch Sanh hiện về báo oán, chúng hoảng sợ van lạy rối rít. Khi Thạch Sanh vào nhà kể chuyện giết trăn tinh, mẹ con Lý Thông mới hoàn hồn. Nhưng những kẻ độc ác thì trong đầu bao giờ cũng có sẵn những mưu thâm. Lý Thông nói với Thạch Sanh:

– Con trăn ấy vốn là của nhà vua nuôi từ lâu. Nay em giết nó chắc không tránh khỏi tội nặng. Thôi bây giờ nhân trời chưa sáng, em hãy trốn ngay đi. Có chuyện gì để anh ở nhà lo liệu!

Thạch Sanh thật thà tin ngay, vội từ giã mẹ con Lý Thông ra đi. Chàng lại trở về với túp lều cũ dưới gốc đa, kiếm củi nuôi thân. Còn Lý Thông hí hửng đem đầu của con yêu quái vào kinh đô nộp cho nhà vua. Vua khen ngợi và phong cho làm Quận công.

THEO DÕI *Chú ý hành động của Thạch Sanh và Lý Thông sau khi Thạch Sanh bị Lý Thông lừa.*



Nhà vua có một cô công chúa vừa đến tuổi lấy chồng. Một hôm công chúa đang ngồi trên lầu cao bỗng bị một con đại bàng khổng lồ bay đến quắp đi. Con đại bàng bay qua phía trên túp lều của Thạch Sanh, Thạch Sanh trông thấy liền dùng cung tên vàng bắn theo một phát. Mũi tên trúng vào cánh đại bàng. Nó đau đớn, quằn quại nhưng gắng sức bay về đến hang trong núi sâu. Thạch Sanh lần theo vết máu, tìm được chỗ ở của đại bàng.



Nhà vua vô cùng đau đớn, bèn sai Lý Thông đi tìm, hứa sẽ gả công chúa và nhường ngôi cho. Vừa mừng, vừa lo, Lý Thông lại tìm đến túp lều dưới gốc đa của Thạch Sanh. Thạch Sanh thật thà kể cho hắn nghe chàng đã bắn đại bàng bị thương và lần ra được

hang ổ của nó như thế nào. Lý Thông mừng quá liền nhờ Thạch Sanh dẫn đường cho quân sĩ đến hang đá. Hang sâu thăm thẳm, nhìn vào ai cũng thấy rùng mình, hoảng sợ.

Thạch Sanh xin cho mình được xuống hang cứu công chúa. Quân sĩ lấy dây dài buộc vào lưng chàng rồi dòng xuống. Đại bàng nguyên là một con yêu tinh ở trên núi có nhiều phép lạ. Tuy bị thương nặng nhưng khi thấy Thạch Sanh xuất hiện nó cũng đã vùng ngay dậy được, vung cánh chĩa vuốt, lao vào kẻ thù mạnh như một cơn bão lớn. Thạch Sanh dùng cung tên vàng bắn mù hai mắt đại bàng, rồi vung búa chặt đứt vuốt sắc, bổ vỡ đôi đầu đại bàng. Sau khi giết được chim dữ, Thạch Sanh lấy dây buộc vào người công chúa rồi ra hiệu cho quân Lý Thông kéo lên trước. Sau khi đưa được công chúa lên tới mặt đất, Lý Thông liền ra lệnh cho quân sĩ vần những tảng đá lớn lấp kín cửa hang lại, rồi kéo nhau về. Thạch Sanh đi sâu vào hang, để tìm lối ra khác. Đến cuối hang, chàng thấy có một chiếc cũi sắt. Một chàng trai khôi ngô tuấn tú bị nhốt trong đó, chàng trai đó chính là Thái tử con vua Thuỷ Tề. Thạch Sanh bèn dùng cung vàng bắn tan cũi sắt cứu Thái tử ra. Thái tử thoát nạn hết lời cảm tạ chàng và mời chàng xuống chơi Thuỷ phủ[1]. Vua Thuỷ Tề sung sướng được gặp lại con, đãi chàng rất hậu. Khi chàng về, vua biếu rất nhiều vàng bạc nhưng Thạch Sanh không nhận, chỉ xin có một cây đàn. Rồi chàng lại trở về gốc đa sinh nhai[2] bằng nghề cũ.

TƯỞNG TƯỢNG *Thế giới do vua Thuỷ Tề cai trị có những đặc điểm gì?*

Hồn trăn tinh và đại bàng lang thang, một hôm gặp nhau bàn cách báo thù Thạch Sanh. Chúng vào kho của nhà vua ăn trộm của cải mang tới quẳng ở gốc đa để vu vạ cho Thạch Sanh. Thạch Sanh bị bắt hạ ngục.

Về phần nàng công chúa bất hạnh, từ khi được cứu thoát đưa về cung thì bị câm. Suốt ngày nàng chẳng nói, chẳng cười, mặt buồn rười rượi. Vua đành hoãn việc cưới xin và bảo Lý Thông mời thầy thuốc về chạy chữa. Không biết bao nhiêu thầy thuốc giỏi trong nước đã được mời đến nhưng không ai chữa được bệnh câm và tâm trạng sầu não của công chúa.

Một hôm, Thạch Sanh ngồi trong ngục tối, đem đàn của vua Thuỷ Tề cho ra gẩy. Tiếng đàn vang lên như những lời trách oán, trách sự hờ hững của

(1) *Thuỷ phủ*: dinh thự ở dưới nước, nơi ở của thuỷ thần.

(2) *Sinh nhai*: kiếm sống.

công chúa và oán sự độc ác của Lý Thông. Tiếng đàn vẳng đến hoàng cung, lọt vào tai công chúa. Vừa nghe tiếng đàn, công chúa bỗng cười nói vui vẻ. Nàng xin vua cha cho gọi người đánh đàn vào cung.

Nhà vua lấy làm lạ, cho đòi Thạch Sanh đến. Trước mặt mọi người, chàng kể hết đầu đuôi chuyện của mình, từ chuyện kết bạn với Lý Thông đến chuyện chém trăn tinh, từ chuyện giết đại bàng, cứu công chúa đến chuyện bị lấp cửa hang và cuối cùng là chuyện bị bắt oan vào ngục thất của hoàng cung. Mọi người bấy giờ mới hiểu ra tất cả sự thật. Vua sai bắt giam hai mẹ con Lý Thông lại giao cho Thạch Sanh xét xử. Chàng rộng lượng tha thứ cho chúng về quê làm ăn. Nhưng về đến nửa đường thì chúng bị sét đánh chết.

Nhà vua gả công chúa cho Thạch Sanh, lễ cưới của họ tưng bừng nhất kinh kì, chưa bao giờ và chưa ở đâu có lễ cưới tưng bừng như thế. Thấy vậy, bọn hoàng tử các nước chư hầu[1] trước kia bị công chúa từ hôn[2] lấy làm tức giận. Họ hội họp binh lính cả mười tám nước lại kéo sang đánh. Thạch Sanh xin nhà vua đừng động binh[3]. Chàng một mình cầm cây đàn ra trước quân giặc. Tiếng đàn của chàng vừa cất lên thì quân sĩ của mười tám nước bủn rủn tay chân, không còn nghĩ gì được tới chuyện đánh nhau nữa. Cuối cùng, các hoàng tử phải cuốn giáp ra về. Thạch Sanh sai dọn một bữa cơm thết đãi những kẻ thua trận. Cả mấy vạn tướng lĩnh, quân sĩ thấy Thạch Sanh chỉ cho dọn ra vẻn vẹn có một niêu cơm tí xíu thì ai nấy đều ngạc nhiên, toan bỏ về. Thạch Sanh thân chinh[4] đến mời họ cầm đũa và hứa sẽ trọng thưởng cho những ai ăn hết nồi cơm đó. Quân sĩ mười tám nước ăn mãi, ăn mãi nhưng nồi cơm bé xíu vậy mà cứ ăn hết lại đầy. Sau khi ăn no nê, quân sĩ mười tám nước cúi đầu lạy tạ vợ chồng Thạch Sanh và kéo nhau về nước.

TƯỞNG TƯỢNG *Cảnh mấy vạn tướng sĩ các nước chư hầu ngồi ăn cơm quanh chiếc niêu bé xíu.*

Về sau, vua không có con trai nên đã nhường ngôi cho Thạch Sanh.

(*Theo* Bùi Mạnh Nhị (Chủ biên), *Văn học dân gian: những tác phẩm chọn lọc*, NXB Giáo dục, 2008, tr. 244 – 247)

---

(1) *Nước chư hầu*: nước nhỏ, bị phụ thuộc và phải phục tùng, cống nạp các nước lớn hơn, mạnh hơn.

(2) *Từ hôn*: huỷ bỏ việc giao hẹn, đính hôn với nhau. Ở đây "từ hôn" có nghĩa là từ chối kết hôn.

(3) *Động binh*: sử dụng quân đội để tiến hành chiến tranh.

(4) *Thân chinh*: tự mình làm một việc có thể giao cho cấp dưới.

Sau khi đọc

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Em có thích truyện *Thạch Sanh* không? Vì sao?
2. Gia cảnh của Thạch Sanh có gì đặc biệt?
3. Truyện *Thạch Sanh* có những con vật kì ảo nào? Chúng có đặc điểm gì khác thường?
4. Sau khi được Lý Thông kéo lên từ hang của đại bàng và đưa trở lại cung, công chúa đã bị câm. Theo em, điều gì sẽ xảy ra nếu công chúa không bị như vậy?
5. Truyện *Thạch Sanh* có nhiều đồ vật kì ảo. Hãy kể tên các đồ vật đó và nêu đặc điểm, tác dụng của chúng.
6. Trong truyện, hai nhân vật Thạch Sanh và Lý Thông luôn đối lập nhau về hành động. Lập bảng so sánh để thấy rõ sự đối lập đó. Qua đó, em có nhận xét gì về đặc điểm của hai nhân vật này?
7. Kết thúc truyện, Thạch Sanh được nhà vua gả công chúa và nhường ngôi. Qua cách kết thúc này, tác giả dân gian muốn thể hiện điều gì?

8*. Về kết cục của mẹ con Lý Thông, ở văn bản do Huỳnh Lý và Nguyễn Xuân Lân kể có chi tiết: "Mẹ con Lý Thông về quê đến nửa đường thì bị Thiên Lôi giáng sấm sét đánh chết, rồi bị hoá kiếp làm con bọ hung". Bản của Anh Động (và nhân dân một số vùng Nam Bộ) kể: "Lý Thông được tha nhưng y về dọc đường mưa to, sấm sét đánh tan thây ra từng mảnh, mỗi mảnh hoá thành một con ễnh ương. Cho nên bây giờ mỗi khi có mưa to sấm sét, ễnh ương sợ, kêu lên những tiếng man dã...".

Em có nhận xét gì về những cách kết thúc này?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Dũng sĩ là người có lòng dũng cảm, chiến đấu diệt trừ cái ác, bảo vệ cuộc sống của cộng đồng. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) kể về một dũng sĩ mà em gặp ngoài đời hoặc biết qua sách báo, truyện kể.

Thực hành tiếng Việt

NGHĨA CỦA TỪ NGỮ

1. Khi gặp một từ ngữ mới trong văn bản, trước khi dùng từ điển để tra cứu, có thể dựa vào nghĩa của những yếu tố tạo nên từ ngữ đó để suy đoán nghĩa của nó. Chẳng hạn, nhờ biết được *gia* là "nhà", *tài* là "của cải", có thể suy đoán được *gia tài* là "của cải riêng của một người hay một gia đình".

   Vận dụng cách trên để suy đoán nghĩa của các từ ngữ sau: *gia tiên, gia truyền, gia sản, gia súc*.

2. Khi gặp một từ ngữ mới trong văn bản, có thể dựa vào những từ ngữ xung quanh để suy đoán nghĩa của nó. Chẳng hạn, khi đọc câu "*Cô chị rất khéo léo, còn cô em thì rất hậu đậu.*",

có thể có người không biết *hậu đậu* nghĩa là gì, nhưng *khéo léo* thì nhiều người biết. Nhờ biết nghĩa của *khéo léo* và sự xuất hiện trong câu có ý đối lập *hậu đậu* với *khéo léo*, có thể suy đoán được *hậu đậu* là "không khéo léo", nghĩa là vụng về.

Đọc những đoạn trích sau, vận dụng phương pháp đã được hướng dẫn để suy đoán nghĩa của các từ ngữ in đậm.

a. *Thạch Sanh đã xả xác nó ra làm hai mảnh. Trăn tinh* ***hiện nguyên hình*** *là một con trăn khổng lồ và để lại bên mình một bộ cung tên bằng vàng.*

b. *Hồn trăn tinh và đại bàng lang thang, một hôm gặp nhau bàn cách báo thù Thạch Sanh. Chúng vào kho của nhà vua ăn trộm của cải mang tới quẳng ở gốc đa để* ***vu vạ*** *cho Thạch Sanh. Thạch Sanh bị bắt hạ ngục.*

c. *Mọi người bấy giờ mới hiểu ra tất cả sự thật. Vua sai bắt giam hai mẹ con Lý Thông lại giao cho Thạch Sanh xét xử. Chàng* ***rộng lượng*** *tha thứ cho chúng về quê làm ăn.*

d. *Thạch Sanh xin nhà vua đừng động binh. Chàng một mình cầm cây đàn ra trước quân giặc. Tiếng đàn của chàng vừa cất lên thì quân sĩ của mười tám nước* ***bủn rủn*** *tay chân, không còn nghĩ gì được tới chuyện đánh nhau nữa.*

3. Giải thích nghĩa của những từ ngữ in đậm trong các trường hợp sau:

a. *Một hôm có người hàng rượu tên là Lý Thông đi qua đó, nghỉ ở gốc đa. Thấy Thạch Sanh gánh về một gánh củi lớn, hắn nghĩ bụng: "Người này* ***khoẻ như voi****. Nếu nó về ở cùng ta thì lợi bao nhiêu". Lý Thông* ***lân la*** *gợi chuyện rồi* ***gạ*** *cùng Thạch Sanh kết nghĩa anh em.*

b. *Còn Lý Thông* ***hí hửng*** *đem đầu của con yêu quái vào kinh đô nộp cho nhà vua.*

c. *Đến cuối hang, chàng thấy có một chiếc cũi sắt. Một chàng trai* ***khôi ngô tuấn tú*** *bị nhốt trong đó, chàng trai đó chính là Thái tử con vua Thuỷ Tề.*

d. *Về phần nàng công chúa* ***bất hạnh****, từ khi được cứu thoát đưa về cung thì bị câm. Suốt ngày nàng chẳng nói, chẳng cười, mặt* ***buồn rười rượi****.*

4. Trong tiếng Việt có thành ngữ *niêu cơm Thạch Sanh*. Căn cứ vào truyện *Thạch Sanh*, hãy suy đoán nghĩa của thành ngữ trên. Em biết những thành ngữ nào khác được hình thành từ nội dung của các truyện kể?

VĂN BẢN 2

Trước khi đọc

Hẳn nhiều em có ước muốn được đặt chân đến một hòn đảo ngoài khơi xa lắc, chưa ai biết đến và thường hình dung ở đó có nhiều điều thú vị, kì diệu chờ được khám phá.

Hãy tưởng tượng em đang ở vào tình huống đó. Em có thể chia sẻ với các bạn những điều kì diệu mà em được chứng kiến.

Đọc văn bản

Cây khế

THEO DÕI *Thời gian, địa điểm diễn ra câu chuyện có gì đặc biệt?*

Ngày xửa ngày xưa ở một nhà kia có hai anh em, cha mẹ mất sớm. Hai anh em chăm lo làm lụng nên trong nhà cũng đủ ăn. Nhưng từ khi có vợ, người anh sinh ra lười biếng, bao nhiêu công việc khó nhọc đều trút cho vợ chồng em. Hai vợ chồng người em thức khuya, dậy sớm, cố gắng làm lụng. Thấy thế người anh sợ em tranh công, liền bàn với vợ cho hai vợ chồng em ở riêng.

Người anh chia cho em được một gian nhà lụp xụp ở trước cửa có một cây khế ngọt. Còn người anh có bao nhiêu ruộng cho làm rẽ[1] và ngồi hưởng sung sướng với vợ. Thấy em không ta thán[2], lại cho là dần độn và không đi lại với em nữa.

Những ngày sung sướng nhất của hai vợ chồng người em là những ngày khế chín. Quanh năm hai vợ chồng chăm chút cho nên cây khế xanh mơn mởn, quả lúc lỉu sát đất, trẻ lên ba cũng với tay được.

DỰ ĐOÁN *Điều gì sẽ xảy ra tiếp theo?*

Một buổi sáng, hai vợ chồng ra hái khế đi bán thì thấy trên cây có tiếng rung mạnh như có người. Hai vợ chồng nhìn lên thì thấy có một con chim lớn đang ăn khế chín. Hai người đợi cho chim ăn xong bay đi mới lên cây hái. Từ đó ròng rã một tháng trời, hằng ngày chim cứ đến ăn vào lúc sáng sớm làm quả vợi hẳn đi.

Một hôm đứng đợi chim ăn, người vợ nói:

– Ông chim ơi, ông ăn như thế còn gì là khế của nhà cháu nữa! Cây khế nhà cháu cũng sắp hết quả rồi đấy, ông ạ!

Chim nói:

– Ăn một quả, trả cục vàng, may túi ba gang[3], mang đi mà đựng!

Nói đi nói lại ba lần, chim mới vỗ cánh bay đi. Hai vợ chồng nghe lời chim may một túi vải, bề dọc bề ngang vừa đúng ba gang.

---

(1) *Làm rẽ*: (người nghèo) nhận đất, ruộng,... để sản xuất sau đó nộp một phần sản phẩm, hoa lợi,... cho người chủ đất.

(2) *Ta thán*: than thở, than vãn.

(3) *Gang* (hay *gang tay*): khoảng cách tối đa giữa đầu ngón tay cái và đầu ngón tay giữa khi bàn tay được căng ra, dùng làm đơn vị đo độ dài, thường khoảng 20 cm.



Sáng hôm sau, hai vợ chồng vừa ăn cơm xong thì thấy gió mù mịt và một con chim rất lớn hạ xuống giữa sân, quay mặt vào nhà kêu mấy tiếng như chào hỏi. Người chồng xách túi ra, chim rạp mình xuống đất cho anh trèo lên lưng rồi vỗ cánh bay lên. Chim bay mãi, bay mãi, qua bao nhiêu là miền, hết đồng ruộng đến rừng xanh, hết rừng xanh đến biển cả… Ra tới giữa biển, chim rẽ vào một cái đảo toàn đá trắng, đá xanh, đá đỏ, đá ngũ sắc[1]. Chim bay một vòng quanh đảo, rồi từ từ hạ xuống một cái hang.

Chim ra hiệu cho anh vào lấy gì thì lấy. Ngay cửa hang anh thấy toàn những thứ đá trong như thuỷ tinh và hổ phách[2] đủ các màu. Anh thấy hang sâu và rộng nên không dám vào, chỉ dám nhặt ít vàng, kim cương ở ngoài rồi ra hiệu cho chim bay về.

TƯỞNG TƯỢNG *Một hang lớn đầy vàng, kim cương,... trông thế nào?*

Chim lại cất cánh trở về, bay qua hết biển cả đến rừng xanh, hết rừng xanh đến đồng ruộng, tới khi mặt trời đứng bóng thì chim đưa anh về đến nhà. Từ đấy, vợ chồng người em trở nên giàu có.

Tiếng đồn người em giàu có đến tai vợ chồng người anh. Hai vợ chồng người anh vội đến chơi hỏi chuyện. Nghe em thật thà kể hết đầu đuôi, người anh gạ đổi gia sản lấy túp lều và cây khế. Người em ưng thuận.

---

(1) *Ngũ sắc*: năm màu chính thường được dùng trong trang trí (xanh, đỏ, vàng, đen, trắng).

(2) *Hổ phách*: nhựa cây (thường là nhựa thông) đã hoá đá, màu vàng nâu, trong suốt, thường dùng làm đồ trang sức, chữa bệnh.

Hai vợ chồng người anh mừng quýnh dọn đến ở túp lều. Họ chỉ ăn và chờ ngày chim đến. Một buổi sáng, hai vợ chồng thấy luồng gió mạnh nổi lên và ngọn cây khế rung chuyển. Hai người hớt hải chạy ra thì quả nhiên thấy một con chim lớn đang ăn khế. Họ vội tru tréo[1] lên:

– Cả nhà tôi trông vào cây khế, bây giờ chim ăn ráo ăn tiệt[2] thì tôi cậy vào đâu.

Chim liền đáp:

– Ăn một quả, trả cục vàng, may túi ba gang, mang đi mà đựng!

Rồi bay vụt đi.

Hai vợ chồng cuống quýt bàn cãi may túi. Mới đầu họ định mang nhiều túi, sau lại sợ chim không ưng, bèn chỉ mang một túi như em nhưng to gấp ba lần, thành ra như một cái tay nải[3] lớn.

DỰ ĐOÁN *Cái túi của vợ chồng người anh sẽ gây ra điều gì?*

Sáng hôm sau, chim đến. Người chồng tót ngay lên lưng chim, còn người vợ vái lấy vái để chim thần. Chim cũng bay mãi, bay mãi hết đồng ruộng đến rừng xanh, hết rừng xanh đến biển cả rồi cuối cùng cũng đưa người anh đến cái đảo vàng giữa biển.

Trên lưng chim bước xuống, anh ta đã hoa mắt vì của quý. Vào trong hang, anh ta lại càng mê mẩn tâm thần, quên đói, quên khát, cố nhặt vàng và kim cương cho thật đầy tay nải. Tay nải đã đầy, anh ta còn lấy thêm vàng dồn cả vào ống tay áo, ống quần đến nỗi nặng quá phải lê mãi mới ra khỏi hang.

Chim chờ lâu chốc chốc lại kêu lên mấy tiếng thúc giục. Mãi gần chiều anh ta mới lê được đến chỗ chim đợi. Muốn khỏi rơi, anh ta đặt tay nải dưới cánh chim rồi lấy dây buộc chặt vào lưng chim và cổ mình.

Chim lấy đà mãi mới cất cánh nổi. Trời đã về chiều, chim còn đang bay phía trên biển cả thì bỗng nổi cơn gió mạnh. Mang nặng, bay ngược gió, chim yếu dần, hai cánh rũ xuống. Tay nải vàng thốt nhiên[4] bị gió bật mạnh vào cánh chim. Chim buông xuôi hai cánh đâm bổ xuống biển.

Trong chớp mắt, người anh đã bị ngọn sóng cuốn đi với tay nải vàng và châu báu đầy người. Còn chim chỉ bị ướt lông, ướt cánh, chim lại vùng lên bay về núi về rừng.

(Bùi Mạnh Nhị (Chủ biên), *Văn học dân gian: những tác phẩm chọn lọc*, Sđd, tr. 209 – 211)

---

(1) *Tru tréo*: la hét rất to, để nhiều người cùng biết, có ý ăn vạ.

(2) *Ăn ráo ăn tiệt*: ăn hết, không còn gì.

(3) *Tay nải*: túi vải may theo lối xưa, có quai đeo, có dạng như một cái bọc, dùng để đựng đồ đi đường.

(4) *Thốt nhiên* (như *đột nhiên*): bất ngờ, bất chợt.

Sau khi đọc

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. *Cây khế* kể về chuyện gì? Em thích nhất chi tiết nào trong truyện?
2. Hãy tóm tắt truyện *Cây khế*.
3. Truyện cổ tích thường mở đầu bằng những từ ngữ quen thuộc chỉ thời gian quá khứ, không gian không xác định. Hãy tìm các từ ngữ đó trong truyện *Cây khế*.
4. Con chim đưa hai anh em ra đảo hoang có phải là con vật kì ảo không? Vì sao?
5. Trong lời kể của truyện cổ tích, tác giả dân gian thường xen vào những câu có dáng dấp ca dao, tục ngữ, lời có vần dễ thuộc, dễ nhớ. Trong truyện này, có câu nói nào như thế? Nhân vật nào đã nói câu nói đó?
6. Đảo xa nơi con chim đưa người em đến có điều gì kì diệu? Điều kì diệu này đã giúp gì cho cuộc sống của người em sau đó?
7. Trong truyện, hai nhân vật người anh và người em luôn đối lập nhau về hành động. Hãy chỉ ra sự đối lập giữa họ và nêu nhận xét về đặc điểm của hai nhân vật này.
8. Từ những kết cục khác nhau đối với người anh và người em, tác giả dân gian muốn gửi gắm bài học gì trong truyện này?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Tưởng tượng một kết thúc khác cho truyện *Cây khế*. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) kể về kết thúc đó.

Thực hành tiếng Việt

NGHĨA CỦA TỪ NGỮ

1. Giải thích nghĩa của các từ ngữ in đậm trong những câu sau:
   a. *Quanh năm hai vợ chồng chăm chút cho nên cây khế xanh **mơn mởn**, quả **lúc lỉu** sát đất, trẻ lên ba cũng với tay được.*
   b. *Từ đó **ròng rã** một tháng trời, hằng ngày chim cứ đến ăn vào lúc sáng sớm làm quả **vợi hẳn** đi.*
2. So sánh những lời kể về vợ chồng người em và vợ chồng người anh (khi chuẩn bị theo chim ra đảo, khi lấy vàng bạc trên đảo) và thực hiện yêu cầu nêu ở dưới:

Vợ chồng người em	Vợ chồng người anh
Hai vợ chồng nghe lời chim may một túi vải, bề dọc bề ngang vừa đúng ba gang.	*Hai vợ chồng cuống quýt bàn cãi may túi. Mới đầu họ định may nhiều túi, sau lại sợ chim không ưng, bèn chỉ mang một túi như em nhưng to gấp ba lần, thành ra như một cái tay nải lớn.*

Người chồng xách túi ra, chim rạp mình xuống đất cho anh trèo lên lưng rồi vỗ cánh bay lên.	*Người chồng tót ngay lên lưng chim, còn người vợ vái lấy vái để chim thần.*
Anh thấy hang sâu và rộng nên không dám vào, chỉ dám nhặt ít vàng, kim cương ở ngoài rồi ra hiệu cho chim bay về.	*Trên lưng chim bước xuống, anh ta đã hoa mắt vì của quý. Vào trong hang, anh ta lại càng mê mẩn tâm thần, quên đói, quên khát, cố nhặt vàng và kim cương cho thật đầy tay nải. Tay nải đã đầy, anh ta còn lấy thêm vàng dồn cả vào ống tay áo, ống quần đến nỗi nặng quá phải lê mãi mới ra khỏi hang.*

a. Tìm những động từ hoặc cụm động từ thể hiện rõ sự khác biệt về hành động giữa vợ chồng người em và vợ chồng người anh.

b. Giải thích nghĩa của những động từ hoặc cụm động từ tìm được ở trên.

BIỆN PHÁP TU TỪ

3. Hai câu sau đây có sử dụng cùng một biện pháp tu từ. Chỉ ra biện pháp tu từ đó và nêu tác dụng của nó.

a. *Quân sĩ mười tám nước ăn mãi, ăn mãi nhưng niêu cơm bé xíu cứ ăn hết lại đầy.*

b. *Chim bay mãi, bay mãi, qua bao nhiêu là miền, hết đồng ruộng đến rừng xanh, hết rừng xanh đến biển cả.*

4. Đặt một câu có sử dụng biện pháp tu từ được chỉ ra ở bài tập 3.

VĂN BẢN 3

Đọc văn bản

Vua chích choè

Nhà vua nọ chỉ có một người con gái. Công chúa đẹp tuyệt trần, nhưng vì vậy công chúa kiêu ngạo và ngông cuồng, không một ai vừa mắt nàng cả. Nàng chối từ hết người này đến người khác, không những vậy lại còn chế giễu, nhạo báng họ. Có một lần, nhà vua cho mời các chàng trai ở khắp các nước xa gần tới thết tiệc linh đình để chọn phò mã[1]. Khách đứng thành hàng theo ngôi thứ, đứng trên cùng là vua các nước rồi các công tước, các ông hoàng, các bá tước, các nam tước, cuối cùng là những người dòng dõi quý tộc. Công chúa được dẫn đi xem mặt. Chẳng ai được công chúa tha, người nào nàng cũng có

(1) *Phò mã*: con rể của vua.

có để giễu cợt. Người thì nàng cho là quá mập, nàng đặt tên là *Thùng tô-nô*[1], người quá mảnh khảnh thì nàng nói: "mảnh khảnh thế thì gió thổi bay", người thứ ba thì lại lùn, nàng chê: "lùn lại mập thì vụng về lắm", người thứ tư mặt mày xanh xao, bị đặt tên *Nhợt nhạt như chết đuối*, người thứ năm mặt đỏ như gấc, nàng gọi *Xung đồng đỏ*, người thứ sáu đứng dáng hơi cong, nàng chê là *Cây non sấy lò cong cớn*, nhìn ai nàng cũng tìm cách nhạo báng. Nàng lấy làm khoái chí khi thấy một người có cằm hơi cong như mỏ chim chích choè, nàng nói giỡn, chà, anh ta có cái cằm chẳng khác gì chim chích choè có mỏ, khiến cho từ đó trở đi ông vua tốt bụng ấy có tên là *Vua chích choè*.

Thấy con mình chỉ giễu cợt, nhạo báng, chối từ và chê tất cả mọi người có mặt trong buổi kén phò mã, nhà vua nổi cơn thịnh nộ[2] và ban truyền: vua sẽ gả công chúa cho người ăn mày đầu tiên đi qua hoàng cung.

Vài hôm sau, có một người hát rong đi qua, đứng ngây dưới cửa sổ cất tiếng hát, mong sẽ được ban thưởng cho vài xu. Nghe thấy vậy nhà vua truyền:

– Hãy gọi tên hát rong vào cung.

Trong bộ quần áo rách, bẩn thỉu, người hát rong đi vào cung vua, hát cho vua và công chúa nghe, rồi đưa tay xin tiền thưởng. Nhà vua bảo:

– Ta rất thích tiếng hát của ngươi, vì vậy ta gả con gái ta cho ngươi.



(1) *Thùng tô-nô*: thùng lớn hình ống, có đai đóng quanh, phình ở giữa, dùng để chứa chất lỏng.

(2) *Thịnh nộ*: nổi giận, giận dữ cao độ.

Công chúa sợ hãi, nhưng nhà vua vẫn nói:

– Cha đã thề rằng sẽ gả con cho người ăn mày đầu tiên đi qua cung vua, cha muốn giữ lời thề đó.

Mọi van xin đều không có ích gì. Linh mục được mời ngay tới để làm hôn lễ công chúa lấy người hát rong. Hôn lễ cử hành xong, nhà vua bảo:

– Theo tục lệ, vợ một người hát rong không được ở lại trong cung vua, giờ thì con phải theo chồng ra khỏi cung.

Người hát rong cầm tay nàng, cả hai đi ra khỏi cung vua, nàng phải đi bộ theo chồng. Tới một khu rừng lớn, nàng lên tiếng hỏi:

– Chà, rừng đẹp này của ai?

– Rừng của Vua chích choè/ Nàng lấy người đó, rừng kia của nàng.

– Tôi cô gái dịu hiền đáng thương/ Đáng ra nên lấy ông Vua chích choè.

Một lúc sau họ tới một thảo nguyên, công chúa lại hỏi:

– Thảo nguyên xanh đẹp của ai?

– Thảo nguyên của Vua chích choè/ Nàng lấy người đó, thảo nguyên của nàng.

– Tôi cô gái dịu hiền đáng thương/ Đáng ra nên lấy ông Vua chích choè.

Rồi họ tới một thành phố lớn, công chúa lại hỏi:

– Thành phố mĩ lệ này của ai?

– Thành phố mĩ lệ của Vua chích choè/ Nàng lấy người đó, thành kia của nàng.

– Tôi cô gái dịu hiền đáng thương/ Đáng ra nên lấy ông Vua chích choè.

Người hát rong nói:

– Tôi chẳng hài lòng tí nào cả, tại sao nàng lại cứ luôn luôn mong có người chồng khác, thế tôi không xứng đáng hay sao?

Cuối cùng họ tới trước một túp lều nhỏ xíu, công chúa thốt lên:

– Trời ơi, nhà gì mà bé ẩm ương[1]/ Nhà ai mà nhỏ, thảm thương thế này?

Người hát rong đáp:

– Nhà của anh, của nàng/ Nơi chàng thiếp sống chung.

Công chúa phải cúi gập người xuống mới đi qua được chiếc cửa ra vào thấp lè tè. Công chúa hỏi:

– Người hầu của anh đâu?

---

(1) *Ẩm ương*: dở, không bình thường.

Người hát rong đáp:

– Người hầu nào? Muốn làm gì thì tự mình làm lấy. Giờ em hãy nhóm bếp nấu ăn đi, anh mệt lắm rồi.

Nhưng công chúa đâu có biết nhóm bếp và nấu ăn, người hát rong đành phải nhúng tay vào làm công việc mới xong. Bữa ăn thật là đạm bạc, ăn xong cả hai mệt mỏi lăn ra ngủ ngay.

Hôm sau, khi trời mới hửng sáng chồng đã đánh thức vợ dậy để làm việc nhà. Cứ như vậy họ sống được với nhau mấy ngày thì lương ăn dự trữ hết. Người chồng nói với vợ:

– Mình ạ, chỉ ngồi ăn không kiếm được thêm gì cả, cứ như thế này mãi chắc không được lâu. Hay là em đan sọt bán?

Chồng vào rừng lấy tre nứa về, vợ chẻ lạt đan sọt. Nhưng bàn tay mềm mại của nàng bị cạnh sắc của tre nứa cứa rỉ máu. Chồng nói:

– Thế thì không được, có lẽ dệt vải hợp với em hơn.

Nàng ngồi tập quay sợi, nhưng rồi những ngón tay mềm mại của nàng lại bị sợi cứa, máu chảy rơi xuống nền nhà. Người chồng nói:

– Em thấy không, em chẳng được việc gì cả, sống với em thật là khổ. Giờ thì chắc ta phải xoay ra đi buôn nồi và bát đĩa. Em ngồi ở chợ và bán hàng.

Nàng nghĩ bụng: "Nếu như người dân nước mình họ tới đây mua bán, nhìn thấy mình ngồi bán hàng ở chợ chắc họ sẽ dè bỉu nhạo báng mình".

Việc không thể tránh được nên nàng đành phải làm, nếu không thì chắc chắn sẽ chết đói. Thoạt đầu mọi chuyện đều tốt lành, thấy người bán hàng hiền lành dễ thương nên khách mua đông. Họ trả tiền hàng mà không hề mặc cả, thậm chí có người trả tiền nhưng không lấy hàng. Với số lời do bán hàng, hai vợ chồng sống cũng sung túc. Có lần hàng bán hết, chồng lấy hàng mới về cho vợ bán ở chợ. Nàng đang ngồi coi hàng thì có một anh chàng hiệp sĩ[1] từ xa phi ngựa lao thẳng vào chợ làm cho đống hàng sành sứ của nàng đổ vỡ hết cả ra thành hàng nghìn mảnh lớn nhỏ ngổn ngang ở chợ. Nàng ngồi ôm mặt khóc nức nở, không biết cuộc đời sẽ ra sao, nàng la khóc:

– Trời, khổ thân tôi thế này, còn mặt mũi nào mà nhìn chồng nữa?

---

(1) *Hiệp sĩ*: người đàn ông có tài võ nghệ, có vị trí nhất định trong xã hội xưa. Hiệp sĩ cũng chỉ người hành động vì nghĩa, bênh vực kẻ yếu thế.

Về nhà, nàng kể cho chồng nghe chuyện chẳng may ấy. Nghe xong chuyện, chồng nói:

– Đời thuở nhà ai lại thế, bán sành sứ mà lại ngồi ngay đầu chợ chỗ người ta qua lại, khóc làm gì nữa. Anh thấy em chẳng làm gì cho đến đầu đến cuối. Lúc nãy anh có đến cung vua hỏi xem nhà bếp có cần người phụ không, họ hứa sẽ nhận em vào làm và nuôi cơm.

Giờ đây công chúa là một chị phụ bếp, thôi thì thượng vàng hạ cám[1] việc gì cũng phải làm. Hai bên tạp dề nàng buộc chặt hai chiếc nồi con, nàng bỏ phần cơm của mình vào đó và mang về nhà để hai vợ chồng cùng ăn.

Lần ấy trong cung vua tổ chức hôn lễ của nhà vua, tò mò chị phụ bếp cũng len vào đứng trước cửa ngó vào. Khi đèn lần lượt được thắp sáng, cảnh đẹp lộng lẫy trong cung vua mới hiện lên hết, khách lần lượt bước vào phòng đại tiệc, cảnh cũng như người nom thật huy hoàng, tráng lệ, ai thấy cũng phải vui mắt. Lúc này, chị phụ bếp thấy lòng buồn tủi thay cho số phận của mình, thầm trách tính kiêu căng, ngông cuồng của mình, cũng chính những tính ấy đã làm nàng trở nên thấp hèn và khổ cực như bây giờ. Kẻ hầu người hạ ra vào tới tấp, bưng lên cho khách toàn sơn hào hải vị, mùi thơm nức mũi. Thỉnh thoảng kẻ hầu người hạ ném cho ít đồ ăn thừa, nàng cúi nhặt cho vào nồi. Bỗng nhiên nhà vua bước vào, lụa là châu báu đầy người, cổ đeo dây chuyền vàng. Nhìn thấy người đẹp đứng ngó bên cửa, nhà vua nắm tay nàng, muốn cùng nàng vui nhảy, nhưng nàng sợ hãi giật tay lại.

Nàng nhận ra đó chính là Vua chích choè, người đã từng muốn làm phò mã và bị nàng nhạo báng, từ chối. Nàng cố sức giật tay lại nhưng chẳng ăn thua gì cả, vẫn bị chàng kéo vào tới giữa phòng làm dây buộc nồi đứt, hai cái nồi rơi xuống đất, súp và bánh mì vung ra khắp nền nhà. Khách khứa và những người đứng đó thấy cảnh tượng ấy đều bật cười và chêm pha những lời nhạo báng. Xấu hổ quá, nàng ước gì độn thổ[2] xuống sâu một ngàn sải tay. Nàng giật mạnh một cái khỏi tay Vua chích choè, lao thẳng ra phía cửa để chạy trốn, nhưng mới tới được cầu thang lại bị một người đàn ông lôi lại, khi định thần lại được, nàng thấy người đó chính là Vua chích choè. Chàng vui vẻ nói nhỏ vào tai nàng:

– Em đừng có sợ hãi, người hát rong sống chung với em trong căn lều lụp xụp chính là anh. Vì yêu em nên anh đóng giả người hát rong. Chính anh cũng là kị sĩ cho ngựa chạy đổ vỡ hết hàng sành sứ của em. Tất cả những việc đó

---

(1) *Thượng vàng hạ cám*: đủ các thứ, từ cái quý giá đến cái tầm thường.

(2) *Độn thổ*: trốn, ẩn xuống đất.

chỉ nhằm uốn nắn tính kiêu ngạo của em và để trừng phạt tính ngông cuồng thích nhạo báng người khác của em.

Lúc ấy nàng bật oà lên khóc nức nở và nói:

– Em đã làm những điều sai trái, thật không xứng đáng là vợ của anh.

Chàng đáp:

– Em đừng buồn nữa, những ngày cay đắng đã qua, giờ chúng ta hãy làm đám cưới.

Nàng vào thay quần áo. Toàn thể triều đình đều có mặt, chúc mừng công chúa kết hôn với Vua chích choè. Nỗi vui mừng thật sự cũng bắt đầu từ đây. Tôi tin rằng, tôi và bạn đều có mặt trong buổi lễ cưới.

(*Truyện cổ Gờ-rim (Grimm), theo* Lương Văn Hồng *dịch*, NXB Văn học, Hà Nội, 2018, tr. 625 – 630)

Sau khi đọc

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Trong bữa tiệc kén chọn phò mã, công chúa đã giễu cợt mọi người ra sao? Điều đó thể hiện đặc điểm gì của nhân vật?
2. Nhà vua đã dùng hình phạt nào dành cho công chúa? Hình phạt này đã dẫn đến những thay đổi gì trong cuộc đời của công chúa?
3. Ai đã đóng giả thành "người hát rong"? Người hát rong này đã yêu cầu công chúa làm những việc gì và mục đích của những yêu cầu đó?
4. Trong nhiều truyện kể, chủ đề của truyện chính là bài học cuộc sống mà nhân vật nhận ra từ câu chuyện của cuộc đời mình. Theo em, chủ đề của truyện này là gì?
5. Kết thúc truyện, người kể chuyện nói: "Tôi tin rằng, tôi và bạn đều có mặt trong buổi lễ cưới.". Theo em, điều này có hợp lí không? Vì sao?

Viết

Viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích

Một câu chuyện có thể được nhiều người chứng kiến, đánh giá và kể lại theo những cách khác nhau. Hãy hình dung xem những truyện cổ tích mà em đã đọc có thể được kể lại như thế nào. Đóng vai một nhân vật trong câu chuyện là một trong những cách làm cho truyện kể trở nên khác lạ, thú vị và tạo ra hiệu quả bất ngờ. Em có muốn trải nghiệm những điều khác lạ, thú vị và bất ngờ như vậy không?

Yêu cầu đối với bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích:

- Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất. Người kể chuyện đóng vai một nhân vật trong truyện.
- Khi kể có tưởng tượng, sáng tạo thêm nhưng không thoát li truyện gốc; tránh làm thay đổi, biến dạng các yếu tố cơ bản của cốt truyện ở truyện gốc.
- Cần có sự sắp xếp hợp lí các chi tiết và bảo đảm có sự kết nối giữa các phần. Nên nhấn mạnh, khai thác nhiều hơn các chi tiết tưởng tượng, hư cấu, kì ảo.
- Có thể bổ sung các yếu tố miêu tả, biểu cảm để tả người, tả vật hay thể hiện cảm xúc của nhân vật.

Phân tích bài viết tham khảo

Đóng vai nhân vật kể lại một phần truyện *Thạch Sanh*

Xin chào mọi người! Mọi người có nhận ra ta không? Bây giờ ta đã là vua, chắc mọi người khó nhận ra ta vốn là ai. Ta chính là chàng trai nghèo Thạch Sanh đây. Mọi người vẫn không tin ta sao? Vậy để ta kể lại một phần cuộc đời ta trước đây cho mọi người nghe. Nghe xong mọi người sẽ nhận ra ta thôi.

Kể lại câu chuyện theo ngôi kể thứ nhất (xưng "ta", nhập vai Thạch Sanh sau khi lên ngôi vua).

Ta mồ côi từ tấm bé, phải sống một mình trong túp lều nhỏ dưới gốc đa. Gia tài của ta chỉ có mỗi chiếc búa cha ta để lại. Thấy ta côi cút, tên Lý Thông đã gạ ta kết nghĩa anh em với hắn. Ta tưởng hắn thật lòng nên vui vẻ nhận lời về sống chung với mẹ con hắn. Nào ngờ, chẳng bao lâu, Lý Thông đã đẩy ta đến nộp mình cho trăn tinh thay cho hắn. Trăn tinh là con quái vật đã hoành hành bao nhiêu năm trong vùng, mỗi năm bắt một mạng người. Nhờ có võ nghệ và phép thần thông, ta đã đánh chết trăn tinh, chặt đầu nó mang về nhà cùng với một bộ cung tên bằng vàng mà nó để lại. Mẹ con Lý Thông lại tiếp tục lừa ta rằng ta đã giết con vật quý của nhà vua. Lúc ấy, ta thật thà tin theo nên vội vã trở lại túp lều cũ để nương thân, không hề biết rằng mẹ con Lý Thông đã mang đầu trăn tinh vào cung vua lĩnh thưởng.

Các chi tiết được sắp xếp theo trình tự thời gian, tập trung vào các chi tiết kì ảo.

Kể theo diễn biến chính của truyện gốc, có sáng tạo thêm (lời kể, một số chi tiết,...).

Một hôm, ta đang ngồi trong lều thì nghe thấy có tiếng kêu khóc trên trời. Ta nhìn lên thì thấy một con đại bàng khổng lồ đang quắp một cô gái bay qua. Tức thì, ta dùng cung tên vàng nhắm bắn theo. Con đại bàng bị trúng tên vào cánh, lảo đảo nhưng vẫn cố gắng bay về hang. Ta lần theo vết máu mà tìm được chỗ nó ẩn náu, nhưng hang sâu quá ta không xuống được. Lúc ấy, ta nghĩ đại bàng bị thương nặng, chắc chưa thể làm hại cô gái nên đánh dấu chỗ nó trốn rồi quay về lều.

Mấy hôm sau, nghe tin có hội hát xướng, ta tò mò đến xem, tình cờ gặp lại Lý Thông. Lúc bấy giờ, ta nghe hắn kể chuyện được phong Quận công và đang phụ trách việc tìm kiếm công chúa. Ta thật thà kể lại chuyện bắn đại bàng và chỗ ở của nó. Lý Thông liền nhờ ta dẫn hắn và binh lính đến hang đại bàng.

Tập trung khai thác những suy nghĩ, hành động cụ thể của nhân vật được đóng vai.

Đến nơi, Lý Thông và binh lính không dám xuống. Ta bèn bảo hắn và binh lính dòng dây thừng đưa ta xuống. Đến đáy hang, ta gặp ngay đại bàng đang nằm trị thương trên một tảng đá còn công chúa bị nhốt trong một cái cũi sắt. Con đại bàng quắc mắt, vùng ngay dậy, đập cánh, giương vuốt sắc lao đến hòng quắp lấy ta. Ta nhanh chân né được, rút ngay cung tên vàng bắn nó mù mắt. Nó loạng choạng rớt xuống nền hang. Ta liền dùng búa chặt đứt bộ vuốt sắc rồi bổ đôi đầu nó ra. Diệt xong con quái vật, ta giải thoát cho công chúa rồi buộc dây vào người nàng, ra hiệu cho quân lính kéo lên khỏi hang. Công chúa vừa ra khỏi hang, ta thấy hang bỗng nhiên tối sầm, rồi nghe tiếng Lý Thông hò hét quân lính lấp thêm đá vào cửa hang. Lúc bấy giờ, ta mới hiểu Lý Thông đã cố tình hại ta và từ trước đến giờ hắn đều lừa ta.

Chuyện cũng đã dài mà giờ thì ta đang rất bận rộn chuyện triều chính nên không có thời gian để kể tiếp. Chuyện sau đó diễn ra thế nào thì hẳn mọi người cũng đã biết rồi đấy. Ta đã trở lại cung vua, tha tội cho mẹ con Lý Thông, kết hôn cùng công chúa, giải phóng đất nước khỏi sự bao vây của các nước chư hầu và kế tục ngôi vua. Vậy nên, ta chỉ muốn nói một điều ta rất tâm đắc: ở hiền gặp lành, ác giả ác báo!

(Bài làm của học sinh, có chỉnh sửa)

Thực hành viết theo các bước

1. TRƯỚC KHI VIẾT

Mục đích viết

Kể lại truyện cổ tích một cách sáng tạo, sinh động, hấp dẫn để truyền đạt được nội dung cơ bản của câu chuyện dưới một hình thức mới.

Người đọc

Thầy cô, bạn bè, người thân và những người quan tâm đến câu chuyện mà em kể lại.

a. *Chọn ngôi kể và đại từ tương ứng*

Khi đóng vai nhân vật kể lại câu chuyện, ngôi kể sẽ là ngôi thứ nhất. Tuy nhiên, em có thể chọn những từ khác nhau để chỉ ngôi thứ nhất: *ta, tôi, mình, tớ,...* phù hợp với địa vị, giới tính,... của nhân vật em đóng vai cũng như bối cảnh kể.

b. *Chọn lời kể phù hợp*

– Khi kể lại truyện trong vai một nhân vật cụ thể, em cần xác định được giới tính, tuổi tác, địa vị,... của nhân vật để lựa chọn lời kể phù hợp (cách xưng hô, dùng từ ngữ,...).

– Tính chất lời kể (vui, buồn, thân mật, nghiêm trang,...) cũng cần phù hợp với nội dung câu chuyện được kể, bối cảnh kể.

c. *Ghi những nội dung chính của câu chuyện*

– Cần ghi nhớ và tôn trọng những chi tiết đã biết về nhân vật cũng như cốt truyện gốc.

– Dự kiến những yếu tố, chi tiết sẽ được sáng tạo thêm.

– Có thể tóm tắt các sự kiện, tình tiết theo thứ tự trước sau để dễ dàng ghi nhớ và kể lại.

d. *Lập dàn ý*

Sau khi đã chuẩn bị theo các bước như trên, hãy lập một dàn ý cho bài viết theo gợi ý dưới đây:

Dàn ý

– Mở bài: Đóng vai nhân vật để tự giới thiệu sơ lược về mình và câu chuyện định kể.

– Thân bài: Kể lại diễn biến của câu chuyện.

+ Xuất thân của các nhân vật
+ Hoàn cảnh diễn ra câu chuyện
+ Diễn biến chính:
  - Sự việc 1
  - Sự việc 2
  - Sự việc 3
  - ...

– Kết bài: Kết thúc câu chuyện và nêu bài học được rút ra từ câu chuyện.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

2. VIẾT BÀI

Khi viết bài, cần lưu ý:

– Nhất quán về ngôi kể: Trong bài này, em sẽ vào vai người kể chuyện ngôi thứ nhất để kể lại câu chuyện.

– Kể lại câu chuyện: Dựa vào truyện gốc (nhân vật, sự kiện, ngôn ngữ,...) nhưng hãy cố gắng sáng tạo ở những chỗ cho phép (chi tiết hoá, cụ thể hoá những chỗ truyện gốc còn chung chung; gia tăng yếu tố kì ảo, tưởng tượng; tăng cường bộc lộ suy nghĩ, cảm xúc, đánh giá của người kể chuyện; gia tăng việc miêu tả, bình luận, liên tưởng;...).

3. CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Xem lại và chỉnh sửa bài viết theo một số gợi ý sau đây:

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất. Người kể chuyện đóng vai một nhân vật trong truyện.	Rà soát để bảo đảm sự chính xác và thống nhất về người kể chuyện, ngôi kể, từ ngữ xưng hô. Nếu chưa chính xác và thống nhất, cần chỉnh sửa.
Có sự tưởng tượng, sáng tạo thêm nhưng không thoát li truyện gốc; tránh làm thay đổi, biến dạng các yếu tố cơ bản của cốt truyện ở truyện gốc.	Đánh dấu các diễn biến chính, các chi tiết được lấy từ truyện gốc; kiểm tra tính chính xác của chúng. Nếu chưa chính xác thì cần sửa lại cho đúng với truyện gốc. Kiểm tra tính hợp lí, nhất quán giữa các chi tiết được sáng tạo thêm với truyện gốc (quan hệ nhân quả, trật tự thời gian,...). Nếu chưa phù hợp, cần sửa lại.
Cần có sự sắp xếp hợp lí các chi tiết và bảo đảm có sự kết nối giữa các phần.	Rà soát trình tự lô-gíc và sự kết nối giữa các chi tiết, các đoạn, các phần. Chỉnh sửa nếu chưa hợp lí.
Cần bổ sung các yếu tố miêu tả, biểu cảm để tả người, tả vật hay thể hiện cảm xúc của nhân vật.	Kiểm tra các yếu tố miêu tả, biểu cảm. Nếu chưa có hoặc chưa đủ thì cần bổ sung.
Bảo đảm yêu cầu về chính tả và diễn đạt.	Rà soát lỗi chính tả và diễn đạt (dùng từ, đặt câu,...). Chỉnh sửa nếu phát hiện lỗi.

Nói và nghe

Kể lại một truyện cổ tích bằng lời một nhân vật

Sau một thời gian làm việc chăm chỉ, em đã có bài viết kể lại một truyện cổ tích bằng lời một nhân vật. Nhiệm vụ của em bây giờ là tiếp tục "đóng vai" nhân vật để kể lại câu chuyện bằng giọng nói, cử chỉ, điệu bộ,... phù hợp. Nhưng làm thế nào để câu chuyện hay hơn, hấp dẫn hơn và nhận được những phản hồi tích cực từ phía người nghe? Và nếu có những góp ý cho phần trình bày của em, em sẽ đón nhận và hồi đáp ra sao? Khi nghe bạn trình bày, em cần lắng nghe và phản hồi như thế nào cho phù hợp, hiệu quả?

1. TRƯỚC KHI NÓI

a. *Chuẩn bị nội dung nói*

Em cần đọc lại nhiều lần bài viết đã có của mình; tóm tắt thành dàn ý, đánh dấu những chi tiết, sự kiện quan trọng không thể bỏ qua khi nói.

Mục đích nói

Kể lại một truyện cổ tích bằng lời của một nhân vật trong truyện, giúp người nghe hiểu được cốt truyện và nhân vật mà em đóng vai.

Người nghe

Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến câu chuyện em kể.

b. *Tập luyện*

– Để kể tốt câu chuyện, em có thể tập luyện một mình hoặc cùng bạn bè, người thân. Tập kể như thể em đang kể chuyện thực sự trước lớp. Thử nhiều cách khác nhau để tìm ra cách trình bày tốt nhất. Tập luyện nhiều giúp em tự tin hơn. Em có thể lựa chọn một trong hai hoặc kết hợp cả hai hình thức tập luyện sau:

+ Tập luyện một mình trước khi kể trên lớp.

+ Tập luyện trước nhóm bạn hoặc người thân và nhờ họ nhận xét, góp ý để hoàn thiện bài nói.

– Một số lưu ý khi tập luyện: xác định giọng kể khi đóng vai nhân vật (thân mật, hồi tưởng, nghiêm nghị, sôi nổi,...); lựa chọn thêm các phương tiện hỗ trợ nếu cần thiết (bản nhạc, tranh ảnh, bản trình chiếu, đạo cụ,...); nắm chắc cốt truyện, sự kiện, chi tiết hay đối thoại; nhập vai (lên giọng, xuống giọng khi kể, phối hợp sử dụng cử chỉ, điệu bộ).

2. TRÌNH BÀY BÀI NÓI

Khi trình bày bài nói, ngoài một số kĩ năng đã được học ở các bài trước, em nên chú ý một số điều sau:

– Tuỳ theo nhân vật mà em đóng vai, nội dung câu chuyện được kể mà có cách trình bày (giọng kể, cử chỉ,...) phù hợp.

– Cố gắng đóng vai nhân vật mà em lựa chọn, sử dụng hiệu quả ngôn ngữ cơ thể (động tác, điệu bộ, khẩu hình, nét mặt,...) để câu chuyện được kể sinh động, hấp dẫn. Tăng cường tương tác để lôi cuốn người nghe.

– Giọng kể cần thay đổi linh hoạt cho phù hợp với lời người kể chuyện và lời của mỗi nhân vật; nội dung kể cần tập trung vào những sự việc, chi tiết độc đáo, thú vị, tránh cách kể chuyện đều đều, gây cảm giác buồn tẻ.

3. SAU KHI NÓI

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
• Trao đổi lại với người nói về nội dung và cách trình bày câu chuyện. • Nhận xét về bài kể (về nội dung hay cách thức kể chuyện) và đề xuất cách giải quyết theo hướng: Nếu là người nói, em sẽ kể những gì và kể như thế nào?	• Giải thích thêm về ý tưởng, cách tổ chức cốt truyện, cách đóng vai hoặc cách kể lại câu chuyện của mình; tiếp thu ý kiến góp ý về bài kể; nêu những ý tưởng, cách thức mới sau khi được nghe góp ý. • Trao đổi lại với các ý kiến nhận xét của người nghe.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Củng cố, mở rộng

1. Kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền thông tin về các đặc điểm của truyện cổ tích:

STT	Các yếu tố	Đặc điểm
1	Chủ đề	
2	Nhân vật	
3	Cốt truyện	
4	Lời kể	
5	Yếu tố kì ảo	

2. Sưu tầm một số bản kể hoặc các hình thức kể khác (truyện thơ, kịch, phim hoạt hình,…) của các truyện cổ tích *Thạch Sanh* và *Cây khế*. So sánh và nêu nhận xét về sự giống nhau và khác nhau giữa các bản kể hoặc các hình thức kể đó.
3. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về "thế giới cổ tích" theo sự hình dung, tưởng tượng của em.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản dưới đây, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Sức hấp dẫn của các yếu tố kì ảo trong câu chuyện.
- Quan hệ giữa ngoại hình và phẩm chất của nhân vật Sọ Dừa.
- Ước mơ của tác giả dân gian qua kết thúc truyện.

Sọ Dừa

Hai vợ chồng nhà nọ đã nghèo lại hiếm[1], mãi về già mới được mụn con[2]. Khốn thay, đứa con ấy lại dị hình dị dạng[3], lọt lòng mẹ chỉ là cục thịt đỏ hỏn[4], có mắt, có mũi, nhưng không có mình mẩy, tay chân. Người ta kể, người vợ vào rừng hái củi. Trời nắng to, bà ta khát nước quá, thấy một cái sọ dừa có đựng ít nước mưa. Không chần chừ, bà ta bưng lấy uống. Thế rồi về nhà có mang[5].

Thấy con không ra hình người, bà ta buồn lắm, định vứt đi. Nhưng nghĩ lại cũng thương, dù sao cũng là khúc ruột đứt ra, bà ta cứ để nuôi, đặt tên là Sọ Dừa.

Lớn lên, Sọ Dừa vẫn không khác lúc nhỏ, cứ lăn lóc trong nhà, chẳng làm được việc gì. Một hôm bà mẹ than phiền:

---

(1) *Hiếm*: (người lập gia đình đã lâu) ít con hoặc mãi chưa có con.
(2) *Mụn con*: đứa con (ngầm ý ít con).
(3) *Dị hình dị dạng*: hình dạng khác biệt, không bình thường.
(4) *Đỏ hỏn*: màu đỏ của da đứa trẻ mới sinh.
(5) *Có mang*: có thai.

– Con nhà người ta bằng ấy tuổi đầu đã đi ở chăn bò, lấy tiền về nuôi cha mẹ, còn mày thì chẳng được tích sự[1] gì!

Sọ Dừa nói:

– Gì chứ chăn bò thì con cũng chăn được. Mẹ cứ xin phú ông[2] cho con đến ở chăn bò vậy.

Bà mẹ đến xin phú ông, phú ông ngần ngại. Cả đàn bò giao cho thằng bé không ra người không ra ngợm ấy, chăn dắt làm sao? Nhưng mà nuôi nó thì được cái ít tốn cơm, công sá chẳng bao lăm[3], rẻ hơn đứa khác nhiều. Thôi cứ thử xem! Thế là Sọ Dừa đến ở.

Sọ Dừa chăn bò rất giỏi. Hằng ngày, hắn lăn sau đàn bò ra đồng, tối đến lại lăn sau đàn bò về chuồng. Bò con nào con nấy bụng no căng. Phú ông mừng lắm. Tiết nông nhàn[4], phú ông làm trại trên núi thả bò ăn cỏ, bảo Sọ Dừa ở lại trông, cơm nước có người đưa lên tận nơi. Phú ông có ba cô con gái thay phiên nhau đưa cơm cho Sọ Dừa. Hai cô chị xinh đẹp nhưng kiêu kì, thường hắt hủi Sọ Dừa, còn cô em út hiền lành, tính hay thương người, đối đãi với Sọ Dừa rất tử tế.



Một hôm, cô ta vừa mang cơm đến dưới chân đồi thì nghe tiếng sáo véo von. Cô ta lấy làm lạ, rón rén bước lên, nấp sau bụi cây, rình xem, thì thấy

---

(1) *Tích sự*: việc có ích, việc có thành quả.

(2) *Phú ông*: người đàn ông giàu có ở nông thôn thời trước.

(3) *Bao lăm*: bao nhiêu (dùng trong câu có ý phủ định).

(4) *Tiết nông nhàn*: khoảng thời gian rảnh rỗi của nhà nông trong năm.

một chàng trai, mặt mũi khôi ngô, đang ngồi trên chiếc võng đào[1] mắc vào hai cành cây, thổi sáo cho đàn bò gặm cỏ. Có tiếng động, chàng trai biến mất, chỉ thấy Sọ Dừa nằm lăn lóc ở đấy. Nhiều lần như thế. Cô gái biết Sọ Dừa không phải người phàm trần[2]. Cô đem lòng yêu, có của ngon vật lạ đều giấu đem lên cho.

Cuối mùa ở, Sọ Dừa về, bảo mẹ đến hỏi con phú ông làm vợ. Bà mẹ hết sức sửng sốt, nhưng thấy con năn nỉ, cũng chiều lòng, đành kiếm buồng cau đến gặp phú ông. Phú ông cười mỉa:

– Ừ được! Muốn hỏi con gái tôi, hãy về sắm đủ mười mâm lụa đào, mười con lợn béo, mười vò rượu tăm[3] và một chĩnh vàng cốm[4], đem sang đây làm lễ vấn danh[5]!

Tưởng thách thế cho mẹ con Sọ Dừa bẽ mặt, không ngờ sáng hôm sau, Sọ Dừa mang lễ sang đầy đủ. Phú ông lúng túng, nhưng thấy của hoa mắt, mới gọi ba cô con gái lên hỏi xem ý con ra sao. Hai cô chị bĩu môi, nguýt Sọ Dừa một cái rõ dài, rồi đi vào. Cô em út e lệ, cúi mặt xuống, tỏ ý bằng lòng. Thế là thành đôi lứa.

Từ hôm cưới, Sọ Dừa không còn là Sọ Dừa nữa mà hiện thành một chàng trai lịch sự. Vợ chồng ăn ở với nhau rất đầm ấm. Không những thế, Sọ Dừa tỏ ra thông minh khác thường, ngày đêm miệt mài đèn sách, chờ khoa thi. Năm ấy, Sọ Dừa đỗ Trạng nguyên[6]. Chẳng bao lâu, có chiếu[7] nhà vua sai quan trạng đi sứ. Khi chia tay, quan trạng đưa cho vợ một hòn đá lửa, một con dao và hai quả trứng gà, dặn phải giắt luôn trong người phòng khi dùng đến.

Từ ngày cô em út lấy được chồng Trạng nguyên, hai cô chị sinh lòng ghen ghét, định tâm hại em để thay em làm bà trạng. Nhân quan trạng đi sứ vắng, hai cô chị sang chơi, rủ em chèo thuyền ra biển, rồi đẩy em rơi xuống nước. Một con cá kình[8] nuốt chửng vào bụng. Sẵn có con dao, cô em đâm chết cá,

---

(1) *Võng đào*: võng nhuộm màu đỏ hồng như hoa đào.
(2) *Phàm trần*: cõi đời bình thường, thế tục.
(3) *Vò rượu tăm*: bình chứa rượu ngon, nồng độ cao, khi rót thường sủi tăm.
(4) *Chĩnh vàng cốm*: hũ bằng gốm sứ, đựng vàng vụn, nhỏ.
(5) *Lễ vấn danh*: lễ nhà trai sang dạm hỏi nhà gái việc cưới xin theo phong tục xưa.
(6) *Trạng nguyên*: học vị cao nhất trong hệ thống thi cử thời xưa.
(7) *Chiếu*: một loại văn bản do vua ban hành.
(8) *Cá kình*: cá voi.

xác cá nổi lềnh bềnh trên mặt biển rồi dạt vào một hòn đảo. Cô em lại lấy dao khoét bụng cá chui ra, lấy hai hòn đá đánh, bật lửa lên, rồi xẻo thịt cá nướng ăn, sống qua ngày, chờ có thuyền đi qua thì gọi vào cứu. Hai quả trứng cũng nở thành một đôi gà đẹp làm bạn với cô ta giữa cảnh đảo hoang vắng.

Một hôm có chiếc thuyền cắm cờ đuôi nheo lướt qua đảo. Con gà trống thấy, gáy to ba bốn lần:

O... o... o... o
Phải thuyền quan trạng rước cô tôi về.

Quan trạng cho thuyền vào xem. Vợ chồng gặp nhau, mừng mừng tủi tủi. Nghe vợ kể chuyện lại, quan trạng mới hay vợ mình gặp nạn thế ấy, và hai cô chị độc ác thế kia. Về nhà, quan trạng mở tiệc mừng, mời bà con đến chia vui, nhưng lại giấu vợ trong buồng không cho ra mắt. Hai cô chị không hay biết gì hết, khấp khởi mừng thầm, chắc chuyến này được thay em làm bà trạng. Hai cô chị tranh nhau kể chuyện cô em rủi ro rồi khóc nức nở ra chiều thương tiếc lắm. Quan trạng không nói gì. Tiệc xong, quan trạng cho gọi vợ ra. Hai người chị xấu hổ quá, lẻn ra về lúc nào không ai hay và từ đó bỏ đi biệt xứ[1].

(Trương Chính, *Truyện cổ dân gian Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1983, tr. 53 – 55)

ĐỌC MỞ RỘNG

- Tìm đọc một số truyền thuyết và truyện cổ tích.
- Trao đổi về những cảm nhận, suy nghĩ của em khi đọc những truyền thuyết, truyện cổ tích đó. Tập trung vào những yếu tố cơ bản của mỗi thể loại như chủ đề, cốt truyện, nhân vật, lời kể và yếu tố kì ảo,...
- Kể lại một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích mà em thích.

(1) *Đi biệt xứ*: đi xa hẳn khỏi nơi sinh sống.

Bài 8

KHÁC BIỆT VÀ GẦN GŨI

Trên đời chẳng có người tẻ nhạt.

Ép-ghê-nhi Ép-tu-sen-cô (Evgheni Evtushenko)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Hãy nhìn xem, cuộc sống quanh ta đa dạng và phong phú biết bao. Mỗi người đều có những đặc điểm riêng về thể chất và tâm hồn. Nhưng bên cạnh những khác biệt, giữa mọi người vẫn có nhiều điều gần gũi, nhiều nét chung. Nhờ đó, chúng ta mới có khả năng thấu hiểu nhau, để hợp tác và chia sẻ.
- Vì sao giữa mọi người vừa có sự khác biệt lại vừa có nét gần gũi? Sự khác biệt và gần gũi như vậy có ý nghĩa gì? Để trả lời những câu hỏi này, cần phải đưa ra những lí lẽ, bằng chứng để bàn luận một cách thuyết phục.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng); chỉ ra được mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng.
- Tóm tắt được nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn.
- Nhận ra được ý nghĩa của vấn đề đặt ra trong văn bản đối với suy nghĩ, tình cảm của bản thân.
- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của trạng ngữ; hiểu được tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu trong việc biểu đạt nghĩa.
- Bước đầu biết viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm.
- Trình bày được ý kiến (bằng hình thức nói) về một hiện tượng (vấn đề); tóm tắt được ý kiến của người khác.
- Sống trung thực, thể hiện đúng những suy nghĩ riêng của bản thân; có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

Đọc

TRI THỨC NGỮ VĂN

Văn bản nghị luận

Văn bản nghị luận là loại văn bản chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề.

Các yếu tố cơ bản trong văn bản nghị luận

Để văn bản thực sự có sức thuyết phục, người viết (người nói) cần sử dụng lí lẽ và bằng chứng. Lí lẽ là những lời diễn giải có lí mà người viết (người nói) đưa ra để khẳng định ý kiến của mình. Bằng chứng là những ví dụ được lấy từ thực tế đời sống hoặc từ các nguồn khác để chứng minh cho lí lẽ.

Trạng ngữ

Trạng ngữ là thành phần phụ của câu, có thể được đặt ở đầu câu, giữa câu hoặc cuối câu, nhưng phổ biến là ở đầu câu. Trạng ngữ được dùng để nêu thông tin về thời gian, địa điểm, mục đích, cách thức,... của sự việc được nói đến trong câu. Ngoài ra, trạng ngữ còn có chức năng liên kết câu trong đoạn.

Tác dụng của lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu đối với việc thể hiện nghĩa của văn bản

Để thể hiện một ý, có thể dùng những từ ngữ khác nhau, những kiểu cấu trúc câu khác nhau. Khi tạo lập văn bản, người viết thường xuyên phải lựa chọn từ ngữ hoặc cấu trúc câu phù hợp để biểu đạt chính xác, hiệu quả nhất điều muốn nói.

VĂN BẢN ĐỌC

VĂN BẢN 1. *Xem người ta kìa!*, Lạc Thanh

VĂN BẢN 2. *Hai loại khác biệt*, Giong-mi Mun (Youngme Moon)

VĂN BẢN 3. *Bài tập làm văn* (trích *Nhóc Ni-cô-la (Nicolas): những chuyện chưa kể*), Rơ-nê Gô-xi-nhi (René Goscinny) và Giăng-giắc Xăng-pê (Jean-Jacques Sempé)

VĂN BẢN 1

Trước khi đọc

1. Trước một người bạn xuất sắc về nhiều mặt, em có suy nghĩ gì?
2. Trong cuộc sống, mỗi người có quyền thể hiện cái riêng của mình hay không? Vì sao?

Đọc văn bản

Xem người ta kìa!

LẠC THANH

"Xem người ta kìa!" – đó là câu mẹ tôi thường thốt lên mỗi khi không hài lòng với tôi về một điều gì đó. Cùng với câu này, mẹ còn nói: "Người ta cười chết!", "Có ai như thế không?", "Có ai làm vậy không?", "Ai đời lại thế?",... Tôi là đứa trẻ được dạy nhiều về hiếu thuận[1], tôi đã cố sức vâng lời để mẹ vui lòng. Nhưng mỗi lần như vậy, thú thật, tôi không thấy thoải mái chút nào.

THEO DÕI *Chú ý cách vào bài bằng lời kể. Phải chăng, kể chuyện cũng là một cách để nêu vấn đề cần bàn luận?*

Giờ đây, mẹ tôi đã khuất[2] và tôi cũng đã lớn. Tôi luôn nhớ về mẹ với niềm xúc động khôn nguôi[3]. Tôi đã hiểu ra, mỗi lần bảo tôi: "Xem người ta kìa!" là một lần mẹ mong tôi làm sao để bằng người, không thua em kém chị, không làm xấu mặt gia đình, dòng tộc, không để ai phải phàn nàn, kêu ca điều gì. Mà có lẽ không riêng gì mẹ tôi. Có người mẹ nào trên đời không ước mong điều đó?

Mẹ tôi không phải không có lí khi đòi hỏi tôi phải lấy người khác làm chuẩn mực[4] để noi theo. Trên đời, mọi người giống nhau nhiều điều lắm. Ai chẳng muốn thông minh, giỏi giang? Ai chẳng muốn được tin yêu, tôn trọng? Ai chẳng muốn thành đạt? Thành công của người này có thể là niềm ao ước của người kia. Vì lẽ đó, xưa nay, không ít người tự vượt lên chính mình nhờ noi gương những cá nhân xuất chúng[5]. Mẹ muốn tôi giống người khác, thì "người khác" đó trong hình dung của mẹ nhất định phải là người hoàn hảo[6], mười phân vẹn mười.

THEO DÕI *Lí do nào khiến mẹ muốn con giống người khác?*

Tuy vậy, trong thâm tâm[7], tôi không hề cảm thấy dễ chịu mỗi lần nghe mẹ trách cứ.

---

(1) *Hiếu thuận*: có lòng kính yêu và biết nghe lời cha mẹ.
(2) *Khuất*: chết.
(3) *Khôn nguôi*: chưa giảm bớt mức độ (xúc động) (nghĩa trong văn bản).
(4) *Chuẩn mực*: cái được chọn làm căn cứ để theo đó mà làm cho đúng.
(5) *Xuất chúng*: nổi bật, hơn hẳn mọi người về tài năng, trí tuệ.
(6) *Hoàn hảo*: tốt đẹp về mọi mặt.
(7) *Thâm tâm*: nơi sâu kín trong lòng.

Từ khi biết nhìn nhận và suy nghĩ, tôi dần dần hiểu ra rằng, thế giới này là muôn màu muôn vẻ, vô tận và hấp dẫn lạ lùng. Vạn vật trên rừng dưới biển đều thế và xã hội con người cũng thế. Nhớ các bạn trong lớp tôi ngày trước, mỗi người một vẻ, sinh động biết bao. Ngoại hình khác nhau, giọng nói khác nhau đã đành, mà thói quen, sở thích cũng có giống nhau đâu. Người thích vẽ vời, người ưa ca hát, nhảy múa, có bạn chỉ khi ra sân tập thể thao mới thực sự được là mình,... Về tính cách thì sôi nổi, nhí nhảnh hay kín đáo, trầm tư có đủ hết... Người ta thường nói học trò "nghịch như quỷ", ai ngờ "quỷ" cũng là cả một thế giới, chẳng "quỷ" nào giống "quỷ" nào! Tôi đã đọc đâu đó một câu rất hay: "Chỗ giống nhau nhất của mọi người trên thế gian này là... không ai giống ai cả". Chính chỗ "không giống ai" nhiều khi lại là một phần rất đáng quý trong mỗi con người.

THEO DÕI *Những bằng chứng nào chứng tỏ thế giới này là muôn màu muôn vẻ?*

Tôi muốn trở lại với dòng hồi ức[1] được khai mở ở đầu bài. Dù có ý định tốt đẹp, những người thân yêu của ta đôi lúc cũng chưa hẳn đúng khi không để ta được sống với con người thực của mình. Ai cũng cần hoà nhập, nhưng sự hoà nhập có nhiều lối chứ không phải một. Mỗi người phải được tôn trọng, với tất cả những cái khác biệt vốn có. Sự độc đáo của từng cá nhân làm cho tập thể trở nên phong phú. Nếu chỉ ao ước được giống người khác, thì làm sao ta có hi vọng đóng góp cho tập thể, cho cộng đồng một cái gì đó của chính mình? Đòi hỏi chung sức chung lòng không có nghĩa là gạt bỏ cái riêng của từng người.

Càng lớn, tôi càng hiểu nỗi lòng, mong ước của mẹ hơn. Tôi không còn cái cảm giác khó chịu nữa bởi đã nhận thức được rằng, những lời trách cứ[2] mẹ dành cho tôi cũng có thể là câu mà bao người mẹ trên đời đã nói với con. Tôi muốn đổi nội dung câu nói "Xem người ta kìa!" thành một lời khích lệ: Người ta đã khác, đã hay như thế, sao mình lại không khác, không hay, theo cách của mình? Biết hoà đồng, gần gũi mọi người, nhưng cũng phải biết giữ lại cái riêng và tôn trọng sự khác biệt. Chẳng phải vậy sao?

SUY LUẬN *Việc kết thúc văn bản bằng các câu hỏi có ý nghĩa gì?*

(*Theo* Lạc Thanh, tạp chí *Sông Lam*, số 8/2020)

---

(1) *Hồi ức*: nhớ lại điều bản thân đã trải qua.

(2) *Trách cứ*: nói ra điều thể hiện sự không bằng lòng.

Sau khi đọc

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Khi thốt lên "Xem người ta kìa!", người mẹ muốn con làm gì?
2. Chỉ ra ở văn bản:
   a. Đoạn văn dùng lời kể để giới thiệu vấn đề.
   b. Đoạn văn là lời diễn giải có lí của người viết về vấn đề.
   c. Đoạn văn dùng bằng chứng để làm sáng tỏ vấn đề.
3. Nội dung văn bản nhấn mạnh ý nghĩa của sự khác nhau hay giống nhau giữa mọi người?
4. Đọc lại đoạn văn có câu: *Mẹ tôi không phải không có lí khi đòi hỏi tôi phải lấy người khác làm chuẩn mực để noi theo.* Hãy cho biết người mẹ có lí ở chỗ nào.
5. *Chính chỗ "không giống ai" nhiều khi lại là một phần rất đáng quý trong mỗi con người.* Tác giả đưa ra những ví dụ nào để làm sáng tỏ ý ở câu trên? Qua tìm hiểu các ví dụ đó, em học được gì về cách sử dụng bằng chứng trong bài nghị luận?
6. *Biết hoà đồng, gần gũi mọi người, nhưng cũng phải biết giữ lại cái riêng và tôn trọng sự khác biệt* – em có đồng ý với ý kiến này không? Vì sao?
7. Từ việc đọc hiểu văn bản *Xem người ta kìa!*, em hãy rút ra những yếu tố quan trọng của một bài nghị luận.

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề: *Ai cũng có cái riêng của mình.*

Thực hành tiếng Việt

TRẠNG NGỮ

1. Chỉ ra trạng ngữ trong các câu sau và cho biết chức năng của trạng ngữ ở từng câu:
   a. *Từ khi biết nhìn nhận và suy nghĩ, tôi dần dần hiểu ra rằng, thế giới này là muôn màu muôn vẻ, vô tận và hấp dẫn lạ lùng.*
   b. *Giờ đây, mẹ tôi đã khuất và tôi cũng đã lớn.*
   c. *Dù có ý định tốt đẹp, những người thân yêu của ta đôi lúc cũng chưa hẳn đúng khi không để ta được sống với con người thực của mình.*

Nhận biết trạng ngữ

- Đọc câu sau để biết vị trí của trạng ngữ: ***Hồi nhỏ**, chúng tôi học cùng một lớp.*

  Trong câu này, ***hồi nhỏ*** là trạng ngữ. Trạng ngữ đứng ở đầu câu như thế rất phổ biến trong tiếng Việt.
- Đọc các câu sau để hiểu chức năng của trạng ngữ:

(1) ***Để giao tiếp tốt bằng ngoại ngữ**, em cần luyện tập thường xuyên.* (***Để giao tiếp tốt bằng ngoại ngữ*** là trạng ngữ chỉ mục đích.)

(2) *Nhiều người thường cãi nhau **chỉ vì những bất đồng nhỏ**.* (***Chỉ vì những bất đồng nhỏ*** là trạng ngữ chỉ nguyên nhân.)

2. Thử lược bỏ trạng ngữ trong các câu sau và chỉ ra sự khác nhau về nội dung giữa câu có trạng ngữ với câu không còn trạng ngữ:

a. *Cùng với câu này, mẹ còn nói: "Người ta cười chết!".*

b. *Trên đời, mọi người giống nhau nhiều điều lắm.*

c. *Tuy vậy, trong thâm tâm, tôi không hề cảm thấy dễ chịu mỗi lần nghe mẹ trách cứ.*

(3) ***Trong vườn trường**, những khóm tường vi đã nở rộ.* (***Trong vườn trường*** là trạng ngữ chỉ địa điểm.)

(4) ***Vì lẽ đó, xưa nay**, không ít người tự vượt lên chính mình nhờ noi gương những cá nhân xuất chúng.* (***Vì lẽ đó*** là trạng ngữ vừa chỉ nguyên nhân, vừa để liên kết với câu trước; ***xưa nay*** là trạng ngữ chỉ thời gian.)

3. Thêm trạng ngữ cho các câu sau:

a. *Hoa đã bắt đầu nở.*

b. *Bố sẽ đưa cả nhà đi công viên nước.*

c. *Mẹ rất lo lắng cho tôi.*

NGHĨA CỦA TỪ NGỮ

4. Thành ngữ trong các câu sau có những cách giải thích khác nhau. Theo em, cách giải thích nào hợp lí?

a. *Đòi hỏi **chung sức chung lòng** không có nghĩa là gạt bỏ cái riêng của từng người.*

Chung sức chung lòng có nghĩa là:

– Đoàn kết, nhất trí

– Giúp đỡ lẫn nhau

– Quyết tâm cao độ.

b. *Mẹ muốn tôi giống người khác, thì "người khác" đó trong hình dung của mẹ nhất định phải là người hoàn hảo, **mười phân vẹn mười**.*

Mười phân vẹn mười có nghĩa là:

– Tài giỏi

– Toàn vẹn, không có khiếm khuyết

– Đầy đủ, toàn diện.

5. Hãy xác định nghĩa của thành ngữ (in đậm) trong các câu sau:

a. *Tôi đã hiểu ra, mỗi lần bảo tôi: "Xem người ta kìa!" là một lần mẹ mong tôi làm sao để bằng người, không **thua em kém chị**.*

b. *Nhớ các bạn trong lớp tôi ngày trước, **mỗi người một vẻ**, sinh động biết bao.*

c. *Người ta thường nói học trò "**nghịch như quỷ**", ai ngờ quỷ cũng là cả một thế giới, chẳng "quỷ" nào giống "quỷ" nào!*

VĂN BẢN 2

Trước khi đọc

1. Em có muốn thể hiện sự khác biệt so với các bạn trong lớp hay không? Vì sao?
2. Em suy nghĩ như thế nào về một bạn không hề cố tỏ ra khác biệt, nhưng vẫn có những ưu điểm vượt trội?

Đọc văn bản

Hai loại khác biệt

GIONG-MI MUN(1)

Khi tôi còn học trung học, một thầy giáo của chúng tôi đã giao cho cả lớp một bài tập phải hoàn thành trong 24 tiếng đồng hồ. Bài tập là trong suốt 24 tiếng đồng hồ chúng tôi phải cố gắng trở nên khác biệt. Theo lời thầy, mục đích của bài tập là tạo cơ hội để chúng tôi bộc lộ một phiên bản(2) chân thật hơn về bản thân trước những người xung quanh. Quy định duy nhất là chúng tôi không được làm bất cứ điều gì gây hại, làm phiền người khác, hoặc vi phạm nội quy nhà trường.

THEO DÕI *Bài tập mà thầy giáo giao cho học sinh thực hiện nhằm mục đích gì?*

Vào buổi sáng thực hiện bài tập, tôi quyết định tỏ ra khác biệt bằng cách mặc một bộ trang phục kì dị đến trường, với đồ pi-gia-ma(3) kết hợp với áo thun dài tay. Trông tôi như thể vừa lăn ra khỏi giường ngủ. Khi đến trường, tôi phát hiện ra rằng rất nhiều bạn cùng lớp cũng chọn cách tương tự – họ sử dụng quần áo để biểu lộ cá tính; hành lang trường đầy những học sinh mặc quần áo quái lạ. Một số bạn để kiểu tóc kì quặc, trong khi một số khác lại làm trò quái đản(4) với trang sức hoặc phấn trang điểm. Một số lại quyết định tham gia vào những hoạt động ngu ngốc, gây chú ý. Tôi còn nhớ có một nhóm con gái nắm tay nhau, vừa đi dọc theo hành lang qua các lớp học, vừa cười, vừa hát như một nhóm

THEO DÕI *Bằng chứng thể hiện sự khác biệt của số đông học sinh trong lớp.*

(1) *Giong-mi Mun*: sinh năm 1964, người Hàn Quốc, Tiến sĩ Trường Đại học Kinh doanh Ha-vớt (Harvard).
(2) *Phiên bản*: bản sao lại từ một bản chính.
(3) *Pi-gia-ma*: bộ đồ mặc ở nhà.
(4) *Quái đản*: kì quái đến mức khó tin là có thật.

trẻ mẫu giáo. Tôi còn nhớ có một bạn nữ, một vận động viên, đã nhào lộn trong phòng ăn trưa.

[...] Duy nhất, có một bạn – hãy tạm gọi bạn ấy là J – tạo ấn tượng trong tôi. Nhân tiện, bạn không thể hình dung một người như cậu ấy có thể làm được điều đó. J là người ít nói, không đặc biệt quái dị[1] cũng như không đặc biệt nổi tiếng. Chắc chắn cậu càng không phải là loại thích chơi trội. Thế rồi, sáng hôm đó, J đến trường, ăn mặc như bình thường và trông hệt như mọi ngày. Nhưng khi cậu giơ tay trong tiết đầu tiên – tôi không còn nhớ tiết học về môn gì, có lẽ là Lịch sử hay Vật lí gì đó – cậu đã làm một điều bất ngờ khi thầy gọi cậu phát biểu: Cậu đã đứng lên trả lời câu hỏi.

THEO DÕI *Bằng chứng cho thấy sự khác biệt của J?*

Đúng vậy, cậu đã *đứng lên*. Để trả lời câu hỏi. Và khi phát biểu, cậu nói một cách thật từ tốn, dõng dạc và lễ độ. Như thể không có gì quan trọng hơn, không có gì ý nghĩa hơn tiết học này, câu trả lời này đây. Tôi còn nhớ khi đó tôi và những bạn khác trong lớp nhìn nhau như tự hỏi, *Cậu ấy nghiêm túc thật đấy ư?*

SUY LUẬN *Vì sao các bạn học sinh trong lớp ngạc nhiên về J?*



Rồi tiết học tiếp theo cũng như vậy. Bất cứ khi nào J được gọi, cậu đều đứng lên trả lời câu hỏi. Và mỗi lần phát biểu, cậu đều nói với giọng hoàn toàn chân thành. Như thể cậu rất quan tâm đến câu hỏi, như thể cậu thật sự muốn câu trả lời của mình có một giá trị nhất định. Không những thế – cậu còn nói với thầy giáo là

(1) *Quái dị*: rất khác với những gì thường thấy, gây cảm giác khó coi.

Thưa thầy. Cậu gọi tất cả chúng tôi bằng *anh chị*. Và đến cuối tiết học, cậu tiến lên phía trước và bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thầm lặng.

Lần đầu tiên khi J làm như thế, cả bọn chúng tôi cứ cười khúc khích, và thành thật mà nói, ai cũng sẽ cười thôi. Hành động của cậu thật kì quặc và dường như tất cả chúng tôi đều trông đợi một trò đùa nào đó. Nhưng khi ngày dần trôi qua, tiếng cười khúc khích vơi đi, vì – tôi cũng chẳng biết nữa – chúng tôi bắt đầu nhận ra điều J đang làm mới tuyệt làm sao. Một điều gì đó trang trọng, một điều gì đó chững chạc, thậm chí có phần dũng cảm. Và cậu làm rất tốt – lại thêm một điểm nữa. Cậu hiểu rõ mình đang làm gì, cậu hành xử rất mực nghiêm trang. Tôi không thể đại diện cho cả lớp, nhưng đến cuối ngày, chúng tôi đều nhất trí rằng những điều J đã làm khá là mẫu mực.

Điều tôi học được từ bài tập này là: sự khác biệt chia làm hai loại. Một loại khác biệt vô nghĩa, và một loại khác biệt có ý nghĩa. Khi tôi quyết định mặc bộ đồ quái dị đến trường, tôi biết rằng mình không phải là người duy nhất, nhưng tôi đã chọn trò đơn giản nhất vì không quan tâm tìm kiếm một thứ ý nghĩa hơn. Và thành thật mà nói, tôi đoán rằng mình thật sự chẳng hề cố tỏ ra khác biệt, hoặc nếu có, tôi chỉ chọn loại khác biệt vô nghĩa. Về vấn đề này, tôi cũng chẳng đơn độc; đa số chúng tôi đều chọn loại vô nghĩa.

THEO DÕI *Cách sử dụng lí lẽ để làm rõ vấn đề.*

Chỉ có J là ngoại lệ. Trong 24 tiếng đồng hồ đó, cái nhìn của tôi về J đã hoàn toàn thay đổi; tất cả chúng tôi đều nhận thấy điều đó. Tôi không rõ tại sao cậu lại làm thế; có lẽ cậu thực sự có điều gì đó muốn nhắn nhủ với chúng tôi. Bất kể vì lí do gì, J là người duy nhất chọn loại khác biệt có ý nghĩa. Kết quả là vào cuối ngày hôm đó, tôi cảm giác rằng không một ai trong chúng tôi lại không nể phục cậu.

Khi nói đến việc thu hút sự chú ý, sẽ có những người chọn cách dễ dàng, không tốn chút tâm sức. Họ cố thu hút chúng ta bằng cách gây náo động hoặc tỏ ra ngu ngốc, hoặc bằng cách mặc đồ pi-gia-ma nhàu nhĩ đến trường. Nhưng khi điều này xảy ra, hoá ra nếu chúng ta có đủ thời gian để suy nghĩ, thì đây chính là điều chúng ta sẽ làm: Chúng ta chỉ đơn thuần tách những người vô nghĩa ra khỏi những người có ý nghĩa, và chúng ta bỏ qua nhóm đầu tiên vì họ chẳng có gì khác biệt. Với nhóm thứ hai, họ là những người khiến chúng ta đặc biệt chú ý, những người chúng ta cho là khác biệt thật sự.

THEO DÕI *Kết luận nào được người viết rút ra sau khi trình bày lí lẽ và bằng chứng?*

(Giong-mi Mun, *Khác biệt – thoát khỏi bẫy đàn cạnh tranh, theo* Dương Ngọc Lâm *dịch*, NXB Khoa học xã hội và An-pha-búc, Hà Nội, 2017, tr. 242 – 246)

Sau khi đọc

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Văn bản có kể một câu chuyện mà tác giả là người trong cuộc. Theo em, giữa việc kể lại câu chuyện và rút ra bài học từ câu chuyện, điều nào quan trọng hơn? Căn cứ vào đâu mà em xác định như vậy?
2. Việc thể hiện sự khác biệt của số đông các bạn trong lớp và của J hoàn toàn khác nhau. Sự khác nhau ấy biểu hiện cụ thể như thế nào?
3. Trong văn bản này, tác giả đi từ thực tế để rút ra điều cần bàn luận hay nêu điều cần bàn trước, sau đó mới đưa ra bằng chứng từ thực tế để chứng minh? Hãy nhận xét về sự lựa chọn cách triển khai này.
4. Tác giả phân chia sự khác biệt thành hai loại: sự "khác biệt vô nghĩa" (qua cách thể hiện của số đông các bạn trong lớp) và sự "khác biệt có ý nghĩa" (qua cách thể hiện của J). Em có đồng tình với cách phân chia như thế không? Vì sao?
5. Do đâu số đông thường thể hiện sự khác biệt vô nghĩa? Muốn tạo ra sự khác biệt có ý nghĩa, con người cần có những năng lực và phẩm chất gì?
6. Theo em, bài học về sự khác biệt được rút ra từ văn bản này có phải chỉ có giá trị đối với lứa tuổi học sinh hay không? Vì sao?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Với câu mở đầu: *Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa...*, hãy viết tiếp 5 – 7 câu để hoàn thành một đoạn văn.

Thực hành tiếng Việt

LỰA CHỌN TỪ NGỮ

1. Trả lời các câu hỏi sau:

   a. Với câu "*Nhớ các bạn trong lớp tôi ngày trước, mỗi người một vẻ, sinh động biết bao.*" có thể dùng từ *kiểu* để thay cho từ *vẻ* được không? Vì sao?

   b. Từ *khuất* được dùng trong câu "*Giờ đây, mẹ tôi đã khuất và tôi cũng đã lớn.*" có phù hợp hơn so với một số từ khác cũng có nghĩa là *chết* như: *mất*, *từ trần*, *hi sinh*?

   c. Vì sao trong câu "*Tôi luôn nhớ về mẹ với niềm xúc động khôn nguôi.*", từ *xúc động* được chọn hợp lí hơn các từ khác như *cảm động* hay *xúc cảm*?

Nhận biết tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ trong câu

Đọc câu sau để biết tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ: *Vì lẽ đó, xưa nay, đã có không ít người tự vượt lên chính mình nhờ* ***noi gương*** *những cá nhân xuất chúng.*

Có một số từ ngữ gần nghĩa với *noi gương* như: *học theo*, *làm theo*, *bắt chước*,... nhưng *noi gương* là từ phù hợp nhất cho câu trên.

2. Chọn từ phù hợp nhất trong ngoặc đơn để đặt vào khoảng trống ở các câu sau và giải thích lí do lựa chọn:

a. *Bị cười, không phải mọi người đều … giống nhau.*

(phản ứng, phản xạ, phản đối, phản bác)

b. *Trên đời, không ai … cả.*

(hoàn tất, hoàn toàn, hoàn hảo, hoàn chỉnh)

c. *Đi đường phải luôn luôn … để tránh xảy ra tai nạn.*

(nhìn ngó, dòm ngó, quan sát, ngó nghiêng)

d. *Ngoài … của bản thân, tôi còn được bạn bè, thầy cô thường xuyên động viên, khích lệ.*

(sức lực, tiềm lực, nỗ lực)

LỰA CHỌN CẤU TRÚC CÂU

3. Thực hiện các yêu cầu sau:

a. Chỉ ra ý nghĩa của cụm từ in đậm trong câu sau và cho biết, nếu bỏ thành phần đó, câu thay đổi như thế nào về cấu trúc và ý nghĩa.

***Giờ đây khi hồi tưởng lại**, tôi đoán bạn có thể nói rằng bài tập là một kỉ niệm khó quên.*

b. Văn bản *Hai loại khác biệt* có câu: "*Cậu đã đứng lên trả lời câu hỏi.*". Nếu câu này được viết lại thành "*Cậu đã trả lời câu hỏi và đứng lên.*" thì có phù hợp không? Vì sao?

c. Câu "*Đến cuối tiết học, cậu tiến lên phía trước và bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thầm lặng.*" có thể đổi cấu trúc: "*Đến cuối tiết học, cậu bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thầm lặng và tiến lên phía trước.*". Vì sao không thể sử dụng câu biến đổi để thay cho câu gốc trong văn bản?

Nhận biết tác dụng của việc lựa chọn cấu trúc câu

Đọc câu sau để biết tác dụng của việc lựa chọn cấu trúc câu phù hợp: ***Càng** lớn, tôi **càng** hiểu nỗi lòng, mong ước của mẹ hơn.*

Sử dụng cấu trúc câu có cặp quan hệ từ ***càng**… **càng***, người viết đã thể hiện được ý: sự nhận thức của con về tình mẹ là một quá trình, nó sâu sắc và đầy đặn hơn theo thời gian và sự trưởng thành của con.

4. Sau đây là những câu thay đổi cấu trúc so với câu gốc trong các văn bản có trong bài học này. Nghĩa của câu thay đổi cấu trúc khác như thế nào so với câu gốc?

a. – Câu gốc: *Tôi không rõ tại sao cậu lại làm thế; có lẽ cậu thực sự có điều gì đó muốn nhắn nhủ với chúng tôi.*

– Câu thay đổi: *Có lẽ cậu thực sự có điều gì đó muốn nhắn nhủ với chúng tôi; tôi không rõ tại sao cậu lại làm thế.*

b. – Câu gốc: *Tuy nhiên, đây không phải là điều quá nghiêm trọng, và càng không phải là "căn bệnh" hết cách chữa.*

– Câu thay đổi: *Tuy nhiên, đây không phải là "căn bệnh" hết cách chữa và càng không phải là điều quá nghiêm trọng.*

VĂN BẢN 3

Đọc văn bản

Bài tập làm văn

Trích ***Nhóc Ni-cô-la: những chuyện chưa kể***,
RƠ-NÊ GÔ-XI-NHI và GIĂNG-GIẮC XĂNG-PÊ

Bố đi làm đã về đến nhà, bố ôm mẹ, ôm tôi và bố nói rằng: "Giời ạ, sao mà một ngày làm việc ở văn phòng nó lại mệt mỏi đến thế không biết", rồi bố xỏ giày păng-túp[1], bố vớ lấy báo, bố ngồi xuống ghế phô-tơi[2], còn tôi thì nói với bố rằng bố cần phải giúp tôi làm bài tập.

[...] Bố thật sự là rất khá. Bố bế tôi đặt tôi lên đầu gối, bố lau mặt cho tôi bằng cái khăn mùi soa[3] to của bố, bố nói với tôi rằng bố của bố thì chẳng bao giờ giúp bố làm bài tập cả, nhưng mà bố thì khác, bố sẽ giúp, nhưng mà là lần cuối cùng. Bố tôi í à, rất là tuyệt!

Chúng tôi chuyển sang cái bàn nhỏ trong phòng khách.

– Xem nào, bố hỏi tôi, xem cái bài tập lẩy lừng này nó ra làm sao nào?

Tôi trả lời bố rằng đó là một bài tập làm văn, đầu bài[4] là: "Tình bạn; hãy miêu tả người bạn thân nhất của em".

– Ồ, đầu bài ra hay, rất hay đấy chứ, bố nói, mà bố lại còn rất giỏi về tập làm văn chứ lị, các thầy giáo bố còn nói là có cả một Ban-dắc[5] (Balzac) ở trong bố nữa kia.

Tôi không hiểu tại sao các thầy giáo bố lại nói thế với bố, nhưng đã nói thế thì chắc là phải oách lắm, cho nên bố mới có vẻ tự hào đến vậy.

Bố bảo tôi cầm lấy bút và bắt đầu viết.

– Phải bố cục[6] một tí, bố nói. Trước tiên, ai là bạn thân nhất của con?

– Con có hàng đống bạn thân, tôi trả lời bố. Còn những đứa khác thì chẳng bạn bè gì sất[7].

---

(1) *Giày păng-túp*: giày vải, để đi trong nhà.
(2) *Ghế phô-tơi*: ghế bành.
(3) *Khăn mùi soa*: khăn nhỏ và mỏng, thường bỏ túi để lấy lau mặt cho tiện.
(4) *Đầu bài*: phần đề ra cho học sinh làm, hiện nay quen gọi là *đề bài*.
(5) *Ban-dắc*: Hô-nô-rê đơ Ban-dắc (Honoré de Balzac) (1799 – 1850), nhà văn Pháp.
(6) *Bố cục*: sắp xếp các ý, các phần trước sau cho hợp lí.
(7) *Sất*: nhấn mạnh sự phủ định. Nói "chẳng bạn bè gì sất" cũng giống như nói "chẳng bạn bè gì hết".

Bố nhìn tôi như thể là bố hơi ngạc nhiên một tí, rồi bố nói: "Rồi, rồi" và bố yêu cầu tôi chọn một đứa bạn thân nhất trong cả đống và ghi ra những đức tính mà tôi thích ở thằng đó. Làm thế sẽ lập được dàn ý bài tập làm văn của chúng tôi, sau đó, viết sẽ rất dễ.

Thế là tôi bèn giới thiệu với bố thằng An-xe-xtơ (Alceste), cái thằng lúc nào cũng ăn luôn miệng và chẳng bao giờ bị ốm. Nó là thằng to béo nhất cả bọn, và nó rất là hay. Sau thằng An-xe-xtơ, tôi lại nói với bố thằng Giơ-phroa (Geoffroy), cái thằng có hàng đống đức tính hay: bố nó giàu ơi là giàu và toàn mua cho nó đồ chơi, và Giơ-phroa thỉnh thoảng lại mang cho bọn bạn mượn rồi làm vỡ mất. Rồi cả thằng Ơt-đơ (Eudes), cực khoẻ, và rất là thích đấm đá, nhưng mà chỉ đấm bạn bè thôi, bởi vì nó rất dát. Rồi còn cả thằng Ruy-phut (Rufus) nữa, như những đứa khác, cũng có rất nhiều đức tính: nó có một cái còi thổi nảy hột, và bố nó thì là cảnh sát. Rồi đến thằng Me-xăng (Maixent), chạy nhanh ơi là nhanh, và đầu gối thì vừa to vừa bẩn. Rồi đến thằng Gioa-chim (Joachim), không bao giờ muốn cho ai mượn gì, nhưng mà lúc nào thì cũng có hàng đống tiền trong túi để mua kẹo ca-ra-men[1] mà ngậm; còn chúng tôi thì chỉ được chầu[2] mồm nó. Rồi tôi ngừng lại, bởi vì bố tôi cứ tròn mắt ra mà nhìn tôi.

– Thế thì sẽ khó hơn là bố tưởng rồi đây, bố nói.

Có ai đó nhấn chuông cửa ra vào và bố đi ra mở cửa. Bố quay vào cùng với ông Blê-đúc (Blédurt). Ông Blê-đúc là ông hàng xóm rất thích gây sự với bố.

– Tôi sang với anh, ta làm một ván cờ nhé, ông Blê-đúc nói.

– Không được rồi, bố trả lời, tôi phải làm bài tập cùng với thằng bé.

Bài tập của tôi lại có vẻ khiến ông Blê-đúc hết sức quan tâm, và khi ông biết chủ đề bài tập làm văn của tôi, ông liền nói là để ông làm cho, và đảm bảo sẽ cực nhanh.

– Hãy gượm[3], bố nói, tôi sẽ làm bài tập cho con tôi.

– Đừng cãi nhau nữa, ông Blê-đúc nói; cả hai người mà cùng làm thì càng nhanh hơn, hay hơn chứ sao.

Thế rồi ông ấy ngồi xuống cái bàn nhỏ cùng với chúng tôi, ông gãi gãi cái đầu, ông nhìn ngơ ngẩn ra phía trước, và ông nói: "Xem nào, xem nào, xem nào",

---

(1) *Kẹo ca-ra-men*: một loại kẹo có màu nâu nhạt, làm từ đường được nung nóng cho chảy ra.

(2) *Chầu*: hướng về, nhìn.

(3) *Gượm*: chờ một lát.

rồi ông hỏi ai là bạn thân nhất của tôi. Tôi đang định trả lời thì bố đã ngắt lời không để tôi kịp nói. Bố nói với ông Blê-đúc rằng hãy để chúng tôi yên, rằng chúng tôi không cần gì ông cả.

– Tốt thôi, ông Blê-đúc nói, tôi ấy à, tôi có bảo gì thì cũng chỉ là muốn cho con anh được điểm tốt hơn mà thôi, chả lẽ cứ lẹt đẹt[1] mãi.

Điều này lại khiến bố phật ý[2].

[...] Vì tôi thấy bố không bằng lòng nên tôi muốn bênh bố, tôi bèn nói với ông Blê-đúc rằng bố viết văn giỏi lắm và rằng các thầy giáo bố đã nói rằng có hàng đống Ban-dắc ở trong bố. Ông Blê-đúc bắt đầu cười rũ. Thế là bố đã vẩy mực vào ca-vát[3] của ông Blê-đúc.

Ông Blê-đúc rất tức giận.

[...] Tôi hiểu rằng bài tập làm văn của tôi thì tốt nhất là tôi tự làm một mình [...] và tôi đã làm được một bài tập làm văn ra trò, trong đó tôi bảo rằng thằng Ác-nhăng (Agnan) là người bạn thân nhất.

[...] Tôi được điểm rất cao với bài tập làm văn ở trường, và cô giáo còn viết vào vở của tôi: "Bài viết rất cá tính, đề tài độc đáo".

Chỉ có một vấn đề duy nhất là, từ cái bài tập làm văn về tình bạn, ông Blê-đúc và bố không nói chuyện với nhau nữa.



Minh hoạ của Giăng-giắc Xăng-pê

(Rơ-nê Gô-xi-nhi và Giăng-giắc Xăng-pê, *Nhóc Ni-cô-la: những chuyện chưa kể*, tập 1, Trác Phong và Hương Lan *dịch*, NXB Hội Nhà văn và Nhã Nam, Hà Nội, 2016, tr. 340 – 347)

---

(1) *Lẹt đẹt*: chậm chạp, kém cỏi, không theo kịp người khác.

(2) *Phật ý*: không vui, không được vừa ý.

(3) *Ca-vát*: một vật dụng thuộc trang phục, dùng để quàng quanh cổ áo sơ mi, thắt nút, buông xuống trước ngực, thường làm bằng vải hoặc lụa.

Sau khi đọc

• **Rơ-nê Gô-xi-nhi** (1926 – 1977) là nhà văn Pháp, chuyên sáng tác truyện tranh, viết kịch, làm phim.

• **Giăng-giắc Xăng-pê** (1932 – 2022) là hoạ sĩ người Pháp, chuyên vẽ truyện tranh và tranh biếm hoạ.



Nhà văn
RƠ-NÊ GÔ-XI-NHI



Hoạ sĩ
GIĂNG-GIẮC XĂNG-PÊ

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Do đâu khi làm bài tập làm văn, Ni-cô-la phải nhờ đến bố?
2. Vì sao bố Ni-cô-la lại tỏ ra sốt sắng giúp cậu con trai làm bài văn?
3. *Ai là người bạn thân nhất của cậu bé?* – đó là điều cả bố Ni-cô-la và ông Blê-đúc cần phải biết khi muốn làm hộ bài tập làm văn. Vì sao vậy?
4. Vì sao sau khi Ni-cô-la đã kể ra nhiều người bạn của mình mà bố của cậu vẫn thấy khó viết?
5. *Tôi hiểu rằng bài tập làm văn của tôi thì tốt nhất là tôi tự làm một mình* – nhân vật trong câu chuyện rút ra một kinh nghiệm như thế qua những gì đã xảy ra khi nhờ bố làm bài. Em có đồng ý với điều đó không? Vì sao?
6. Nếu gặp một đề văn như của Ni-cô-la, theo em, việc đầu tiên phải làm là gì?

Viết

Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm

Xem người ta kìa! và *Hai loại khác biệt* là những văn bản nghị luận em đã đọc. Vấn đề được nêu và bàn luận trong đó rất gần gũi với đời sống của mỗi người. Hằng ngày, xung quanh chúng ta còn có bao nhiêu điều đáng suy nghĩ. Nắm được đặc điểm của văn bản nghị luận qua các bài đã đọc, em hãy viết một bài văn bàn về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm.

Yêu cầu đối với bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề):

- Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận.
- Thể hiện được ý kiến của người viết.
- Dùng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc.

Phân tích bài viết tham khảo

Câu chuyện đồng phục

Lên lớp 6, trong buổi tập trung đầu tiên, cô giáo chủ nhiệm lớp tôi đã dặn: "Bắt đầu từ ngày khai giảng, trừ những lúc lao động hoặc tham gia các hoạt động ngoài giờ, mỗi khi đi học, các em đều cần phải mặc đồng phục. Điều này thuộc nội quy của nhà trường, không em nào được vi phạm đấy nhé". Một cậu thốt lên: "Tưởng đồng phục là chuyện của tiểu học, nào ngờ…". Một vài người hưởng ứng cậu ấy. Tôi không tán thành thái độ đó của các bạn, bởi vì, theo suy nghĩ của tôi, mặc đồng phục khi đến trường là điều cần thiết.

Nêu hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận: quy định mặc đồng phục đối với học sinh khi đến trường.

Thể hiện ý kiến của người viết: tán thành quy định mặc đồng phục đối với học sinh.

Đồng phục có đẹp không? Không biết các bạn khác nghĩ thế nào, riêng tôi, tôi thấy đồng phục toát lên cái đẹp chung của cả tập thể. Buổi sáng, các bạn tôi đều mặc đồng phục đến trường, sát cánh bên nhau, vừa hài hoà vừa đẹp mắt. Mỗi khi tập trung toàn trường, hàng trăm học sinh xếp hàng ngay ngắn, mọi người đều mặc đồng phục, từ trên cao nhìn xuống, giống như những mảng màu lớn trong một bức tranh khổng lồ.

Đồng phục không chỉ đẹp mà còn góp phần tạo nên bản sắc của mỗi trường. Cậu này là học sinh Trường THCS Lê Quý Đôn, bạn ấy thuộc Trường THCS Lương Thế Vinh, còn cô bé kia học ở Trường THCS Đặng Thai Mai,… tất cả đều được nhận ra nhờ bộ đồng phục mà họ mặc. Trong cuộc thi "Nhóm bạn lí tưởng" ở tỉnh, "màu cờ sắc áo" không chỉ thể hiện ở tài trí của năm bạn trong đội hình thi đấu trên sân khấu, mà còn ở các nhóm cổ động viên tưng bừng, nổi bật trong bộ đồng phục của trường mình trên khán đài.

Trong lớp tôi, hoàn cảnh của từng bạn rất khác nhau. Đây là Hoàn, bố mẹ làm kinh doanh, gia đình khá giả. Kia là Lê, bố mẹ làm công nhân, kinh tế gia đình bình thường. Còn Phương, bố mất sớm, mẹ làm việc ở một xưởng sản xuất nhỏ, cuộc sống hằng ngày còn nhiều khó khăn,… Vì các bạn đều mặc đồng phục nên khoảng cách giàu nghèo không còn nhận thấy nữa, mọi người trở nên bình đẳng, gần gũi nhau hơn.

Dùng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc.

Vậy đồng phục có làm cho tính cách, suy nghĩ của mọi người giống hệt nhau? Hẳn có người sợ điều đó xảy ra, nhưng tôi thì không nghĩ vậy. Ở lớp tôi, mỗi bạn có tính cách riêng, không ai giống ai. Bích Hiền trầm lặng, ít nói; Cẩm Vân thì như sáo sậu, ca hát luôn miệng; Văn Hoạt khéo léo, nhẹ nhàng;… Trí thông minh, tính cách riêng của các bạn ấy không hề bị xoá nhoà bởi bộ đồng phục.

Như vậy, các trường quy định học sinh mặc đồng phục là một việc cần thiết. Qua một số chương trình ti vi, tôi thấy các trường học ở nước ngoài, học sinh cũng mặc đồng phục. Bộ đồng phục còn nhắc nhở tôi về tính ngăn nắp, ý thức kỉ luật. Mỗi buổi tối, học bài xong, trước khi đi ngủ, bao giờ tôi cũng chuẩn bị sẵn bộ đồng phục để sáng mai mặc đến trường. Tôi cho rằng đó là một thói quen tốt. Còn bạn, bạn nghĩ sao?

(*Bài làm của học sinh*)

Thực hành viết theo các bước

1. TRƯỚC KHI VIẾT

a. *Lựa chọn đề tài*

Đề tài có thể được ấn định (đề kiểm tra, đề thi) hoặc do người viết lựa chọn. Nếu được tự chọn đề tài, em hãy suy nghĩ xem trong cuộc sống hằng ngày, có hiện tượng (vấn đề) nào khiến em quan tâm và muốn trình bày ý kiến.

Tham khảo một số đề tài sau:

- Tôn trọng người khác và mong muốn được người khác tôn trọng
- Thái độ đối với người khuyết tật
- Noi gương những người thành công
- Đánh giá khả năng của bản thân
- Hiện tượng bắt nạt trong trường học hiện nay.

Mục đích viết

Thuyết phục người đọc về ý kiến của em trước một hiện tượng (vấn đề) gần gũi trong đời sống.

Người đọc

Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến hiện tượng (vấn đề) đời sống được bàn luận.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Ngoài những đề tài nêu trên, em cũng có thể tự tìm một đề tài mà mình am hiểu và cảm thấy thú vị để thực hiện bài viết.

b. *Tìm ý*

– Cần hiểu như thế nào về hiện tượng (vấn đề) này?
– Những khía cạnh cần bàn bạc.
– Bài học rút ra từ hiện tượng (vấn đề) bàn luận.

c. *Lập dàn ý*

Sắp xếp các ý đã tìm được thành một dàn ý.

Dàn ý
– Mở bài: Giới thiệu hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận. – Thân bài: Đưa ra ý kiến bàn luận. + Nêu ý 1 (lí lẽ, bằng chứng) + Nêu ý 2 (lí lẽ, bằng chứng) + Nêu ý 3 (lí lẽ, bằng chứng) + ... – Kết bài: Khẳng định lại ý kiến của bản thân.

2. VIẾT BÀI

Bám sát dàn ý để viết bài. Khi viết cần chú ý:

– Có thể mở bài trực tiếp: nêu thẳng hiện tượng (vấn đề), hoặc mở bài gián tiếp bằng cách kể một câu chuyện ngắn để giới thiệu hiện tượng (vấn đề).
– Mỗi ý trong bài phải trình bày thành một đoạn văn, có lí lẽ và bằng chứng cụ thể.

3. CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Đọc lại bài viết, rà soát từng phần, từng đoạn để chỉnh sửa theo gợi ý sau đây:

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận.	Đọc lại phần Mở bài, nếu chưa thấy hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận thì phải nêu cho rõ.
Thể hiện được ý kiến (tình cảm, thái độ, cách đánh giá,...) của người viết về hiện tượng (vấn đề).	Bổ sung những câu thể hiện tình cảm, thái độ, cách đánh giá về hiện tượng (vấn đề) nếu thấy còn thiếu.
Đưa ra được các lí lẽ và bằng chứng để bài viết có sức thuyết phục.	Kiểm tra lại các lí lẽ và bằng chứng, nếu lí lẽ chưa chắc chắn, bằng chứng chưa tiêu biểu hoặc còn thiếu thì phải chỉnh sửa, thay thế, bổ sung.
Bảo đảm các yêu cầu về chính tả và diễn đạt.	Tự phát hiện các lỗi về chính tả và diễn đạt để sửa lại cho phù hợp.

Nói và nghe

Trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) đời sống

Trong sinh hoạt, học tập hằng ngày, có nhiều hiện tượng (vấn đề) nảy sinh, chẳng hạn: quan hệ bạn bè, cách chọn sách để đọc, yêu cầu bảo vệ môi trường,... Những hiện tượng (vấn đề) đó tác động đến đời sống của em, đòi hỏi em phải tìm hiểu và phát biểu ý kiến. Tuy nhiên, trước một hiện tượng (vấn đề), các ý kiến được nêu ra có thể rất khác nhau. Vì thế, trao đổi, thảo luận là điều cần thiết. Khi trao đổi, thảo luận, mỗi người cần biết cách trình bày ý kiến của mình và phản hồi về ý kiến của người khác.

1. TRƯỚC KHI NÓI

a. *Chuẩn bị nội dung nói*

- Tóm lược nội dung bài viết thành dạng dàn ý.
- Chú ý sự khác nhau về cách mở đầu, cách triển khai, cách kết thúc giữa bài viết và bài nói để trình bày các nội dung bằng ngôn ngữ nói phù hợp.
- Đánh dấu những chỗ cần nhấn mạnh, ghi chú thêm các số liệu, các bằng chứng,...

Mục đích nói

Thuyết phục người nghe về ý kiến của em trước một hiện tượng (vấn đề) trong đời sống.

Người nghe

Thầy cô giáo, các bạn học sinh trong lớp và những người quan tâm đến hiện tượng (vấn đề) được trao đổi.

b. *Tập luyện*

Đối với bài nói trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) đời sống, hình thức tập luyện tốt nhất là theo nhóm. Các thành viên luân phiên nói, nghe và góp ý cho nhau để rút kinh nghiệm.

2. TRÌNH BÀY BÀI NÓI

a. *Mở đầu*

Nêu hiện tượng (vấn đề) cần bàn một cách gọn, rõ. Thu hút sự chú ý của người nghe bằng cách dùng câu chuyện để giới thiệu hiện tượng (vấn đề).

b. *Triển khai*

- Lần lượt trình bày các ý theo nội dung đã chuẩn bị. Khi nói, cần sử dụng lí lẽ và bằng chứng.
- Nhấn mạnh ý kiến riêng của bản thân.

c. *Kết luận*

– Tóm lược nội dung đã trình bày.
– Gợi suy nghĩ và kích thích sự đối thoại của người nghe.

Chú ý:

– Điều chỉnh giọng nói và tốc độ nói phù hợp (không nói to hay nhỏ quá; không nói nhanh hay chậm quá; lên giọng, xuống giọng ở những chỗ cần thiết).
– Giọng nói truyền cảm; cách nói nghiêm túc nhưng vui vẻ.
– Ánh mắt, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ phù hợp, thể hiện sự tương tác với người nghe.

3. SAU KHI NÓI

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
• Tóm tắt được ý kiến mà người nói đã trình bày. • Trao đổi lại với người nói về hiện tượng (vấn đề) đời sống được bàn luận, về cách trình bày bài nói. • Thảo luận bằng cách nêu thắc mắc, yêu cầu người nói giải đáp thêm. Nhận xét về lí lẽ và bằng chứng mà người nói sử dụng.	• Lắng nghe ý kiến phản hồi của người nghe. • Giải thích thêm những chỗ người nghe thắc mắc. • Bảo vệ ý kiến của mình nếu nhận thấy ý kiến đó đúng.

Củng cố, mở rộng

1. Qua việc học các văn bản trong bài, hãy trả lời các câu hỏi sau:

   a. Vì sao việc khẳng định cái riêng của mỗi người luôn là điều cần thiết?
   b. Vì sao trong cuộc sống, giữa mọi người cần có sự thấu hiểu, chia sẻ?

2. Sau đây là hai đoạn văn có mục đích giao tiếp khác nhau. Kẻ bảng vào vở theo mẫu và điền các thông tin thể hiện sự khác nhau giữa hai đoạn văn.

   a. *Thế rồi ông ấy ngồi xuống cái bàn nhỏ cùng với chúng tôi, ông gãi gãi cái đầu, ông nhìn ngơ ngẩn ra phía trước, và ông nói: "Xem nào, xem nào, xem nào", rồi ông hỏi ai là bạn thân nhất của tôi. Tôi đang định trả lời thì bố đã ngắt lời không để tôi kịp nói. Bố nói với ông Blê-đúc rằng hãy để chúng tôi yên, rằng chúng tôi không cần gì ông cả.*

   b. *Điều tôi học được từ bài tập này là: sự khác biệt chia làm hai loại. Một loại khác biệt vô nghĩa, và một loại khác biệt có ý nghĩa. Khi tôi quyết định mặc bộ đồ quái dị đến trường,*

tôi biết rằng mình không phải là người duy nhất, nhưng tôi đã chọn trò đơn giản nhất vì không quan tâm tìm hiểu một thứ ý nghĩa hơn. Và thành thật mà nói, tôi đoán rằng mình thật sự chẳng hề cố tỏ ra khác biệt, hoặc nếu có, tôi chỉ chọn loại khác biệt vô nghĩa. Về vấn đề này, tôi chẳng đơn độc; đa số chúng tôi đều chọn loại vô nghĩa.

Những vấn đề cần xác định	Đoạn (a)	Đoạn (b)
Nội dung của đoạn văn là gì?		
Mục đích của đoạn văn (kể chuyện, bộc lộ cảm xúc, miêu tả, thuyết phục, thuyết minh) là gì?		
Văn bản có đoạn văn được trích thuộc loại nào (văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin)?		

3. Văn bản nghị luận thường bàn về những hiện tượng (vấn đề) gì của cuộc sống? Hãy nêu hai hiện tượng (vấn đề) đời sống được bàn trong hai văn bản nghị luận mà em biết.

4. Trong các đề tài sau, theo em, những đề tài nào phù hợp với yêu cầu viết bài văn nghị luận? Vì sao?

   a. Trải nghiệm một chuyến đi biển cùng bố mẹ.
   b. Cây bàng trong sân trường kể chuyện về mình.
   c. Bàn về ý nghĩa của việc trồng cây.
   d. Kỉ niệm về người bạn thân nhất.
   e. Vai trò của tình bạn.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản dưới đây, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Sự vô lí của hành động cười nhạo.
- Mục đích chính mà văn bản hướng tới.

Tiếng cười không muốn nghe

MINH ĐĂNG

Mỗi khi được nghe tiếng cười tươi trẻ, hồn nhiên của bạn bè trong lớp hay của ai đó bên ngoài, tôi đều cảm thấy ấm lòng. Nó như truyền thêm cho tôi niềm vui sống, sự yêu đời. Hoá ra, tiếng cười cũng có nhiều âm sắc(1), chứa nhiều hàm ý. Có tiếng cười trao gửi một niềm tin yêu; có tiếng cười thay cho một lời cảm ơn, một tình cảm chân thành muốn nói; có tiếng cười hài hước, dí dỏm khiến người ta quên cả mệt nhọc; có tiếng cười phê phán những thói hư tật xấu. Tuy nhiên, tôi cũng biết rằng, trong cuộc sống hằng ngày, còn có những tiếng cười mà người ta không bao giờ muốn nghe, không bao giờ chờ đợi. Những tiếng cười khiến ta phải phiền lòng, khó chịu và ước sao nó không hướng vào mình. Ấy là kiểu cười được nói đến trong câu tục ngữ: *Cười người chớ vội cười lâu/ Cười người hôm trước, hôm sau người cười.*

Câu tục ngữ nêu lên bài học: không nên mải cười cợt người khác, bởi biết đâu bản thân mình rồi cũng có lúc lộ ra những nét đáng chê cười.

Kiểu cười mà câu tục ngữ nhắc nhở đồng nghĩa với chê bai, mỉa mai, dè bỉu. Người cười cảm thấy mình ở một vị trí rất cao, tự cho mình cái quyền phán xét(2), cợt nhạo(3) kẻ khác. Lí do để cười thì muôn hình vạn trạng(4): một sai phạm, một lỗi lầm, một dị tật(5), một tính cách, một sở thích(6),... của người nào đó. Hay đơn giản hơn: cười vì người khác có những điều không giống ta.

Trên đời, không ai hoàn hảo cả. Ai cũng có mặt tốt, mặt xấu, có ưu điểm, khiếm khuyết, khó tránh được va vấp, sai lầm. Điều quan trọng là biết nhận ra những điểm yếu của mình để tự khắc phục. Cười cợt về lỗi lầm, khuyết điểm của người ta, kẻ cười chỉ cốt thoả mãn ý thích không mấy tốt đẹp. Đó còn là

---

(1) *Âm sắc*: tính chất riêng biệt của một âm thanh nào đó.

(2) *Phán xét*: xem xét, đánh giá có tính chất quyết định.

(3) *Cợt nhạo*: đùa trêu với thái độ coi thường, giống nghĩa từ *cười cợt*, *chế nhạo*.

(4) *Muôn hình vạn trạng*: nhiều hình, nhiều vẻ, rất đa dạng.

(5) *Dị tật*: hiện tượng biến đổi bất thường của bộ phận nào đó trên cơ thể khi sinh ra.

(6) *Sở thích*: ý thích riêng của mỗi người.

cách tự đề cao mình. Nhưng họ có biết đâu rằng, nhiều khi bản thân cũng vướng phải những điều mà mình đã từng chê bai. Hãy nghĩ xem, lúc ấy, mình có đáng bị chê cười không!

Sự khác biệt về gia cảnh, ngoại hình, thể chất[1], sở thích, sở trường[2],... giữa người này với người kia là điều tất yếu. Nhờ đó mà cộng đồng mới có sự đa dạng, phong phú. Cái khác, cái riêng không phải là nhược điểm mà là bản chất của mỗi cá thể[3]. Hơn thế, nó còn là yếu tố quyết định giá trị của mỗi con người. Vậy thì, ta lấy quyền gì, lấy cớ gì để cười cợt những người không giống ta? Nếu ai đó chế nhạo cái khác biệt của ta, ta có thấy dễ chịu không?



Bị cười, không phải mọi người đều phản ứng giống nhau. Có người tỏ thái độ mặc kệ, bất cần, ai cười, người ấy nghe. Có người, nhân bị thiên hạ cười mà nghiêm túc soi xét bản thân, lặng lẽ sửa mình. Nhưng cũng có những người, bị tiếng cười của đám đông nhằm tới, do thiếu bản lĩnh[4], nên hoảng hốt, lo âu và tưởng rằng khiếm khuyết của mình là rất nghiêm trọng. Rơi vào bế tắc, họ tìm lối thoát trong hành vi tiêu cực. Như vậy, sự cười nhạo chẳng phải đã vô tình làm hại người ta đó sao?

Trước những sai lầm, khiếm khuyết của người khác, thái độ đúng đắn là nói rõ sự thật, góp ý chân thành chứ không phải cất lên tiếng cười hả hê, thể hiện một tâm địa[5] hẹp hòi, không muốn thấy người ta tiến bộ.

---

(1) *Thể chất*: cơ thể, sức khoẻ con người.

(2) *Sở trường*: những điểm mạnh vốn có.

(3) *Cá thể*: ở đây có nghĩa là từng con người riêng biệt.

(4) *Bản lĩnh*: khả năng tự quyết một cách độc lập, dứt khoát, không chịu sự chi phối của bên ngoài.

(5) *Tâm địa*: lòng dạ của con người (với ý nói xấu xa, hiểm độc).

Viết đến đây, tôi bỗng nhớ tới hình ảnh chú Nam – một người dị tật có bước đi khập khiễng, khó khăn. Chú là con út trong một gia đình ở quê tôi. Rất nhiều bạn cùng lứa thường bắt chước dáng đi nghiêng nghiêng của chú để làm hề. Có người còn đá bóng vào chân chú và thách chú đá trả lại. Những lúc như vậy, chú chỉ cười trừ[1]. Nhiều buổi trưa, khi mọi người nghỉ cả, chú Nam lúi húi đẽo, gọt. Hoá ra chú đang tự chế chiếc đàn bầu. Nghe những tiếng "bật bông" ban đầu, ai cũng cười cợt. Chỉ có bố chú luôn nhìn con với ánh mắt khích lệ[2], tin tưởng. Chú kiên trì tập. Tiếng đàn bầu của chú ngày càng "ngọt" hơn, khiến mọi người không khỏi ngạc nhiên. Được bố đồng ý, chú đã dự thi vào trường trung cấp âm nhạc. Cùng thi đợt ấy, còn có con của một cô hàng xóm. Tự hào về con trai khoẻ mạnh, giỏi giang, nhìn sự tật nguyền[3] của chú Nam, cô ta đã từng có lúc buông ra những lời "ác khẩu"[4]: *Chuông khánh còn chả ăn ai/ Nữa là mảnh chĩnh vứt ngoài bờ tre.* Vậy mà, bạn biết không, kì thi đó, chú Nam đã đậu, trong khi con cô kia lại trượt. Bây giờ, chú Nam đã là cây độc tấu[5] đàn bầu có hạng trong một đoàn nghệ thuật. Sự cười nhạo ngày nào của mấy người giờ đây đã phải thay bằng thái độ thán phục.

Bạn đã bao giờ cười chê một người có khiếm khuyết chưa? Bất cứ ai được hỏi như thế, hẳn chẳng dám trả lời rằng chưa. Chê bai người khác là một nhược điểm phổ biến trong tính cách con người. Tuy nhiên, đây không phải là điều quá nghiêm trọng, và càng không phải là "căn bệnh" hết cách chữa. Lòng nhân ái, sự cảm thông, ấy là "phương thuốc" hữu hiệu[6] để trị "căn bệnh" này. Thật vậy, khi mà khả năng yêu thương, đồng cảm, chia sẻ đối với người khác dần dần được bồi đắp trong ta, khi ta biết đặt mình vào hoàn cảnh người khác để nghĩ suy và thức tỉnh, thì lúc ấy, tiếng cười ngạo mạn vô lối sẽ không có lí do gì để bật ra.

(Minh Đăng, tạp chí *Hồng Lĩnh*, số 170/2020)

---

(1) *Cười trừ*: ở đây có nghĩa là lấy tiếng cười thay cho hành động hoặc lời nói nhằm phản ứng trước cách đối xử của người khác với mình.

(2) *Khích lệ*: tác động đến tinh thần làm cho hăng hái, mạnh mẽ thêm.

(3) *Tật nguyền*: bị một tật nghiêm trọng trong cơ thể.

(4) *Ác khẩu*: hay nói những lời độc địa.

(5) *Độc tấu*: biểu diễn âm nhạc một mình, dùng một loại nhạc cụ là chính.

(6) *Hữu hiệu*: có hiệu quả.

Bài 9

TRÁI ĐẤT – NGÔI NHÀ CHUNG

Chúng ta phải học cách "có mặt" trên hành tinh này.

Ét-ga Mô-ranh (Edgar Morin)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Chúng ta ai cũng có ý thức chăm chút, bảo vệ ngôi nhà riêng mà gia đình mình sinh sống. Nhưng với ngôi nhà chung Trái Đất, chúng ta đã thực sự thấu hiểu và quan tâm chưa? Chúng ta đã làm gì để Trái Đất mãi an toàn và tươi đẹp?
- Đến với bài học này, em sẽ có thêm những hiểu biết về văn bản thông tin và cách truyền đạt thông tin. Thông qua các văn bản thông tin và một bài thơ hướng tới cùng chủ đề, em sẽ hiểu hơn về sự sống trên Trái Đất cũng như trách nhiệm của chúng ta đối với việc bảo vệ Trái Đất – ngôi nhà chung.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được đặc điểm, chức năng của văn bản và đoạn văn; nhận biết được cách triển khai văn bản thông tin theo quan hệ nhân quả, tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn trong một văn bản thông tin có nhiều đoạn.
- Nhận biết được các chi tiết trong văn bản thông tin; chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản; hiểu được tác dụng của nhan đề, sa-pô(1), đề mục, chữ đậm, số thứ tự, dấu đầu dòng và vai trò của các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ như hình ảnh, số liệu,...
- Nhận biết được từ mượn và hiện tượng vay mượn từ để sử dụng cho phù hợp.
- Viết được biên bản ghi chép đúng quy cách; tóm tắt được bằng sơ đồ nội dung chính của một số văn bản đơn giản đã đọc.
- Biết thảo luận về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.
- Chỉ ra được những vấn đề đặt ra trong văn bản có liên quan đến suy nghĩ và hành động của bản thân; có thái độ yêu quý và trân trọng sự sống của muôn loài; có ý thức bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất.

(1) *Sa-pô*: đoạn văn thường nằm giữa nhan đề và phần chính của bài báo hay văn bản thông tin, có hình thức trình bày riêng (phông chữ, cỡ chữ, màu sắc,...), thực hiện việc giới thiệu, tóm tắt nội dung văn bản một cách hấp dẫn để gây sự chú ý của độc giả.

Đọc

TRI THỨC NGỮ VĂN

Văn bản

Văn bản là đơn vị giao tiếp có tính hoàn chỉnh về nội dung và hình thức, tồn tại ở dạng viết hoặc dạng nói. Văn bản được dùng để trao đổi thông tin, trình bày suy nghĩ, cảm xúc,...

Đoạn văn trong văn bản

Đoạn văn là bộ phận quan trọng của văn bản, có sự hoàn chỉnh tương đối về ý nghĩa và hình thức, gồm nhiều câu (có khi chỉ một câu) được tổ chức xoay quanh một ý nhỏ. Đoạn văn bắt đầu bằng chữ viết hoa lùi đầu dòng và kết thúc bằng một dấu chấm câu.

Các yếu tố và cách triển khai của văn bản thông tin

- Một văn bản thông tin thường có các yếu tố như: nhan đề (một số văn bản có sa-pô dưới nhan đề), đề mục (tên gọi của các phần), đoạn văn, tranh ảnh,...
- Mỗi văn bản thông tin có một cách triển khai riêng. Bên cạnh cách triển khai theo trật tự thời gian, văn bản thông tin có thể được triển khai theo quan hệ nhân quả, nguyên nhân được nêu trước, tiếp sau đó là kết quả, tất cả tạo thành một chuỗi liên tục.

Văn bản đa phương thức

Văn bản đa phương thức là loại văn bản có sử dụng phối hợp phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ như kí hiệu, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh, âm thanh,...

Từ mượn và hiện tượng vay mượn từ

- Từ mượn là từ có nguồn gốc từ một ngôn ngữ khác. Tiếng Việt từng vay mượn nhiều từ của tiếng Hán và tiếng Pháp. Hiện nay, tiếng Việt có xu hướng vay mượn nhiều từ của tiếng Anh.
- Trong sự tiếp xúc, giao lưu ngôn ngữ giữa các dân tộc, các ngôn ngữ thường vay mượn từ của nhau để làm giàu cho vốn từ của mình.

VĂN BẢN ĐỌC

VĂN BẢN 1. *Trái Đất – cái nôi của sự sống*, Hồ Thanh Trang

VĂN BẢN 2. *Các loài chung sống với nhau như thế nào?*, Ngọc Phú

VĂN BẢN 3. *Trái Đất*, Ra-xun Gam-da-tốp (Rasul Gamzatov)

VĂN BẢN 1

Trước khi đọc

1. Em từng nghe, đọc hay đã thuộc những ca khúc, bài thơ nào viết về Trái Đất? Chúng đã gợi lên trong em ấn tượng, cảm xúc gì? Theo em, để hiểu biết và yêu quý hơn hành tinh xanh này, chúng ta còn cần phải tìm đến những nguồn thông tin hay loại tài liệu nào khác?
2. Người ta thường nói: "Sự sống muôn màu". Em hiểu điều này như thế nào?

Đọc văn bản

Trái Đất – cái nôi của sự sống

HỒ THANH TRANG

Vì sao Trái Đất thường được gọi là hành tinh xanh? Trên hành tinh xanh ấy, sự sống đã nảy nở tốt đẹp như thế nào? Con người có thể làm gì để bảo vệ Trái Đất?

THEO DÕI *Phần sa-pô với những dòng chữ in đậm.*

Trái Đất trong hệ Mặt Trời

THEO DÕI *Văn bản được triển khai với nhiều đề mục in đậm.*

Trái Đất là một trong tám hành tinh của hệ Mặt Trời (gồm sao Thuỷ, sao Kim, Trái Đất, sao Hoả, sao Mộc, sao Thổ, sao Thiên Vương, sao Hải Vương – tính theo thứ tự từ Mặt Trời ra ngoài). Trái Đất vừa tự quay quanh trục của nó, mỗi vòng quay hết trọn một ngày (23,934 giờ), vừa quay quanh Mặt Trời theo quỹ đạo hình e-líp[1] với vận tốc xấp xỉ 30 km/s. Một vòng quay của Trái Đất quanh Mặt Trời hết trọn một năm (365,25 ngày).

"Vị thần hộ mệnh" của sự sống trên Trái Đất

THEO DÕI *Những miêu tả về sự hiện diện của nước trên Trái Đất.*

Nhờ có nước, đặc biệt là nước ở thể lỏng, Trái Đất thực sự trở thành cái nôi của sự sống trong hệ Mặt Trời. Do vậy, khi nói về phương diện này của Trái Đất, ta không thể không nói đến nước.

(1) *E-líp*: một loại hình bầu dục, có hai trục đối xứng.

Hành tinh của chúng ta quả là giàu nước. Nước bao phủ gần 3/4 bề mặt Trái Đất. Nước dào dạt trong lòng các đại dương; nước đông cứng thành những khối băng trùng điệp, khổng lồ ở hai địa cực(1); nước ngự(2) trắng loá trên những chóp núi được ví là nóc nhà của thế giới; nước tuôn chảy không ngừng với hệ thống sông ngòi được phân bố ở khắp bề mặt các lục địa(3);... Chính nước đã tạo cho Trái Đất một vẻ đẹp lộng lẫy. Những bức ảnh chụp từ các tàu vũ trụ cho thấy Trái Đất không khác gì giọt nước xanh khổng lồ giữa không gian vũ trụ đen thẳm bao la.

Nếu không có nước thì Trái Đất chỉ là hành tinh khô chết, trơ trụi. Nước chính là "vị thần hộ mệnh" của sự sống, là tác nhân(4) quan trọng thúc đẩy quá trình tiến hoá(5) của các vật chất sống trên hành tinh này. Nhờ nước, sự sống trên Trái Đất phát triển dưới nhiều dạng phong phú, từ vi sinh vật mang cấu tạo đơn giản đến động vật bậc cao có hệ thần kinh vô cùng phức tạp.

Trái Đất – nơi cư ngụ của muôn loài

THEO DÕI *Sự sống trên Trái Đất phong phú như thế nào?*

Trong số muôn loài tồn tại trên Trái Đất, có loài chỉ có thể quan sát được bằng kính hiển vi như vi sinh vật. Có loài mang kích thước khổng lồ như loài bao báp(6) ở vùng hoang mạc châu Phi, cá voi xanh hay các loài khủng long mà giờ ta chỉ còn được biết chúng ở dạng hoá thạch(7),... Những bộ xương khủng long mà các nhà khoa học phục dựng(8) cho biết từ xa xưa đã từng có những loài bò sát khổng lồ tung hoành giữa bầu trời, dưới nước hay trên mặt đất này.



(1) *Địa cực*: cực của Trái Đất, bao gồm Bắc Cực và Nam Cực.
(2) *Ngự*: ngồi ở nơi cao nhất, trang trọng nhất với vẻ uy nghi.
(3) *Lục địa*: đất liền, phân biệt với biển, đại dương.
(4) *Tác nhân*: yếu tố thúc đẩy một quá trình nào đó.
(5) *Tiến hoá*: biến đổi dần dần theo hướng phát triển đi lên.
(6) *Bao báp*: một loại cây thân gỗ có kích thước lớn, xuất hiện nhiều ở châu Phi.
(7) *Hoá thạch*: di tích hoá đá của thực vật, động vật cổ xưa còn lưu lại ở các tầng đất đá.
(8) *Phục dựng*: làm đúng lại như hình dáng ban đầu của hiện vật.

Trên những cánh rừng nguyên sinh trùng điệp hay giữa lòng đại dương bao la, có vô số loài thực vật, động vật khác nhau sinh sôi nảy nở, trở thành đối tượng được con người khai thác hằng ngày để phục vụ cho cuộc sống của mình. Rồi những hoa cỏ trong vườn, những loài gia súc, gia cầm gắn bó thân thiết với mỗi gia đình,... Tất cả mọi dạng sống đều tồn tại, phát triển trong những mối quan hệ tương tác hết sức phức tạp mà hiện con người chưa thể khám phá hết.

Con người trên Trái Đất

Đỉnh cao kì diệu của sự sống trên Trái Đất chính là con người. Là động vật bậc cao, con người có bộ não và hệ thần kinh phát triển nhất, có ý thức, có tình cảm, có ngôn ngữ, biết tổ chức cuộc sống theo hướng tích cực. Bằng bàn tay lao động sáng tạo, con người đã cải tạo lại bộ mặt của Trái Đất, khiến cho nó "người" hơn, thân thiện hơn. Nhưng đáng buồn thay, con người cũng đã khai thác thiên nhiên – món quà quý giá mà tạo hoá ban tặng – một cách bừa bãi, gây ảnh hưởng xấu đến quá trình tồn tại và phát triển của sự sống trên Trái Đất.

THEO DÕI *Vì sao có thể khẳng định con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống trên Trái Đất?*

Tình trạng Trái Đất hiện ra sao?

Hiện tại, hành tinh xanh – ngôi nhà chung của nhân loại – đang từng ngày từng giờ bị tổn thương bởi nhiều hành động vô ý thức hay bất chấp tất cả của con người. Thiên nhiên đang bị tàn phá. Theo đó, màu xanh trải rộng của rừng bị co hẹp lại, nhường chỗ cho sự xâm lấn của màu xám hoang mạc nhức nhối. Không ít loài động vật hoang dã bị săn lùng, truy diệt giờ đã hoặc gần như tuyệt chủng(1). Nhiều nguồn lợi hải sản đang bị "nghèo" đi đáng kể do con người chưa xử lí đúng đắn mối quan hệ giữa khai thác và bảo tồn, phát triển. Một khi đại dương trở thành túi chứa rác thải nhựa khổng lồ thì vô số sinh vật biển bị đẩy vào tình trạng chết dần, chết mòn. Do một phần chịu tác động của các kế hoạch phát triển công nghiệp thiếu bền vững, Trái Đất đang nóng dần lên, nhiều khối băng ở Bắc Cực và Nam Cực bị tan chảy làm nước biển dâng cao, đe doạ sự tồn tại của một số thành phố sôi động và làng mạc trù phú miền duyên hải. Tầng ô-dôn(2) bị thủng nhiều chỗ, đất đai, nước, không khí bị ô nhiễm nặng nề, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của muôn loài.

Trái Đất có thể chịu đựng đến bao giờ? Đó là câu hỏi nhức nhối, khiến nhân loại không thể làm ngơ. Sự sống trên hành tinh xanh, trong đó có con người, đang đứng trước những thách thức to lớn.

SUY LUẬN *Ý sau cùng của bài có lạc đề không?*

(*Theo* Hồ Thanh Trang, báo điện tử *Đất Việt* – Diễn đàn của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kĩ thuật Việt Nam, tháng 9/2020)

(1) *Tuyệt chủng*: bị mất hẳn nòi giống.

(2) *Tầng ô-dôn*: một khu vực trong tầng bình lưu (một lớp thuộc khí quyển) của Trái Đất, hấp thụ hầu hết các bức xạ cực tím của Mặt Trời.

Sau khi đọc

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Liệt kê theo hình thức gạch đầu dòng những thông tin chủ yếu của văn bản.
2. Bức tranh minh hoạ làm sáng tỏ thông tin gì trong văn bản?
3. Vấn đề chính được đề cập trong phần 2 (*"Vị thần hộ mệnh" của sự sống trên Trái Đất*) là gì? Việc nói về vấn đề đó liên quan như thế nào đối với hướng triển khai những nội dung khác ở các phần kế tiếp?
4. Văn bản đã nói được đầy đủ về sự kì diệu của sự sống trên Trái Đất chưa? Em có thể bổ sung điều gì xung quanh vấn đề này?
5. Bằng hiểu biết của mình, em hãy nêu thêm bằng chứng để khẳng định con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống trên Trái Đất.
6. Làm rõ lí do xuất hiện câu hỏi "*Trái Đất có thể chịu đựng đến bao giờ?*" trong đoạn cuối của văn bản. Câu hỏi đó gợi lên trong em những suy nghĩ gì?
7. Từ việc đọc hiểu văn bản *Trái Đất – cái nôi của sự sống*, em rút ra được kinh nghiệm gì về cách đọc một văn bản thông tin?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Hãy viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về chủ đề: *Để hành tinh xanh mãi xanh…*

Thực hành tiếng Việt

VĂN BẢN VÀ ĐOẠN VĂN

1. Nêu bằng chứng cụ thể để khẳng định *Trái Đất – cái nôi của sự sống* là một văn bản.
2. Hãy liệt kê các bộ phận cấu tạo của văn bản *Trái Đất – cái nôi của sự sống*.
3. Nhắc lại những thông tin, thông điệp mà em tiếp nhận được từ văn bản *Trái Đất – cái nôi của sự sống*.

Nhận biết đặc điểm và loại văn bản

- Căn cứ vào sự có mặt hay không có mặt của các phương tiện phi ngôn ngữ để xác định tính chất văn bản: *văn bản thông thường* hay *văn bản đa phương thức*.
- Những nhu cầu giao tiếp đa dạng dẫn đến việc hình thành nhiều loại văn bản khác nhau: văn bản thông tin, văn bản nghị luận, văn bản văn học. Có thể căn cứ vào chức năng chính mà một văn bản phải đảm nhiệm như thông tin, thuyết phục, hay thẩm mĩ để biết được văn bản thuộc loại nào.

4. Chọn một đoạn văn trong văn bản *Trái Đất – cái nôi của sự sống* và điền thông tin cần thiết vào bảng theo mẫu sau (làm vào vở):

Thứ tự đoạn văn trong văn bản	Điểm mở đầu và điểm kết thúc của đoạn văn	Ý chính của đoạn văn	Chức năng của đoạn văn trong văn bản
....	....	....	....

Nhận biết chức năng đoạn văn trong văn bản

Một đoạn văn có thể đảm nhiệm một trong các chức năng: mở đầu văn bản; trình bày một khía cạnh nào đó của nội dung chính; kết thúc văn bản hoặc mở rộng, liên kết vấn đề. Cần dựa vào vị trí (thứ tự) và nội dung của đoạn văn để xác định đúng chức năng của nó trong văn bản.

VĂN BẢN 2

Trước khi đọc

1. Em biết những chương trình nào trên các phương tiện truyền thông, in-tơ-nét cung cấp nhiều thông tin thú vị, bổ ích về đời sống của muôn loài trên Trái Đất? Em suy nghĩ gì về việc chúng ta phải thường xuyên tìm hiểu các tài liệu đề cập đến sự đa dạng của thế giới tự nhiên?
2. Trong số những tài liệu, bộ phim kể về các loài sinh vật mà em đã đọc, đã xem, tài liệu, bộ phim nào để lại cho em nhiều ấn tượng nhất? Vì sao?

Đọc văn bản

Các loài chung sống với nhau như thế nào?

NGỌC PHÚ

Trong bộ phim hoạt hình *Vua sư tử* sản xuất năm 1994 của hãng Oan Đi-xnây (Walt Disney), khi giới thiệu với đứa con Xim-ba (Simba) bé bỏng của mình về vương quốc hoang dã mà nó sắp tiếp quản, vua sư tử Mu-pha-sa (Mufasa) đã nói: "Tất cả những gì con thấy, cùng nhau tồn tại trong một sự cân bằng rất mong manh. Là vua, con cần phải hiểu rõ về sự cân bằng ấy và tôn trọng muôn loài, từ đàn kiến lúc nhúc cho đến bầy linh dương nhảy nhót". Khi Xim-ba

thắc mắc: "Nhưng cha ơi, chẳng phải chúng ta ăn thịt linh dương hay sao?", Mu-pha-sa trả lời: "Đúng vậy, nhưng để cha giải thích đã. Khi chết đi, thân xác chúng ta trở về với cỏ, và linh dương lại ăn cỏ. Vì thế, tất cả chúng ta đều thuộc về vòng đời bất tận". Cuộc đối thoại trên đã gợi lên trong chúng ta biết bao suy nghĩ về đời sống muôn loài trên Trái Đất và sự cân bằng rất dễ bị tổn thương của nó.



❄

Theo ước tính của nhiều nhà khoa học, trên Trái Đất hiện có khoảng trên 10 000 000 loài sinh vật. Hiện nay, con người mới chỉ nhận biết được khoảng trên 1 400 000 loài, trong đó có hơn 300 000 loài thực vật và hơn 1 000 000 loài động vật. Rõ ràng, phải rất lâu nữa chúng ta mới lập được một danh sách sát thực tế hơn về những cư dân của hành tinh này. Dù vậy, điều đó không ngăn cản các nhà khoa học đưa ra những nhận định khái quát nhất về lịch sử tiến hoá hay sự phụ thuộc lẫn nhau của muôn loài.

THEO DÕI *Số lượng các loài sinh vật hiện tồn tại trên Trái Đất và số lượng loài đã được con người nhận biết.*

❄

Các loài động vật và thực vật thường tồn tại và phát triển thành từng quần xã[1], trong những biome[2] khác nhau. Mỗi quần xã có thể được xem như một thế giới riêng, trong đó có sự chung sống của một số loài nhất định với số lượng cá thể hết sức khác nhau ở riêng từng loài.

❄

(1) *Quần xã*: tập hợp tất cả các sinh vật cùng loài và khác loài, cùng sống trong một khu vực xác định vào một thời gian nhất định.

(2) *Biome* (có thể đọc là *bai-ôm*): chỉ tập hợp sinh vật cùng môi trường sống mang những nét đặc thù của chúng, thường được dịch là *khu sinh học*. Tên gọi của các biome luôn thể hiện rõ đặc điểm của từng hệ sinh thái riêng biệt.

Tính đa dạng ở mỗi quần xã phụ thuộc vào sự cạnh tranh giữa các loài, mối quan hệ con mồi – vật ăn thịt và mức độ thay đổi của các yếu tố vật lí – hoá học của môi trường,...

THEO DÕI *Những nhân tố gây ảnh hưởng đến sự đa dạng ở từng quần xã.*

❊

Bên cạnh việc nhận diện các loài theo đặc điểm sinh học riêng của chúng, khi dựa vào tính chất của loài trong quần xã, người ta có thể nói tới: loài ưu thế, loài thứ yếu, loài ngẫu nhiên, loài chủ chốt, loài đặc trưng,... Loài ưu thế (như cây thông trong quần xã rừng thông) đóng vai trò quan trọng trong quần xã do số lượng nhiều và có khả năng hoạt động mạnh. Loài chủ chốt (như sư tử ở các đồng cỏ hay cá sấu ở đầm nước châu Phi) đóng vai trò kiểm soát, khống chế hoạt động của các loài khác và duy trì sự phát triển ổn định của quần xã. Như vậy, trong quần xã luôn tồn tại một trật tự. Ngoài những điều kể trên, trật tự này còn được thể hiện ở sự phân bố các loài trong không gian sống chung, hoặc theo chiều thẳng đứng (như sự phân tầng của thực vật trong rừng mưa nhiệt đới), hoặc theo chiều ngang (trải ra theo bề rộng của địa hình), để giảm bớt sự cạnh tranh giữa các loài và giúp từng loài có thể sử dụng nguồn sống của môi trường một cách hiệu quả nhất.

THEO DÕI *Trật tự trong cuộc sống của muôn loài được thể hiện như thế nào?*

❊

Giữa các loài trong quần xã luôn tồn tại mối quan hệ hỗ trợ và đối kháng. Quan hệ hỗ trợ gắn liền với việc chia sẻ cơ hội sống. Quan hệ đối kháng được biểu hiện qua việc cạnh tranh, kí sinh(1), ăn thịt lẫn nhau. Với sự tồn tại song song của các quan hệ đó, thiên nhiên đã tạo nên một sự cân bằng tuyệt hảo, đảm bảo cho loài nào cũng có được "chỗ đứng dưới mặt trời", cũng có đủ điều kiện để sinh trưởng. Như vậy, có một nhịp điệu chung trong quá trình tiến hoá của các loài, mà sự sinh sôi mạnh mẽ



(1) *Kí sinh*: sống bằng cách hút chất dinh dưỡng từ cơ thể những sinh vật khác.

hay suy giảm số lượng của loài này dẫn đến sự phát triển theo hướng nhiều thêm hay bớt đi tương ứng của loài kia.

❊

Trên Trái Đất, con người cũng chỉ là một loài sinh vật. Qua quá trình lịch sử dài lâu, con người đã bộc lộ khả năng sáng tạo vô tận và xã hội loài người ngày càng phát triển phức tạp. Con người trở nên quá tự kiêu, thấy mình là chúa tể của cả thế giới, có thể tuỳ ý xếp đặt lại trật tự mà tạo hoá đã bền bỉ gây dựng. Chính vì điều này mà sự cân bằng trong đời sống của muôn loài ít nhiều bị xáo trộn, phá vỡ, thêm vào đó, những yếu tố vô sinh của môi trường(1) cũng phải chịu những tác động xấu. Hiện nay, có vẻ như con người bắt đầu tỉnh ngộ, biết nhìn nhận vấn đề một cách sáng suốt hơn, biết tìm cách chung sống hài hoà với muôn loài, nói chung là với tất cả những gì làm nên thế giới đẹp đẽ này.

SUY LUẬN *Những bước tiến vượt bậc của nhân loại có ảnh hưởng đến cuộc sống muôn loài không?*

❊

"Tất cả chúng ta đều thuộc về vòng đời bất tận". Vua sư tử Mu-pha-sa đã nói với Xim-ba – kẻ kế nghiệp – như thế. Một câu nói thông thái, cho thấy sự am hiểu bản chất cuộc sống và cách ứng xử khôn ngoan đối với đời sống của muôn loài.

(Ngọc Phú, báo điện tử *Đất Việt* –
Diễn đàn của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kĩ thuật Việt Nam, tháng 9/2020)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Sau khi đọc

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Những con số, dữ liệu nào trong đoạn (2) (*Theo ước tính… lẫn nhau của muôn loài*) thể hiện sự phong phú của các loài trên Trái Đất?
2. Đoạn (3) (*Các loài động vật… riêng từng loài*) đã nói gì về sự đa dạng của các quần xã sinh vật?
3. Nêu những căn cứ giúp ta hiểu được tính trật tự trong đời sống của muôn loài. Theo em, việc thiên nhiên duy trì trật tự ấy có ý nghĩa như thế nào?
4. Nếu chỉ tồn tại quan hệ đối kháng, sự cân bằng trong từng quần xã sinh vật sẽ bị ảnh hưởng ra sao?
5. Theo em, đoạn nào trong văn bản thể hiện rõ nhất cách trình bày văn bản thông tin theo quan hệ nhân quả?

---

(1) *Yếu tố vô sinh của môi trường*: phần không sống, không sinh sản trong không gian bao quanh sinh vật.

6. Cách mở đầu và kết thúc của văn bản thông tin này có gì đặc sắc?
7. Con người có thể làm gì để bảo vệ sự phát triển phong phú của thế giới sinh vật?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Hãy viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về chủ đề: *Trên hành tinh đẹp đẽ này, muôn loài luôn cần thiết cho nhau.*

Thực hành tiếng Việt

TỪ MƯỢN

1. Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu:

Dưới tác động tiêu cực của việc phát triển công nghiệp thiếu bền vững, Trái Đất đang nóng dần lên, nhiều khối băng ở Bắc Cực và Nam Cực bị tan chảy làm nước biển dâng cao, đe doạ sự tồn tại của một số thành phố sôi động và làng mạc trù phú miền duyên hải. Tầng ô-dôn bị thủng nhiều chỗ, đất đai, nước, không khí bị ô nhiễm nặng nề, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của muôn loài.

a. Trong đoạn văn trên có nhiều từ là từ mượn, chẳng hạn: *phát triển*, *công nghiệp*, *băng*, *ô-dôn*, *không khí*, *ô nhiễm*,... Theo em, từ nào được vay mượn từ tiếng Hán, từ nào được vay mượn từ tiếng Anh? Vì sao em xác định như vậy?

b. Trong các từ mượn như *công nghiệp*, *băng*, *ô-dôn*, *ô nhiễm*, từ nào gây cho em cảm giác về từ mượn rõ nhất? Vì sao?

c. Các yếu tố như *không*, *nhiễm* không chỉ xuất hiện trong *không khí*, *ô nhiễm* mà còn được dùng để tạo nên nhiều từ khác mà chúng ta vẫn sử dụng hằng ngày. Hãy kể thêm một số từ có những yếu tố ấy và giải thích ý nghĩa của chúng.

2. Qua việc thực hiện các yêu cầu ở bài tập 1, em rút ra nhận xét gì về đặc điểm của vốn từ tiếng Việt?

Nhận biết từ mượn và lưu ý về sử dụng từ mượn

- Trong những từ mượn tiếng Hán, nhiều từ đơn như *đầu*, *phòng*, *cao*, *tuyết*, *băng*, *thần*, *bút*,... được cảm nhận như từ thuần Việt. Các từ phức như *nhi đồng*, *phụ lão*, *không phận*, *hải phận*, *địa cực*, *phục dựng*,... ít nhiều còn gây cảm giác khó hiểu, thường chỉ được dùng trong những hoàn cảnh giao tiếp trang trọng.
- Một số từ mượn các ngôn ngữ châu Âu được Việt hoá gần như hoàn toàn, nhất là những từ đơn như *săm*, *lốp*, *bơm*, *tăng* (xe tăng), *mét* (đơn vị đo khoảng cách),... Nhiều từ khác như *xà phòng*, *xi măng*, *com lê*, *cà vạt*, *cà phê*, *câu lạc bộ*,... cũng được dùng phổ biến, có cách đọc và hình thức chính tả giống từ thuần Việt.
- Không ít từ mượn tiếng Pháp, tiếng Anh,... được viết nguyên dạng giống trong ngôn ngữ gốc như *video*, *smartphone*, *internet*, *biome*,... hoặc được viết tách từng âm tiết (theo cách đọc của tiếng Việt) mà giữa các âm tiết có gạch nối như *ô-xi*, *a-xít*, *nê-ông*, *ra-đi-ô*, *ki-lô-gam*,... Đôi khi một từ có thể có cả hai cách viết như: *internet* và *in-tơ-nét*. Tuỳ quy định chính tả ở mỗi loại sách, báo mà khi viết các từ vừa dẫn, người ta sẽ chọn cách viết được cho là phù hợp.
- Tránh lạm dụng từ mượn để không gây khó hiểu, khó chịu cho người nghe, người đọc và để không làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt.

3. Hãy diễn đạt lại câu văn sau đây theo hướng thay thế từ mượn bằng từ quen thuộc hoặc dễ hiểu hơn vốn đã có từ lâu trong vốn từ tiếng Việt:

Các fan cuồng thực sự phấn khích, hân hoan khi thấy idol của mình xuất hiện trên cửa chiếc chuyên cơ vừa đáp xuống phi trường.

VĂN BẢN 3

Đọc văn bản

Trái Đất

RA-XUN GAM-DA-TỐP

Trái Đất! Có bọn xem người là quả dưa
Họ bổ, cắn người thành muôn mảnh nhỏ
Lũ khác nhìn người như quả bóng trên sân
Để giành giật, họ lao vào, đá, đá.

Trái Đất với tôi – chẳng là dưa, là bóng
Với tôi, người – khuôn mặt thân thương
Nước mắt người tôi lau – xin đừng khóc nữa
Rửa sạch máu cho người đây, tôi hát, dịu dàng.

(Minh Tâm *dịch, theo* báo điện tử *Đất Việt* – Diễn đàn của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kĩ thuật Việt Nam, tháng 9/2020)

Sau khi đọc



- **Ra-xun Gam-da-tốp** (1923 – 2003), người dân tộc A-va (Avar) nước Cộng hoà Đa-ghe-xtan (Dagestan) thuộc Liên bang Nga. Thơ ông tràn đầy tình yêu đối với quê hương, con người, sự sống và luôn hướng tới việc xây đắp tình hữu nghị giữa các dân tộc. Các tác phẩm chính của ông: *Năm tôi sinh*, *Mùa xuân Đa-ghe-xtan*, *Trái tim tôi trên núi*, *Những ngôi sao xa*, *Đa-ghe-xtan của tôi*,...
- Bài thơ *Trái Đất* viết năm 1987 bằng tiếng A-va. Bản dịch ra tiếng Việt của Minh Tâm được thực hiện dựa trên bản dịch ra tiếng Nga của Na-um Grép-nhi-ốp (Naum Grebniov).

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Bốn dòng đầu của bài thơ tập trung nói về điều gì?
2. Bốn dòng thơ sau cho biết thái độ của nhà thơ đối với Trái Đất như thế nào?
3. Nhắc đến nước mắt và máu, nhà thơ muốn nói lên tình trạng gì của Trái Đất?
4. Chỉ ra sự khác nhau giữa các cách hình dung về Trái Đất và thái độ cư xử với Trái Đất được thể hiện trong bài thơ.
5. Hãy tìm ra điểm chung về mặt nội dung giữa bài thơ của Ra-xun Gam-da-tốp với hai văn bản *Trái Đất – cái nôi của sự sống* và *Các loài chung sống với nhau như thế nào?*
6. Theo em, để cùng "lau nước mắt" và "rửa sạch máu" cho Trái Đất, mỗi người chúng ta cần phải làm gì?
7. Cùng đưa ra một thông điệp giống nhiều văn bản khác, nhưng bài thơ *Trái Đất* của Ra-xun Gam-da-tốp vẫn có được sự độc đáo, sức hấp dẫn riêng. Theo em, những gì đã tạo nên sự độc đáo, sức hấp dẫn riêng ấy?

Viết

A. VIẾT BIÊN BẢN MỘT CUỘC HỌP, CUỘC THẢO LUẬN

Văn bản thông tin có nhiều loại, trong đó có văn bản nhật dụng. Biên bản là một loại của văn bản nhật dụng, dùng để ghi chép về một cuộc họp, cuộc thảo luận hay một vụ việc, giúp ta nắm bắt được đầy đủ, chính xác nội dung sự việc đã diễn ra. Nó được lưu lại như một hồ sơ, lúc cần được đưa ra như bằng chứng để đánh giá một vụ việc, vấn đề nào đó. Biên bản đòi hỏi được viết đúng thể thức, theo một quy cách riêng.

Thể thức của biên bản thông thường:

- Đầu biên bản, phía bên phải ghi quốc hiệu và tiêu ngữ; phía bên trái ghi tên cơ quan chức năng có nhiệm vụ tổ chức cuộc họp, cuộc thảo luận hay xử lí vụ việc.
- Dưới từ "Biên bản", ghi khái quát vấn đề mà cuộc họp, cuộc thảo luận cần giải quyết hay nội dung của vụ việc cần xử lí, làm thành tên gọi của biên bản.
- Ghi thời gian và địa điểm diễn ra cuộc họp, cuộc thảo luận, xử lí vụ việc,...
- Ghi thành phần tham dự và tên người chủ trì, người thư kí.
- Ghi diễn biến của cuộc họp, cuộc thảo luận hay cuộc xử lí vụ việc với các nội dung cụ thể, theo đúng thực tế đã diễn ra (bao gồm các ý kiến tường trình, phát biểu và kết luận).
- Ghi thời gian kết thúc cuộc họp, cuộc thảo luận hay cuộc xử lí vụ việc.
- Người chủ trì và thư kí (tuỳ trường hợp, có thể thêm người làm chứng) kí tên.

Phân tích biên bản tham khảo

TRƯỜNG THCS P. H. C.
LỚP 6C

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Bàn về kế hoạch tổ chức hoạt động hưởng ứng "Ngày Chủ nhật xanh"

Thời gian: bắt đầu từ lúc 11h ngày 13 tháng 02 năm 2019.
Địa điểm: phòng học lớp 6C.
Thành phần tham dự: toàn thể học sinh lớp 6C. Vắng: 01 (bạn Trần Văn Th., có lí do).
Chủ trì: lớp trưởng Lê Tiến H.
Thư kí: Nguyễn Thị Thanh T.

Nội dung: bàn kế hoạch tổ chức hoạt động "Ngày Chủ nhật xanh" do nhà trường phát động, diễn ra vào ngày 17 tháng 02 năm 2019.

1. Lớp trưởng trình bày ý nghĩa của "Ngày Chủ nhật xanh" và nội dung hoạt động hưởng ứng "Ngày Chủ nhật xanh" theo sự phân công của trường.
2. Bố trí công việc:
   a. Làm băng rôn, căng ở vị trí quy định: tổ 1 (hoàn thành vào chiều thứ Bảy).
   b. Chuẩn bị loa đài: bạn N. (tham gia cùng các bạn lớp 6A, hoàn thành vào chiều thứ Bảy).
   c. Tham gia soạn nội dung phát thanh: bạn L. (tập đọc vào chiều thứ Bảy).
   d. Chuẩn bị dụng cụ lao động: các tổ nắm công việc được giao và phân công dụng cụ phù hợp:
   – Tổ 1: tham gia quét dọn phòng học và không gian trong trường.
   – Tổ 2: tham gia tưới và xén tỉa cây cảnh ở vườn hoa trong trường.
   – Tổ 3: tham gia khơi thông cống rãnh xung quanh trường.
   – Tổ 4: tham gia làm vệ sinh các công trình công cộng gần trường (phòng truyền thống xã, đài tưởng niệm).
   e. Bộ phận kiểm tra công việc: lớp trưởng, lớp phó phụ trách lao động.
3. Thảo luận về kế hoạch:
   – Ý kiến 1: đề nghị tiến hành hoạt động sớm, lúc 6h30.
   – Ý kiến 2: đề nghị điều chỉnh phân công công việc cho một số bạn.
   – Ý kiến 3: đề nghị chọn người chụp ảnh làm tư liệu (sau này sẽ đưa vào tập san).
4. Kết luận: Lớp trưởng tóm tắt những nội dung chính đã được thống nhất.
   Cuộc họp kết thúc vào hồi 11h30, ngày 13 tháng 02 năm 2019.

CHỦ TRÌ
LỚP TRƯỞNG
(Đã kí)
Lê Tiến H.

THƯ KÍ
(Đã kí)
Nguyễn Thị Thanh T.

Phân tích:

1. Nêu nhận xét chung về việc tuân thủ thể thức biên bản trong văn bản trên.
2. Vì sao biên bản phải có tên gọi và phải ghi đủ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự, người chủ trì, người thư kí?
3. Khi làm biên bản, nội dung nào cần được ghi chi tiết, cụ thể hơn cả?
4. Vì sao cuối biên bản phải có chữ kí của người chủ trì, người thư kí?
5. Ngôn ngữ của biên bản có đặc điểm gì dễ nhận biết?

Thực hành viết biên bản

1. TRƯỚC KHI VIẾT

- Hình dung lại các cuộc họp, thảo luận cần được ghi biên bản (cuộc họp bàn kế hoạch tổ chức một hoạt động; cuộc họp kiểm điểm tình hình thực hiện một dự án chung của lớp;...).
- Xác định tên gọi của biên bản, đồng nghĩa với việc lựa chọn nội dung cho biên bản sắp viết.

Mục đích viết

Ghi chép trung thực nội dung, diễn biến của cuộc họp, cuộc thảo luận nhằm xây dựng hồ sơ đáng tin cậy về cuộc họp, cuộc thảo luận đó.

Người đọc

Tất cả những người tham gia cuộc họp, cuộc thảo luận và những cá nhân, cơ quan muốn nắm thông tin về cuộc họp, cuộc thảo luận đó.

2. VIẾT BIÊN BẢN

- Viết phần mở đầu theo đúng thể thức.
- Viết phần chính của biên bản dựa theo trình tự hợp lí cần có trong cuộc họp, thảo luận với những nội dung cụ thể (có đánh số rõ ràng).
- Viết chi tiết về những nội dung quan trọng của cuộc họp, thảo luận như kế hoạch triển khai, giải pháp dự kiến, phân công công việc,...
- Thuật lại đầy đủ các ý kiến đi vào trọng tâm của buổi họp, thảo luận, nhất là những ý kiến có giá trị.
- Viết đầy đủ nội dung kết luận của người chủ trì.
- Ghi thời gian kết thúc cuộc họp, thảo luận và viết đầy đủ họ tên của người có trách nhiệm kí vào biên bản.

3. CHỈNH SỬA BIÊN BẢN

Dựa vào phần *Thể thức của biên bản thông thường* để tự kiểm tra và chỉnh sửa:

- Xem xét lại sự phù hợp giữa nội dung biên bản và tên biên bản.
- Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của việc ghi chép những vấn đề quan trọng nhất được bàn bạc, triển khai trong cuộc họp, cuộc thảo luận.
- Lược bỏ những ghi chép về các chi tiết không liên quan tới vấn đề chính của cuộc họp, cuộc thảo luận.
- Sửa lại ngôn ngữ diễn đạt nhằm bảo đảm sự chính xác và tính khách quan.

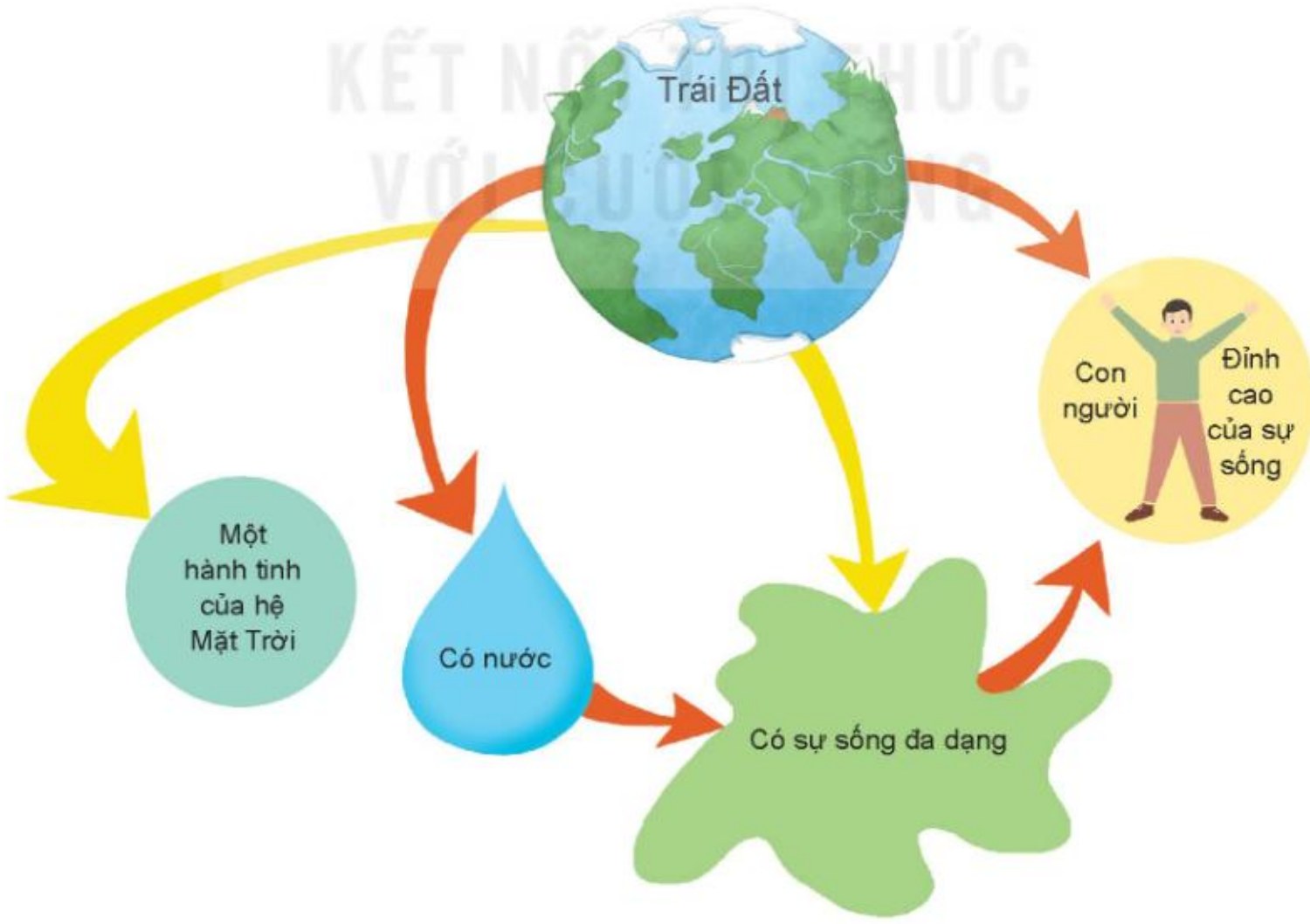
B. TÓM TẮT BẰNG SƠ ĐỒ NỘI DUNG CỦA MỘT VĂN BẢN ĐƠN GIẢN

Tóm tắt nội dung một văn bản đã đọc bằng sơ đồ là việc làm cần thiết để từng bước nâng cao, hoàn thiện kĩ năng đọc. Nếu thường xuyên thực hiện việc tóm tắt, người đọc sẽ rèn luyện được khả năng nắm bắt nhanh những thông tin chủ yếu của văn bản, bao quát tốt mối quan hệ giữa các bộ phận (các đoạn) trong văn bản. Những sơ đồ hợp lí có thể giúp ta nhớ lại khá dễ dàng nội dung cốt lõi của những văn bản từng đọc.

Yêu cầu của việc tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản:

- Làm nổi bật được nội dung chủ yếu của văn bản.
- Làm sáng tỏ được những mối liên hệ bên trong giữa các bộ phận chính của văn bản.
- Bảo đảm tính trực quan, thẩm mĩ, gây được ấn tượng tích cực về mặt thị giác để có thể hỗ trợ tốt cho trí nhớ.

Tham khảo sơ đồ tóm tắt nội dung văn bản *Trái Đất – cái nôi của sự sống*



Thực hành tóm tắt văn bản bằng sơ đồ

1. TRƯỚC KHI TÓM TẮT

– Xác định đúng nội dung cốt lõi của văn bản và hệ thống ý triển khai nội dung đó.
– Lựa chọn từ khoá phản ánh nội dung cốt lõi và các ý triển khai đã xác định được.
– Xác định mối liên hệ giữa các từ khoá.

Ví dụ: Khi tóm tắt quan niệm của vua sư tử Mu-pha-sa về "vòng đời bất tận" (trong đoạn đầu văn bản *Các loài chung sống với nhau như thế nào?*), em cần thực hiện các bước sau:

a. Xác định nội dung cốt lõi của đoạn văn: những mối quan hệ ràng buộc lẫn nhau giữa các loài trong cuộc sống, tạo thành một "vòng đời bất tận".
b. Xác định các từ khoá: *chúng ta*, *linh dương*, *chết*, *cỏ*.
c. Xác định mối liên hệ giữa các từ khoá: *chúng ta ăn linh dương; chúng ta chết; chúng ta trở về với cỏ; linh dương ăn cỏ.*

2. TÓM TẮT

– Vẽ các hình cụ thể chứa các từ khoá.
– Sắp xếp các hình (chứa từ khoá) theo trật tự thích hợp.
– Vẽ các đường cong, thẳng hoặc mũi tên nối các hình (chứa từ khoá) với nhau.

3. CHỈNH SỬA

– Kiểm tra xem sơ đồ đã phản ánh đúng cách hiểu của bản thân về nội dung văn bản chưa.
– Xoá hay chỉnh sửa những chi tiết khiến người đọc sơ đồ có thể hiểu sai lệch điều bản thân muốn thể hiện hay chia sẻ về nội dung văn bản.
– Xem xét tính chính xác, phù hợp của việc xếp đặt vị trí các hình và việc thiết lập đường nối giữa chúng.

Nói và nghe

Thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường

Tình trạng ô nhiễm môi trường hiện nay đã trở nên nghiêm trọng, đe doạ cuộc sống của tất cả chúng ta. Trong phạm vi và điều kiện hoạt động của mình, mỗi người có thể làm những gì để khắc phục tình trạng đó? Với hoạt động nói và nghe của bài học này, em hãy cùng các bạn thảo luận về những giải pháp cần thực hiện, nhằm làm cho môi trường quanh ta trở nên an toàn, tốt đẹp hơn.

1. TRƯỚC KHI NÓI

a. *Chuẩn bị nội dung nói*

Mục đích nói

Chia sẻ mối quan tâm chung về giải pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường.

Người nghe

Thầy cô, bạn bè và những người cùng quan tâm đến vấn đề ô nhiễm môi trường.

– *Lựa chọn vấn đề*: Vấn đề ở đây chính là giải pháp mà em đề xuất nhằm khắc phục nạn ô nhiễm môi trường. Muốn giải pháp mình nêu lên có căn cứ, có tính khả thi, em và các bạn phải thống nhất trước với nhau về việc *phải giải quyết tình trạng ô nhiễm cụ thể nào* (rác thải ùn ứ; cống rãnh tắc nghẽn; khói bụi mù mịt;...). Khi nêu giải pháp, cần chú ý đến điều kiện và khả năng thực hiện, đồng thời quan tâm đến việc giải quyết tận gốc vấn đề (không để tình trạng cũ tái diễn). Điều quan trọng nữa là phải tính đến việc phối hợp hoạt động với các cá nhân và tập thể khác cùng sống, sinh hoạt trên địa bàn.

– *Tìm ý và sắp xếp ý*:

+ Để tìm ý, có thể tự đặt một hệ thống câu hỏi và lần lượt giải đáp. Chẳng hạn, nếu bàn về giải pháp khắc phục tình trạng rác thải ùn ứ, có thể nêu các câu hỏi: *Rác thải ùn ứ gây ảnh hưởng đến sức khoẻ của cộng đồng và làm mất mĩ quan khu vực như thế nào? Vì sao có tình trạng này? Mỗi người cần phải làm gì để rác thải được tập kết đúng chỗ và thu gom kịp thời? Các cá nhân và tập thể sống trên địa bàn cần phải chung tay hành động thế nào? Cần phải xây dựng quy chế giữ gìn vệ sinh chung với nội dung cụ thể gì? Công tác tuyên truyền phải được thực hiện ra sao?...*

+ Sau khi có được những ý cần thiết từ việc trả lời các câu hỏi, cần sắp xếp thành một dàn ý theo trật tự: tình trạng – nguyên nhân – giải pháp (việc làm 1, việc làm 2, việc làm 3,...) – kế hoạch hoạt động cụ thể. Tất cả cần được viết thành một dàn ý bài nói.

b. *Tập luyện*

– Nói một mình (nói thầm; nói to; nói kèm theo điệu bộ, cử chỉ,...).
– Nói trước nhóm học tập.

2. TRÌNH BÀY BÀI NÓI

Ngoài việc tuân thủ những yêu cầu chung (về nội dung nói, ngữ điệu, sử dụng từ ngữ, tương tác với người nghe, bảo đảm thời gian,...), em cần lưu ý thêm các điểm sau đây khi tham gia thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường:

a. *Mở đầu*

Nêu tình trạng đáng báo động của vấn đề ô nhiễm môi trường với các biểu hiện cụ thể, nhất là biểu hiện mà em và các bạn đang phải đối mặt và cần phải tham gia giải quyết.

b. *Triển khai*

– Trình bày ý kiến theo dàn ý đã chuẩn bị.

– Trước khi trình bày từng phần ý kiến, có thể nêu lại các câu hỏi đã từng được đặt ra trong bước tìm ý, nhằm giúp người nghe hiểu rõ nội dung từng khía cạnh của vấn đề được đề cập.

c. *Kết luận*

Khái quát lại nội dung ý kiến vừa trình bày.

3. SAU KHI NÓI

Trao đổi theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
• Đặt mình vào vị trí người nói để thấu hiểu lí do khiến người nói đề xuất giải pháp như vậy. • Các nhận xét, trao đổi hướng vào trọng tâm, không sa vào những chi tiết vụn vặt. • Nêu được điều tâm đắc của em về ý kiến của bạn. • Nêu những điều em chưa đồng tình với ý kiến của bạn. • Bổ sung những điều mà ý kiến của bạn chưa đề cập đầy đủ.	• Tiếp nhận mọi trao đổi trên tinh thần hướng đến việc tìm tòi một giải pháp thống nhất. • Làm rõ một số điểm mà người nghe có thể thắc mắc. • Bảo vệ những nội dung trong ý kiến của bản thân mà em cho là hợp lí. • Tự rút ra những kinh nghiệm cần thiết trong việc nêu ý kiến khi tham gia thảo luận.

Củng cố, mở rộng

1. Trong bài học này, em đã được đọc ba văn bản hoàn chỉnh. Kẻ bảng sau vào vở, đánh dấu x vào các ô trống thích hợp.

Tên văn bản	Nội dung	Loại văn bản		Hình thức văn bản	
	Trái Đất – môi trường	Văn bản thông tin	Văn bản văn học	Văn bản chỉ có kênh chữ	Văn bản đa phương thức
Trái Đất – cái nôi của sự sống					

Các loài chung sống với nhau như thế nào?					
Trái Đất					

Trả lời câu hỏi

a. Theo em, lí do nào khiến ba văn bản này được xếp chung vào một bài học?
b. Bài học giúp em hiểu thêm gì về vấn đề bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất?
c. Nêu những kiến thức mà em đã học được về văn bản thông tin.

2. Kẻ bảng sau vào vở. Điền thông tin vào ô trống, xem như chuẩn bị ý tưởng và dữ liệu cho một văn bản thông tin (có thể dưới dạng văn bản đa phương thức) viết về một vấn đề mà em quan tâm.

Vấn đề em định viết là: .....

Đoạn	Ý lớn	Các ý nhỏ	Số liệu	Tranh ảnh	Những từ khoá
Đoạn 1					
Đoạn 2					
Đoạn 3					
Đoạn n					

Lưu ý: có thể bỏ trống một số ô ở hai cột *Số liệu* và *Tranh ảnh*.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản dưới đây, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Nội dung của văn bản cho em biết thêm điều gì về sự sống trên Trái Đất?
- Từ mượn đã được dùng khá nhiều trong văn bản. Đó là những từ nào? Theo em, từ nào trong số đó có thể được thay thế bằng một từ thuần Việt hoặc từ mượn khác quen thuộc hơn? Vì sao?
- Sự sống được hình thành qua một quá trình dài đằng đẵng, nhưng việc huỷ diệt sự sống có thể chỉ diễn ra trong chớp mắt. Điều này gợi lên trong em cảm xúc và suy nghĩ gì?

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Sinh vật trên Trái Đất được hình thành như thế nào?

NGUYỄN QUANG RIỆU[1]

Trái Đất khi mới được hình thành cách đây 4,6 tỉ năm, đã có một khí quyển[2] nguyên thuỷ chứa hi-đrô[3], a-mô-ni-ắc[4], mê-tan[5] và hơi nước. Có ý kiến cho rằng khí nguyên thuỷ[6] có thể tạo ra những loại phân tử hữu cơ trong tế bào. Quan niệm này đã được minh hoạ bằng cuộc thí nghiệm nổi tiếng thực hiện bởi nhà hoá học Min-lơ (Miller, người Mỹ) cách đây đã nửa thế kỉ. Nhà nghiên cứu Min-lơ đã điều chế được a-xít a-min[7], thành phần của chất đạm trong cơ thể, bằng cách tổng hợp những loại khí nguyên thuỷ trong phòng thí nghiệm. Có giả thuyết[8] khác cho rằng, bụi từ những sao chổi[9] và thiên thạch[10] đã gieo rắc trên hành tinh của chúng ta mầm mống của sự sống dưới dạng vi sinh vật. Vấn đề liên quan đến nguồn gốc của sự sống trên Trái Đất và khả năng có sự sống trên các hành tinh khác vẫn còn đang được tranh luận. Đối tượng nghiên cứu này huy động các nhà khoa học trong nhiều lĩnh vực: thiên văn, vật lí, hoá học và sinh học.

Nước, một thành phần thiết yếu của những phản ứng hoá học, là dung môi[11] có khả năng hoà tan những phân tử, dẫn đến sự nảy nở của sự sống. Dưới ánh sáng Mặt Trời, khí các-bô-níc kết hợp với nước để biến thành glu-cô

---

(1) *Nguyễn Quang Riệu* (1932 – 2021): nhà vật lí thiên văn gốc Việt nổi tiếng thế giới, sống và làm việc chủ yếu tại Cộng hoà Pháp.

(2) *Khí quyển*: lớp không khí dày bao ngoài Trái Đất.

(3) *Hi-đrô*: một nguyên tố hoá học tồn tại ở thể khí.

(4) *A-mô-ni-ắc*: một hợp chất vô cơ. Ở điều kiện tiêu chuẩn, là một chất khí độc, có mùi khai, tan nhiều trong nước.

(5) *Mê-tan*: thành phần chính của khí tự nhiên, khí dầu mỏ, khí bùn ao và đầm lầy.

(6) *Khí nguyên thuỷ*: chất khí có mặt sớm nhất khi khí quyển mới hình thành.

(7) *A-xít a-min*: những hợp chất hữu cơ, có tính dinh dưỡng, thường được sử dụng trong công nghệ thực phẩm, bổ sung dinh dưỡng và chế tạo phân bón.

(8) *Giả thuyết*: điều tạm nêu ra để giải thích một hiện tượng nào đó.

(9) *Sao chổi*: thiên thạch giống như những tảng nước đá khổng lồ trộn với bụi. Khi chúng di chuyển gần Mặt Trời thì nước đá và các khí phân tử bốc hơi. Một luồng gió từ Mặt Trời thổi vào sao chổi tạo thành một cái đuôi khí và bụi trông như cái chổi (chú thích của Nguyễn Quang Riệu).

(10) *Thiên thạch*: những mảnh hành tinh nhỏ quay xung quanh Mặt Trời và rơi xuống Trái Đất (chú thích của Nguyễn Quang Riệu).

(11) *Dung môi*: chất lỏng hoà tan được chất khác để tạo thành dung dịch.

(đường) và ô-xi. Khí ô-xi bốc lên khí quyển và duy trì sự sống trên Trái Đất. Sự hô hấp của sinh vật dùng ô-xi để "đốt" glu-cô và sản xuất ra hơi nước và khí các-bô-níc cần thiết cho thực vật. Sự cộng sinh[1] giữa giới động vật và thực vật trên Trái Đất đã được thực hiện nhờ tác động hữu ích của Mặt Trời.



Điều đáng ngạc nhiên là sự phát hiện những vi sinh vật loại côn trùng nhỏ li ti, sống bên cạnh những suối nước nóng bỏng chìm sâu hàng nghìn mét dưới đáy biển, trong một môi trường tối tăm và nóng hàng trăm độ C! Bình thường ta không thể ngờ là môi trường này thích hợp với đời sống của sinh vật. Đây là những vùng rạn nứt trên vỏ Trái Đất có những miệng núi lửa phun vật chất mang tính dinh dưỡng[2]. Chính những vi sinh vật lại được sinh sản trong môi trường khắc nghiệt này và được nuôi dưỡng bằng những vật chất phun ra từ trong lòng Trái Đất. Hiện nay các nhà khoa học đang phân vân và cho rằng sinh vật trên Trái Đất cũng có thể xuất phát từ những vi sinh vật sinh sống tận dưới đáy biển.

(Nguyễn Quang Riệu, *Bầu trời tuổi thơ*, NXB Giáo dục, 2002, tr. 75 – 76)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ĐỌC MỞ RỘNG

- Tìm đọc một số văn bản nghị luận và văn bản thông tin có nội dung gần gũi với những văn bản mà em đã học ở các bài *Khác biệt và gần gũi*, *Trái Đất – ngôi nhà chung*. Khi đọc những văn bản này, cần chú ý những đặc điểm cơ bản của văn bản nghị luận và văn bản thông tin để đọc hiểu một cách hiệu quả.
- Trao đổi, thảo luận về những văn bản mà em đã đọc.

---

(1) *Cộng sinh*: hiện tượng sống chung cùng có lợi, hỗ trợ lẫn nhau giữa các loài động vật hay thực vật tồn tại trong cùng một môi trường.

(2) *Dinh dưỡng*: chất cần thiết trong việc nuôi sống cơ thể sinh vật.

Bài 10

CUỐN SÁCH TÔI YÊU

Thiên nhiên và sách thuộc về những đôi mắt thấy chúng.

Ơ-mơ-sơn (R.W. Emerson)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Trong những bài học trước, em đã được tìm hiểu các tác phẩm văn học về nhiều chủ đề. Những tác phẩm đó đã giúp em cảm nhận sâu sắc hơn về tình bạn, tình cảm gia đình, tình yêu quê hương đất nước,... Để có thể hiểu đầy đủ hơn về các đoạn trích, tác phẩm, tác giả, em hãy tìm đọc trọn vẹn một số cuốn sách như: *Dế Mèn phiêu lưu kí* (Tô Hoài), *Ra vườn nhặt nắng* (Nguyễn Thế Hoàng Linh), *Hoàng tử bé* (Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri),... Em cũng có thể tìm đọc thêm một số tác phẩm văn học phù hợp với những chủ đề đã học.
- Các văn bản nghị luận, văn bản thông tin đã học cũng giúp em hiểu biết nhiều hơn về đời sống xã hội, thiên nhiên: ý nghĩa của sự khác biệt và tôn trọng sự khác biệt, sự cần thiết của việc khẳng định cái riêng ở mỗi người, môi trường sống và vấn đề bảo vệ môi trường. Em hãy cùng các bạn tìm đọc thêm một số văn bản nghị luận và văn bản thông tin có nội dung tương tự.
- Qua những trang sách mới, em sẽ được tự mình khám phá thế giới và cảm nhận niềm vui của việc đọc sách.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Phát triển kĩ năng tự đọc sách trên cơ sở vận dụng những điều đã học.
- Nhận ra được đặc điểm của bài nghị luận văn học.
- Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống.
- Biết trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.
- Yêu thích đọc sách và có ý thức giữ gìn sách.

Đọc

TRI THỨC NGỮ VĂN

Văn bản nghị luận văn học

- Là một loại của văn nghị luận, có nội dung bàn về một vấn đề văn học như tác giả, tác phẩm, thể loại,... Nghị luận văn học sử dụng lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ vấn đề văn học được nói tới.
- Lí lẽ trong nghị luận văn học chính là những nhận xét cụ thể của người viết về tác giả, tác phẩm, thể loại,... Bằng chứng thường được lấy từ tác phẩm văn học.

THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN
Mỗi ngày một cuốn sách

Trước khi đọc

1. Cùng thiết kế một góc đọc sách nhỏ trong lớp học. Hãy mang đến lớp một vài cuốn sách mà em muốn cùng đọc với các bạn.
2. Chia sẻ những điều thú vị nhất mà em cảm nhận được từ cuốn sách mới đọc.
3. Kể tên một cuốn sách mà em cho là cần đọc trong tuần này và thuyết phục các bạn cùng đọc.

Cùng đọc và trải nghiệm

SÁCH HAY CÙNG ĐỌC

1. Chọn hai trong số các chủ đề sau để định hướng cho việc đọc sách: *Tôi và các bạn, Gõ cửa trái tim, Yêu thương và chia sẻ, Quê hương yêu dấu, Những nẻo đường xứ sở, Chuyện kể về những người anh hùng, Thế giới cổ tích, Khác biệt và gần gũi, Trái Đất – ngôi nhà chung.*
2. Với mỗi chủ đề đã chọn, tìm một cuốn sách có nội dung liên quan, cùng đọc và giới thiệu về cuốn sách đó bằng pô-xtơ[1] theo gợi ý:
   a. Nêu rõ tên sách, tên tác giả, nhà xuất bản, năm xuất bản hoặc tái bản,...
   b. Tóm tắt nội dung: đề tài, chủ đề, bố cục, nhân vật, sự kiện, chi tiết,...

---

(1) *Pô-xtơ* (tiếng Anh: *poster*): bản viết bằng chữ to trên giấy, bìa, gỗ,... với những hình thức thiết kế, vẽ phù hợp nhằm giới thiệu hay quảng bá về một sản phẩm nào đó (ở đây là sách).

c. Liệt kê những câu văn, đoạn văn yêu thích được trích dẫn từ cuốn sách hoặc những câu nhận định về cuốn sách.

CUỐN SÁCH YÊU THÍCH

Chọn đọc một cuốn sách yêu thích, có thể là sách văn học hoặc sách khoa học. Trong quá trình đọc, có thể suy nghĩ về những điều sau:

1. Nhan đề: Vì sao cuốn sách có nhan đề như vậy?
2. Mở đầu: Phần mở đầu của cuốn sách có điều gì đáng chú ý? Vì sao?
3. Thế giới từ trang sách: Em đã gặp những ai và đến nơi đâu qua trang sách đã đọc?
4. Bài học từ trang sách: Những gì còn đọng lại trong tâm trí em? Vì sao em thích cuốn sách này?

GẶP GỠ TÁC GIẢ

Thật thú vị khi được gặp nhà văn, nhà thơ mà mình yêu thích ngoài đời phải không? Nhưng nếu chưa có dịp đó, chúng ta vẫn vẹn nguyên niềm hạnh phúc khi được tiếp xúc, giao lưu với tác giả qua những trang sách. Tác phẩm chính là đời sống tâm hồn, là gương mặt tinh thần của nhà văn, nhà thơ. Để viết được một tác phẩm khiến bạn đọc yêu thích, luôn nhớ tới, thật chẳng dễ dàng. Mỗi khi phải trăn trở với bài viết của mình, chắc hẳn em thường tự hỏi: Làm thế nào mà nhà văn, nhà thơ có thể viết được những tác phẩm như vậy? Đã có nhiều câu hỏi tương tự và cũng có vô vàn câu trả lời khác nhau. Nhưng điều đó vẫn còn là một bí ẩn.

Bài đọc sau đây là một cách trả lời câu hỏi đó. Điều gì đã khiến một chú bé sinh ra ở một bản làng biên giới, một "người con của núi" trở thành nhà thơ Lò Ngân Sủn với những bài thơ vang vọng mãi trong tâm trí người đọc: *Chiều biên giới, Trời và đất, Đi trên chín khúc Bản Xèo, Ngôi nhà rông,...*?

1. *Đọc văn bản*

Nhà thơ Lò Ngân Sủn – người con của núi

MINH KHOA

Đọc thơ Lò Ngân Sủn ta như được khám phá những đỉnh núi xa thơ mộng và mãnh liệt. Núi không chỉ là hình ảnh thường được nói đến trong thơ ông mà còn hiện lên như là một phần hồn thơ Lò Ngân Sủn.

Những bài thơ tiêu biểu của Lò Ngân Sủn như *Chiều biên giới, Trời và đất, Đi trên chín khúc Bản Xèo, Ngôi nhà rông,...* đều mang âm vọng của núi, mênh mang lời của núi. Vậy điều gì đã nuôi dưỡng và bồi đắp nên vẻ đẹp thơ mộng và mãnh liệt ấy trong thơ ông?

THEO DÕI *Vấn đề được nêu ra để bàn luận.*

Trước khi trở thành nhà thơ, Lò Ngân Sủn đích thực là một "người con của núi". Ông sinh ra và lớn lên ở Bản Qua, huyện Bát Xát[1], tỉnh Lào Cai. Từ nhỏ, chú bé Lò Ngân Sủn đã đắm mình trong hơi thở của cỏ cây, hoa lá núi rừng biên cương, đã biết thả hồn cùng vẻ đẹp thanh thoát, hùng vĩ của dốc dựng, thác đổ, suối tuôn,... nơi "tận cùng bờ cõi":

Những đỉnh núi xa
Rừng thông gọi đàn dê hiện gọi mơ núi
Nâng niu hạt mạch
Rừng sa mộc vạm vỡ
Quay mình những vòng đường.

(*Đỉnh núi xa vùng mãnh liệt*)

THEO DÕI *Những bằng chứng để làm rõ vấn đề.*

Khi lớn lên, thế giới của cậu bé sinh ra từ Bản Qua không chỉ giới hạn ở bản làng biên giới. Mặt đất và bầu trời đã rộng mở, muôn dặm non sông từ bắc vào nam, từ miền ngược đến miền xuôi, từ đầu non đến cuối bể,... đã ùa vào tâm hồn mộc mạc, thiết tha, phóng khoáng của Lò Ngân Sủn. Nhưng vùng đất Hoàng Liên Sơn hùng vĩ, miền biên cương phía bắc của Tổ quốc vẫn là mảnh đất mẹ nuôi dưỡng, bồi đắp nên chất hào sảng, trầm hùng và mãnh liệt của thơ ông, mà *Chiều biên giới* là một ví dụ tiêu biểu:

Chiều biên giới em ơi
Có nơi nào cao hơn
Như đầu sông đầu suối
Như đầu mây đầu gió
Như quê ta ngọn núi
Như đất trời biên cương.

(*Chiều biên giới*)

Dù có đi khắp mọi nẻo đường, những sườn non, dốc núi, những miền thác đổ réo sôi, vắt vẻo như dây leo của quê hương vẫn là con đường quyến rũ nhất

(1) *Bản Qua, huyện Bát Xát*: nay thuộc xã Bát Xát.

với người con của núi. Dường như đó cũng chính là con đường thơ ca của Lò Ngân Sủn:

Ta đi trên chín khúc Bản Xèo
con đường là cái hạt ta gieo
con đường là cái rễ lan toả
dệt nên hoa trái, tiếng chim ca.

(*Đi trên chín khúc Bản Xèo*)

Núi rừng xứ sở muốn cất tiếng bằng thơ và nhà thơ Lò Ngân Sủn đã phần nào đáp ứng được mong mỏi ấy, bằng tình yêu thương thuần khiết của mình.

Không có tình yêu tha thiết với núi rừng, với quê hương, với "chồi non cỏ biếc", với "đầu sông đầu suối", với những "bậc thang mây",... chắc hẳn không thể có nhà thơ Lò Ngân Sủn với những câu thơ "vạm vỡ" mà âm vang như "con suối thác đổ", khiến trái tim của bao độc giả phải bồi hồi.

(*Theo* Minh Khoa, báo điện tử *Giáo dục Việt Nam*, tháng 12/2020)

2. *Trả lời câu hỏi*

a. Vì sao nhà thơ Lò Ngân Sủn được tác giả bài viết gọi là "người con của núi"?

b. Xác định câu văn nêu vấn đề chính được bàn luận trong bài.

c. Những đoạn thơ được dẫn đóng vai trò gì trong bài viết?

d. Câu cuối cùng của bài viết có mối quan hệ như thế nào với câu nêu vấn đề ở phần mở đầu?

PHIÊU LƯU CÙNG TRANG SÁCH

1. Cùng xem một bộ phim được chuyển thể từ một cuốn sách hoặc tác phẩm văn học có nội dung liên quan đến các chủ đề đã học.
2. Thảo luận và so sánh để thấy những điểm tương đồng, khác biệt giữa nội dung, hình thức của phim và sách (hoặc tác phẩm đã đọc).
3. Cùng thiết kế một pô-xtơ nhằm giới thiệu bộ phim đã xem hoặc vẽ lại bìa cuốn sách yêu thích.

Viết

THÁCH THỨC THỨ HAI

Sáng tạo cùng tác giả

Để có được một cuốn sách thú vị, cuốn hút người đọc, tác giả không chỉ cần tài năng mà còn phải rất đam mê, có cảm hứng, tâm huyết và dành nhiều thời gian, công sức vào việc viết. Cuốn sách là đứa con tinh thần của tác giả. Đọc sách là để hiểu biết về con người, đời sống xã hội, thế giới tự nhiên và cũng là để hiểu thêm về người viết.

Khi đọc sách, chúng ta không chỉ thưởng thức, cảm nhận mà còn có thể sáng tạo cùng tác giả hay chia sẻ suy nghĩ về một vấn đề đời sống mà cuốn sách gợi ra. Có nhiều cách thể hiện kết quả mà em và các bạn thu hoạch được sau khi đọc sách. Hãy lựa chọn một hoạt động phù hợp:

- Sáng tạo sản phẩm nghệ thuật lấy ý tưởng từ cuốn sách đã đọc.
- Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách.

SÁNG TẠO SẢN PHẨM NGHỆ THUẬT

Từ cuốn sách yêu thích, có thể sáng tạo những sản phẩm nghệ thuật mới, chẳng hạn: sáng tác thơ, kể chuyện sáng tạo, vẽ tranh thể hiện một số chi tiết, nhân vật đáng nhớ hoặc minh hoạ cho chuỗi sự kiện (truyện tranh).

THAM KHẢO MỘT SỐ SẢN PHẨM CỦA CÁC BẠN HỌC SINH



Một cách cảm nhận, sáng tạo cùng *Nhóc Ni-cô-la: những chuyện chưa kể* của Rơ-nê Gô-xi-nhi và Giăng-giắc Xăng-pê (Nguyễn Duy Bảo Minh)



Một cách cảm nhận, sáng tạo cùng *Dế Mèn phiêu lưu kí* của Tô Hoài (Nguyễn Thị Mai Phương)

VIẾT BÀI VĂN TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG ĐƯỢC GỢI RA TỪ CUỐN SÁCH ĐÃ ĐỌC

Yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc:

- Nêu được tên sách và tác giả.
- Nêu được hiện tượng đời sống gợi ra từ cuốn sách và ý kiến của em về hiện tượng đó.
- Sử dụng được lí lẽ và bằng chứng để làm rõ hiện tượng.

Phân tích bài viết tham khảo

Nỗi đau của Ken-ga (Kengah) và trách nhiệm của con người với môi trường

Trong học kì vừa qua, em đã đạt được kết quả học tập tốt. Bố mẹ rất vui và thưởng cho em cuốn sách *Chuyện con mèo dạy hải âu bay* của nhà văn Lu-i Xe-pun-ve-da. Câu chuyện về cái chết do ngộ độc váng dầu của chim hải âu Ken-ga đã gợi cho em nhiều suy nghĩ về trách nhiệm của con người đối với môi trường sống trên Trái Đất.

Giới thiệu tên sách, tác giả. Nêu hiện tượng đời sống mà cuốn sách gợi ra và suy nghĩ về hiện tượng đó.

Em không thể quên được hình ảnh Ken-ga vùng vẫy, tuyệt vọng, toàn thân ngập trong lớp váng dầu: "Thứ chất lỏng dính như keo mà loài hải âu coi như tử thần màu đen của chúng giờ đây đang ép chặt đôi cánh vào mạng sườn của cô". Con người đã vô tình để dầu tràn từ một con tàu nào đó ra vịnh. Điều này không chỉ xảy ra với vùng biển nơi Ken-ga và đàn hải âu Hải Đăng Cát Đỏ sinh sống. Ở rất nhiều nơi khác biển đã bị ô nhiễm vì dầu tràn, rác thải nhựa, nước thải,... Khi môi trường bị ô nhiễm, sự sống của tất cả các sinh vật trên Trái Đất đều bị đe doạ nghiêm trọng. Mặt biển, bầu trời, không khí, cánh rừng,... là môi trường sống của con người nhưng cũng là ngôi nhà chung của muôn loài.

Sử dụng lí lẽ và bằng chứng phù hợp để làm rõ hiện tượng.

Mỗi người cần làm gì để môi trường sống trên Trái Đất luôn trong lành và sự sống của mọi sinh vật được bảo vệ? Mùa hè vừa qua, khi đi biển, em đã cố gắng

không dùng bao gói và ống hút bằng nhựa, không vứt rác ra bãi biển,... Ở nhà và ở trường, em luôn có ý thức cùng các bạn giữ gìn môi trường xanh, sạch, đẹp, sử dụng tiết kiệm năng lượng,... Mỗi người trong chúng ta cần cố gắng hạn chế xả rác, khí thải, hoá chất độc hại vào môi trường. Đó có lẽ là cách mà ai cũng có thể làm được và là cách ứng xử đúng đắn nhất vì sự sống trên Trái Đất – hành tinh xanh.

Liên hệ với thực tế đời sống.

Cuốn sách *Chuyện con mèo dạy hải âu bay* đã mang đến cho em những hiểu biết thú vị về thế giới thiên nhiên, những bài học sâu sắc về tình yêu thương, sự sẻ chia. Đặc biệt, cuốn sách đã giúp em hiểu rõ hơn những điều em có thể làm để góp phần gìn giữ ngôi nhà Trái Đất của chúng ta.

Nêu tầm quan trọng, ý nghĩa của hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách.

(Bài làm của học sinh)

Thực hành viết theo các bước

1. TRƯỚC KHI VIẾT

a. *Lựa chọn đề tài*: Chọn một cuốn sách em yêu thích và suy nghĩ về một hiện tượng đời sống mà cuốn sách gợi ra.

b. *Tìm ý*:

- Điều em muốn viết liên quan tới cuốn sách nào? Ai là tác giả của cuốn sách đó?
- Chi tiết, sự việc, nhân vật nào trong sách để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất?
- Chi tiết, sự việc, nhân vật đó khiến em suy nghĩ đến hiện tượng đời sống nào?
- Em có ý kiến như thế nào về hiện tượng đó?

c. *Lập dàn ý*: Sắp xếp các thông tin và ý tưởng theo một trật tự phù hợp.

Mục đích viết

Trình bày ý kiến để chia sẻ về hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách.

Người đọc

Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến hiện tượng đời sống mà em đề cập.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Dàn ý

– Mở bài: Giới thiệu tên sách, tác giả và hiện tượng đời sống mà cuốn sách gợi ra.
– Thân bài:
  + Nêu ý kiến (suy nghĩ) về hiện tượng.
  + Nêu lí lẽ và bằng chứng để làm rõ ý kiến về hiện tượng cần bàn luận.
  + Trình bày cụ thể về chi tiết, sự việc, nhân vật gợi lên hiện tượng cần bàn.
– Kết bài: Nêu tầm quan trọng, ý nghĩa thực tế của hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách.

2. VIẾT BÀI

Khi viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc, em cần lưu ý: triển khai cụ thể các ý đã nêu trong dàn ý; phân biệt các phần Mở bài, Thân bài, Kết bài; có thể tách ý chính trong thân bài thành các đoạn văn.

3. CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Đọc lại bài văn đã viết để bảo đảm:

– Tính chính xác của tên sách, tên tác giả và các chi tiết, sự việc, nhân vật.
– Viết đúng chính tả, dùng từ ngữ và câu phù hợp, sắp xếp các ý chặt chẽ.

Nói và nghe

VỀ ĐÍCH
Ngày hội với sách

Trong phần này, em và các bạn có thể giới thiệu sản phẩm minh hoạ sách hoặc trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.

GIỚI THIỆU SẢN PHẨM MINH HOẠ SÁCH

Mỗi cá nhân, nhóm, lớp có thể đăng kí tham gia trưng bày, giới thiệu pô-xtơ, tranh ảnh, mô hình minh hoạ cho các nội dung của sách tại lớp học, thư viện hoặc một không gian phù hợp khác trong trường học.

TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG ĐƯỢC GỢI RA TỪ CUỐN SÁCH ĐÃ ĐỌC

Sau khi đọc một cuốn sách, có bao vấn đề đời sống được gợi lên, cần chia sẻ, trao đổi. Trong bài này, em sẽ tập trình bày ý kiến về một vấn đề như vậy.

1. TRƯỚC KHI NÓI

a. *Chuẩn bị nội dung nói*

Mục đích nói

Chia sẻ để mọi người hiểu rõ hơn về vấn đề đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.

Người nghe

Thầy cô, các bạn trong nhóm, lớp và những người quan tâm.

– *Lựa chọn vấn đề*: Trong các vấn đề đời sống mà cuốn sách đã gợi lên, em hãy chọn một vấn đề mà mình có nhiều ý kiến muốn chia sẻ nhất để chuẩn bị bài nói.

– *Tìm ý*: Để tìm ý cho bài nói, cần tự đặt ra và trả lời các câu hỏi như:

+ *Vấn đề đời sống được gợi ra từ cuốn sách là gì?*
+ *Chi tiết, sự việc nào trong cuốn sách cho thấy rõ vấn đề ấy?*
+ *Ý kiến của em về vấn đề đó: Em đồng ý hay không đồng ý? Vì sao?*
+ *Hành động của em trước vấn đề cuốn sách đặt ra?*
+ *Em muốn nói gì với người nghe, với tác giả cuốn sách và những người đọc khác?*

– *Sắp xếp ý*: Sắp xếp các ý đã tìm được ở trên theo một trật tự lô-gíc và bổ sung, sửa chữa nếu cần để tạo thành dàn ý của bài nói với các thông tin cụ thể sau:

+ Tên sách và tác giả của cuốn sách đã gợi lên vấn đề đời sống mà em muốn bày tỏ ý kiến.
+ Vấn đề đời sống mà em muốn bàn.
+ Ý nghĩa của cuốn sách trong việc giúp em có cái nhìn sâu sắc, toàn diện hơn về các vấn đề đời sống.

b. *Tập luyện*

Em có thể luyện nói một mình hoặc cùng các bạn trong nhóm. Nếu tập luyện theo nhóm, cần góp ý với nhau về nội dung và cách trình bày để bài nói được xây dựng hoàn chỉnh và khả năng thuyết trình của mỗi người được nâng lên.

2. TRÌNH BÀY BÀI NÓI

– Trình bày lần lượt các ý đã được xác định trong dàn ý bài nói.
– Sử dụng lí lẽ và bằng chứng cụ thể (dẫn từ sách hoặc đời sống thực) để làm rõ vấn đề.
– Bộc lộ được cảm xúc, thái độ phù hợp.

3. SAU KHI NÓI

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
• Lắng nghe những chia sẻ của người nói và có thể ghi lại những điểm cần trao đổi, tranh luận. • Có thể nêu ý kiến, đặt câu hỏi để tìm hiểu rõ hơn về vấn đề đời sống được gợi ra từ cuốn sách.	• Lắng nghe ý kiến, câu hỏi mà người nghe nêu ra. • Trả lời để làm rõ hơn vấn đề được nêu hoặc có thể thảo luận để tìm hiểu thêm.

ÔN TẬP HỌC KÌ II

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Củng cố kiến thức về các thể loại hoặc loại văn bản đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức về tiếng Việt đã học ở học kì II.
- Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.

1. Lập danh sách các thể loại hoặc loại văn bản đã được học trong *Ngữ văn 6*, tập hai. Với mỗi thể loại hoặc loại văn bản, chọn một văn bản mà em yêu thích và thực hiện các yêu cầu sau:

a. Chỉ ra đặc điểm cơ bản của thể loại hoặc loại văn bản được thể hiện qua văn bản ấy.

b. Trình bày điều em tâm đắc với văn bản đã chọn qua đoạn viết ngắn hay qua hình thức thuyết trình trước các bạn hoặc người thân.

2. Hãy nêu các kiểu bài viết mà em đã thực hành khi học *Ngữ văn 6*, tập hai. Với mỗi kiểu bài, cho biết:

a. Mục đích mà kiểu bài hướng tới.

b. Yêu cầu đối với mỗi kiểu bài.

c. Các bước cơ bản để thực hiện bài viết.

d. Các đề tài cụ thể mà em muốn viết hoặc có thể viết thêm với mỗi kiểu bài (ngoài đề tài em đã chọn trong quá trình học).

e. Những kinh nghiệm mà em tự rút ra được khi thực hiện viết từng kiểu bài.

3. Nhắc lại những nội dung mà em đã thực hành nói và nghe ở mỗi bài trong học kì vừa qua. Cho biết mục đích của hoạt động nói ở các bài *Chuyện kể về những người anh hùng*, *Thế giới cổ tích*, *Khác biệt và gần gũi*, *Trái Đất – ngôi nhà chung* và *Cuốn sách tôi yêu* có gì giống và khác nhau.

4. Tóm tắt những kiến thức tiếng Việt mà em đã được học trong *Ngữ văn 6*, tập hai (theo mẫu). Hãy cho biết những kiến thức tiếng Việt ấy đã giúp em đọc, viết, nói và nghe như thế nào.

Bài	Kiến thức tiếng Việt
Chuyện kể về những người anh hùng	– **Dấu chấm phẩy:** thường được dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một chuỗi liệt kê phức tạp. Ví dụ: *Én bố mẹ tấp nập đi, về, mải mốt mớm mồi cho con; én anh chị rập rờn bay đôi; én ra ràng chấp chới vỗ cánh bên rìa hốc đá.* (Hà My, *Hang Én*) – ...

5. Luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe theo hướng dẫn của giáo viên.

PHỤ LỤC 1

BẢNG TRA CỨU THUẬT NGỮ

STT	Thuật ngữ	Trang
1	bằng chứng	52, 53, 55, 56, 58, 59, 60,...
2	biện pháp tu từ	10, 13, 24, 36
3	chi tiết (tiêu biểu)	16, 17, 20
4	chủ đề	4, 9, 12, 21, 41, 47, 51, 64,...
5	cổ tích	24, 25, 35, 41, 42, 44, 46,...
6	cốt truyện	4, 12, 20, 21, 24, 25, 42,...
7	cụm từ	10, 62
8	dị bản	9
9	đề tài	18, 24, 65, 68, 69, 72, 99,...
10	đoạn văn	9, 13, 30, 35, 48, 56, 61,...
11	đóng vai	41, 42, 43, 44, 45, 46, 47
12	đồng nghĩa	73, 90
13	giao tiếp	56, 71, 76, 77, 81, 86
14	giọng kể	20, 21, 46, 47
15	hành động	9, 27, 30, 35, 36, 39, 43,...
16	hình ảnh	6, 9, 13, 16, 23, 75, 76,...
17	hư cấu	5, 25, 42
18	kiểu văn bản	16
19	kể	4, 5, 8, 9, 10, 13, 20,...
20	kể chuyện	25, 27, 41, 42, 43, 45, 46,...
21	loại văn bản	16, 50, 53, 77, 81, 94, 108
22	lí lẽ	52, 53, 60, 67, 68, 69, 70,...
23	lời kể	4, 5, 9, 20, 21, 25, 35, 42,...

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

24	lời người kể (chuyện)	24, 47
25	miêu tả	42, 45, 63, 72, 78
26	mục đích giao tiếp	71
27	mục đích nói	20, 46, 70, 93, 107
28	mục đích viết	18, 44, 68, 90, 105
29	ngôi kể	20, 42, 44, 45
30	người kể chuyện	24, 25, 41, 42, 45, 47
31	nhân vật	4, 5, 6, 12, 13, 19, 20,...
32	phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ	76
33	sa-pô	76, 77, 78
34	sự kiện	4, 5, 12, 15, 16, 18, 19,...
35	tác giả dân gian	5, 12, 30, 35, 48
36	thành ngữ	13, 31, 57
37	thông điệp	81, 88
38	thông tin	4, 5, 13, 15, 16, 18, 19,...
39	thuyết minh	16, 19, 72
40	tính cách	55, 68, 73, 75
41	trạng ngữ	52, 53, 56, 57
42	truyền thuyết	4, 5, 12, 15, 20, 21, 51
43	truyện	9, 10, 12, 13, 21, 24,...
44	truyện dân gian	5, 20, 25
45	truyện kể	20, 30, 31, 41
46	từ mượn	76, 77, 86, 87, 95
47	văn bản	4, 5, 6, 9, 10, 13, 14,...
48	văn bản đa phương thức	77, 81, 94, 95
49	văn bản nghị luận/ bài nghị luận	52, 53, 66, 72, 81, 97, 98,...
50	văn bản nhật dụng	88
51	văn bản thông tin	4, 5, 16, 72, 76, 77, 81,...
52	văn bản văn học	72, 81, 94

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

PHỤ LỤC 2

GIẢI THÍCH MỘT SỐ THUẬT NGỮ

STT	Thuật ngữ	Giải thích
1	bằng chứng	những ví dụ được lấy từ đời sống thực tế hoặc từ các nguồn khác để chứng minh cho lí lẽ
2	chi tiết tiêu biểu	yếu tố quan trọng được nhà văn sử dụng để làm nổi bật đặc điểm của nhân vật, sự việc, tình huống trong tác phẩm
3	đoạn văn	tập hợp nhiều câu có sự thống nhất về chủ đề, tương đối hoàn chỉnh về hình thức
4	đóng vai	hoá thân vào một nhân vật nào đó nhằm kể lại sự việc, câu chuyện theo cách nhìn và quan điểm của chính nhân vật này
5	giọng kể	sắc thái tình cảm, thái độ, đánh giá được lồng vào lời kể (có thể nhận ra qua cách sử dụng ngôn ngữ)
6	hư cấu	cách sáng tạo nghệ thuật chủ yếu dựa trên tưởng tượng
7	kiểu văn bản	các dạng văn bản dùng trong viết, được phân chia theo phương thức biểu đạt chính như văn bản tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận,...
8	loại văn bản	các văn bản có cùng mục đích giao tiếp chủ yếu, bao gồm: văn bản văn học (bộc lộ, giãi bày tình cảm), văn bản nghị luận (thuyết phục), văn bản thông tin (thông báo, giao dịch,...)
9	lí lẽ	những lời diễn giải có lí mà người viết (người nói) đưa ra để khẳng định ý kiến của mình
10	phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ	những hình ảnh, số liệu, đồ thị, bảng biểu,... góp phần thể hiện ý nghĩa trong giao tiếp
11	sa-pô	phần thường đứng sau nhan đề và đứng trước nội dung chính của một bài báo, có chức năng tóm lược ý chính và thu hút người đọc

12	tác giả dân gian	tập thể những người sáng tác và tái tạo tác phẩm văn học dân gian trong nhiều thời kì
13	trạng ngữ	thành phần phụ của câu, có chức năng liên kết câu và bổ sung thông tin về thời gian, địa điểm, cách thức, nguyên nhân, mục đích,...
14	truyền thuyết	truyện cổ dân gian kể về các sự kiện và nhân vật ít nhiều có liên quan đến lịch sử, thông qua sự tưởng tượng, hư cấu
15	truyện cổ tích	truyện dân gian có nhiều yếu tố hư cấu, kì ảo kể về số phận, cuộc đời nhân vật trong các mối quan hệ xã hội
16	từ mượn	từ có nguồn gốc từ một ngôn ngữ khác
17	văn bản	sản phẩm giao tiếp hoàn chỉnh về nội dung và hình thức, tồn tại ở dạng viết hoặc dạng nói
18	văn bản đa phương thức	văn bản có sự phối hợp của phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện khác như kí hiệu, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh, âm thanh,...
19	văn bản nghị luận	văn bản chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề
20	văn bản nhật dụng	văn bản chủ yếu dùng để đáp ứng nhu cầu giao tiếp hằng ngày
21	văn bản thông tin	văn bản chủ yếu dùng để cung cấp thông tin
22	văn bản thuyết minh	văn bản chủ yếu dùng để giới thiệu một sự vật, hiện tượng

PHỤ LỤC 3

BẢNG TRA CỨU YẾU TỐ HÁN VIỆT

STT	Yếu tố Hán Việt	Nghĩa: *từ Hán Việt (bài)*
1	bản	– cội rễ, gốc gác, nền tảng: ***bản chất (9)***, *căn bản, cơ bản, nhân bản,…* – của mình: *bản lĩnh, bản quốc, bản sắc, bản thân,…* – tập sách, vở, ghi chép: *bản thảo, dị bản, nguyên bản, văn bản,…*
2	bảo	giữ gìn, duy trì: *bảo dưỡng, bảo hành, bảo hiểm, bảo toàn, bảo trì,* ***bảo vệ (4, 9)***, ***đảm bảo (8, 9)***,…
3	biệt	– xa cách, chia li: ***biệt tích (5)***, *li biệt, tiễn biệt, từ* ***biệt, vĩnh biệt (1)***,… – khác, riêng, tách riêng: *biệt đãi, biệt hiệu, biệt* ***phái, đặc biệt (6, 8, 9)****, phân biệt,…*
4	biểu	– bộc lộ, thể hiện ra bên ngoài: *biểu diễn,* ***biểu hiện (9)***, ***biểu lộ (8)****, biểu quyết, biểu thị, biểu tình,* ***phát biểu (8)***,… – đại diện, mẫu mực: ***biểu trưng (6)****, biểu tượng,* ***dân biểu****, đại biểu, tiêu biểu,…* – bảng, bảng kê: *biểu đồ, biểu giá, bảng biểu, thời* ***gian biểu****, thời khoá biểu,…*
5	bình	– bằng, bằng phẳng: *bình diện, bình địa, bình nguyên,…* – đều, bằng nhau: *bình đẳng, bình quân, bình quyền,…* – yên ổn, tĩnh lặng: *bình an, bình tĩnh,* ***hoà bình (4)****, thái bình, thanh bình,…* – thông thường: ***bình dị (5)***, ***bình thường (5, 8)***,…
6	bố	– bày đặt, sắp xếp: ***bố cục (8)****, bố phòng, bố trí, bài bố,* ***phân bố (9)***,… – phân phát rộng rãi: *bố cáo,* ***bố thí (3)****, ban bố, công bố, tuyên bố,…*
7	cầu	– tìm tòi: *cầu danh, cầu hiền, cầu thị, cầu tiến, cầu toàn, truy cầu,…* – xin, nhờ giúp: *cầu cứu, cầu hoà,* ***cầu hôn (6)****, cầu viện, khẩn cầu,…* – đòi hỏi, cần có: *cung cầu, kích cầu, nhu cầu,* ***yêu cầu (8)***,…
8	chủ	– người có quyền quyết định, người lãnh đạo: *chủ nhân, chủ tịch, chủ trì, chủ tướng,* ***dân chủ (4)****, quân chủ,…* – chính, cốt yếu: *chủ đạo,* ***chủ đề (8)***, ***chủ yếu (6)***,…

9	chúng	đám đông, đông: *chúng sinh, công chúng,* ***dân chúng (6)****, đại chúng,* ***xuất chúng (8)****,…*
10	cổ	xưa, cũ: *cổ đại, cổ điển,* ***cổ kính (4)****, cổ quái,* ***cổ thụ (5)****, cổ tích, cổ vật,…*
11	cư	ở, sinh sống ở một nơi nào đó: ***cư dân (9)****,* ***cư ngụ (5, 9)****, cư trú, di cư, định cư, ngụ cư, quần cư, tản cư, thổ cư,…*
12	cử	– phát động, động tác, việc làm: ***cử chỉ (1)****,* ***cử động (1)****,* ***cử hành (7)****, nghĩa cử,…* – giới thiệu, nêu ra, bầu chọn: *cử tri, bầu cử, đề cử, tiến cử, trúng cử,…*
13	cực	– chỗ đầu mút, về một phía: *âm cực,* ***Bắc cực (9)****,* ***địa cực (9)****,* ***Nam cực (9)****,* ***tích cực (9)****, tiêu cực, vô cực,…* – tận cùng, cao nhất: *cực điểm, cực độ, cực hạn,* ***cực kì****,…*
14	cường	mạnh, khoẻ: *cường điệu, cường độ, cường quốc,* ***cường tráng (1)****, hùng cường, siêu cường, tăng cường,…*
15	danh	– tên: *danh hiệu,* ***danh sách (9)****, ẩn danh, địa danh,* ***khuyết danh****, vô danh,…* – tiếng tăm, nổi tiếng: *danh dự, danh giá,* ***danh hài (8)****, danh nhân, danh tác, danh thắng,…*
16	diện	mặt, bề mặt: *diện kiến, diện tích, đại diện,* ***đối diện (1)****,* ***hãnh diện (1, 2)****,* ***hiện diện (5, 9)****,* ***nhận diện (9)****, phương diện, thể diện,…*
17	du	chơi, đi chơi, đi xa nhà: *du học,* ***du khách (5)****, du lịch, du thuyền,* ***ngao du (2)****,…*
18	dự	trước: *dự báo, dự bị, dự định,* ***dự đoán (5)****, dự liệu, dự phòng, dự tính, dự trù,* ***dự trữ (7)****,…*
19	đặc	riêng biệt, độc đáo: ***đặc biệt (6, 8)****,* ***đặc điểm (9)****, đặc khu, đặc san, đặc sắc, đặc thù,* ***đặc trưng (9)****,…*
20	địa	đất, vùng đất: *địa bàn, địa cầu,* ***địa cực (9)****, địa điểm,* ***địa hình (9)****, địa phương, bản địa,* ***lục địa (9)****,* ***trận địa (5)****,…*

21	định	– không dời đổi, bất động: *định cư, định kiến, định luật, định tính,* ***ổn định (9)***, ***nhất định (3, 8, 9)***,… – làm cho yên ổn: ***định thần (1, 7)***, *bình định,…* – suy tính và quyết một việc gì đó: ***khẳng định (5, 9)***, ***nhận định (9)***, *phủ định,* ***quyết định (2)***, *xác định,* ***ý định (8)***,…
22	độ	mức, trạng thái của sự vật: *cao độ, cường độ,* ***điều độ (1)***, *nhiệt độ, quá độ, tốc độ,…*
23	độc	một mình, riêng: *độc chiếm,* ***độc đáo (2, 8)***, *độc đạo, độc đoán, độc lập,* ***độc nhất (3)***, *độc tài, độc thoại,…*
24	đối	– thưa, trả lời, phản ứng lại: *đối chất, đối đáp, đối phó,* ***đối thoại (9)***, *ứng đối,…* – trái ngược, phía trước mặt: *đối chiếu,* ***đối diện (1)***, *đối kháng, đối lập, đăng đối,…* – hướng đến, nhắm vào: ***đối tượng (9)***
25	đồng	giống nhau, cùng: *đồng âm, đồng bào, đồng ca,* ***đồng chí (4)***, *đồng loại, đồng nghĩa, đồng phục, đồng ý,* ***cộng đồng (5, 6, 8)***, ***hoà đồng (8)***, *tương đồng,…*
26	động	– không yên, thay đổi trạng thái, vị trí: *động tĩnh,* ***cảm động (3, 7)***, ***hoạt động (9)***, *linh động,* ***sinh động (8)***, ***xúc động (2, 8)***,… – thao tác, hành động, thực hiện: *động thái, động* ***thổ***, ***hành động (8, 9)***, ***lao động (4)***,... – sử dụng, dùng đến: ***động binh (7)***, *động bút,* ***động não***,…
27	hải	biển: *hải chiến, hải dương, hải đảo,* ***hải quân (5)***, *hải sản,* ***hải sâm (5)***, *hải tặc,* ***sơn hào hải vị (7)***,…
28	hành	– làm, thực hiện: ***hành động (8, 9)***, *hành vi,* ***cử hành (7)***, *thi hành, thực hành, tiến hành,…* – đi, di chuyển: *hành khách,* ***hành tinh (1, 9)***, *hành trang,* ***hành trình (5)***, *du hành, khởi hành,…*
29	hậu	dày dặn, đầy đặn: *hậu ân, hậu đãi, hậu lễ,* ***nhân hậu (2)***, ***phúc hậu (5)***, *thuần hậu, trọng hậu,…*
30	hoá	– thay đổi, làm biến đổi: *hoá kiếp,* ***hoá thạch (5, 9)***, *biến hoá,* ***tiến hoá (9)***,… – dạy dỗ, làm cho tốt đẹp hơn: ***cảm hoá (1)***, *giáo hoá, khai hoá,...*
31	hoàng	vua, thuộc về vua: ***hoàng cung (7)***, *hoàng đế, hoàng gia, hoàng thân, hoàng thượng, hoàng tộc,* ***hoàng tử (1, 7)***, *Ngọc hoàng,…*

32	hồi	quay trở lại: *hồi âm, hồi đáp, hồi kí, hồi sinh, hồi tâm, hồi tố,* ***hồi ức (8)****, khứ hồi, phản hồi,…*
33	kết	– gắn bó, hình thành, nối với nhau, gắn liền nhau: *kết giao,* ***kết hôn (7)****,* ***kết hợp (8, 9)****,* ***kết nghĩa (7)****, đoàn kết, liên kết,…* – tóm lại, chung cuộc: *kết luận, kết quả, kết thúc, bán kết, chung kết, tổng kết,…*
34	khai	– mở mang: ***khai hoang (4)****, khai phóng, khai tâm,* ***khai thác (9)****, khai trí,…* – bắt đầu: *khai bút, khai giảng,* ***sơ khai (5)****, triển khai,...*
35	kháng	chống lại: ***kháng chiến (4)****, kháng cự, kháng khuẩn, kháng sinh, đề kháng,* ***đối kháng (9)****,...*
36	khởi	– nổi lên: *khởi binh, khởi nghĩa, đồng khởi, quật khởi,…* – bắt đầu: *khởi công,* ***khởi đầu (5)****, khởi động, khởi hành, khởi nghiệp, khởi tranh, khởi xướng,...*
37	kiến	– cái nhìn: ***chứng kiến (2, 6)****, định kiến, thiên kiến, thiển kiến, viễn kiến,…* – tư tưởng, nhận thức: *kiến thức, kiến văn, chính* **kiến**, *sáng kiến, ý kiến,…*
38	lịch	trải qua, từng trải: *lịch lãm,* ***lịch sự (1)****,* ***lịch sử (8, 9)****, lịch thiệp, lai lịch, lí lịch,…*
39	lưu	– dòng, dòng sông: *lưu lượng, lưu vực, bình lưu,* **đối lưu**, *hạ lưu, thượng lưu,…* – trôi chảy, chuyển dịch: *lưu chuyển, lưu hành, lưu* **loát**, ***lưu truyền (6)****,* ***phiêu lưu (1)****,…*
40	năng	– tài cán: *năng khiếu, năng lực,* ***tài năng (2, 6)****, trí năng,…* – có thể (làm gì đó), công dụng: *năng suất, chức năng, công năng,* ***khả năng (9)****, tiềm năng,…* – sức mạnh do vật chất tạo ra: *năng lượng, điện năng, nhiệt năng, quang năng,…*
41	nghệ	– nghề (thường có yếu tố kĩ thuật): *điệu nghệ, thiện nghệ, võ nghệ,…* – liên quan đến nghệ thuật: *nghệ danh, nghệ nhân, nghệ sĩ,* ***nghệ thuật (6)****, mĩ nghệ,…*

42	ngữ	tiếng nói, lời nói: *ngữ cảnh, ngữ điệu, biệt ngữ,* ***ngạn ngữ (6)****, ngoại ngữ, ngôn ngữ, thành ngữ, tục ngữ,…*
43	nhân	người, thuộc về người: *nhân cách,* ***nhân dân (4, 5)****, nhân đạo,* ***nhân loại (9)****, nhân tài, nhân văn, nhân vật, bệnh nhân,* ***cá nhân (6, 8)****, công nhân,* ***thần nhân (6)****,...*
44	nhiên	– tồn tại khách quan, vốn có: ***dĩ nhiên (1)****, đương nhiên,* ***tất nhiên (1)****,* ***thiên nhiên (5, 9)****,* ***tự nhiên (5)****,…* – yếu tố thêm vào sau một tính từ, trạng từ để chỉ một trạng thái, tính chất của sự vật: *điềm nhiên,* ***đột nhiên (3)****,* ***hồn nhiên (5)****,* ***ngẫu nhiên (9)****, nghiễm nhiên,* ***thản nhiên (5)****,…*
45	quan	– liên hệ, dính líu: ***quan hệ (9)****, quan hoài,* ***quan tâm (8)****, hữu quan, liên quan, tương quan,…* – có vai trò lớn, chủ đạo: ***quan trọng (8, 9)****, quan yếu,…*
46	quần	– bầy, chùm, nhóm: *quần chúng,* ***quần đảo (5)****, quần thể,* ***quần xã (9)****, nhân quần, siêu quần,…* – tụ lại thành nhóm, thành chùm: *quần cư, quần* ***sinh, quần tụ,…***
47	quốc	đất nước: *quốc ca, quốc gia, quốc khánh, quốc tế,* ***quốc tịch,*** *quốc vương, ái quốc,* ***Tổ quốc (4, 10)****,* ***vương quốc (9)****,…*
48	sĩ	– người làm nghề nào đó, người có học thức: *sĩ* ***phu, bác sĩ,*** *ca sĩ, dược sĩ,* ***đạo sĩ (5)****,* ***hoạ sĩ (2)****, nhạc sĩ, thạc* ***sĩ, thi sĩ, tiến sĩ,*** *vệ* ***sĩ, y sĩ,…*** – người lính, người theo binh nghiệp: *sĩ quan, binh* ***sĩ, chiến sĩ,*** *liệt* ***sĩ,*** ***quân sĩ (7)****,…* – mĩ từ chỉ người: *chí sĩ,* ***hiệp sĩ (7)****,* ***kị sĩ (7)****, nữ* ***sĩ,...***
49	sinh	– sống: *sinh linh,* ***sinh hoạt (5)****,* ***sinh thái (9),*** *sinh thể,* ***sinh tồn (9)****,* ***sinh trưởng (9)****,* ***sinh vật (9)****, hồi sinh,* ***kí sinh (9)****, môi sinh,* ***vệ sinh (3)****,* ***vô sinh (9)****,…* – đẻ, cho ra đời: *sinh nhật, sinh sản,* ***bẩm sinh (1)****, giáng sinh, khai sinh,…* – người đi học, liên quan đến việc học: *sinh viên, giáo sinh,* ***học sinh (8)****, nghiên cứu sinh,* ***thí sinh (2)****, thực tập sinh,…*
50	tác	– làm, tạo nên: *tác giả, tác phẩm,* ***hợp tác (5)****,* ***tạo tác (5)****,* ***thao tác (6)****, sáng tác,…* – ảnh hưởng, gây ra (cái gì đó): ***tác dụng (3)****,* ***tác động (9)****, tác hại,* ***tác nhân (9)****, phát tác,…* – sản phẩm được làm ra: *danh tác, kiệt tác, nguỵ tác, sáng tác, trước tác,…*

51	tâm	– trái tim: *tâm can, tâm nhĩ, tâm thất, điện tâm đồ,…* – tình cảm, tấm lòng: ***tâm địa (8)***, ***tâm hồn (2, 8, 10)***, *tâm lí, tâm sự,* ***tâm trạng (7)***, ***tâm tình (4)***, ***lương tâm (4)***, ***nhập tâm (2)***, ***quan tâm (8)***, ***thâm tâm (8)***,… – ở chính giữa: *tâm điểm, trọng tâm, trung tâm,…*
52	tận	– hết, không còn gì, giới hạn cuối cùng: *tận thế, tận thu,* ***bất tận (9)***, ***vô tận (8, 9)***,… – hết mức: *tận hiếu, tận lực, tận tâm, tận trung, tận tuỵ,…*
53	thành	– làm xong, làm tốt: ***thành công (8)***, ***thành đạt (8)***, *thành tích, thành tựu,* ***hoàn thành (8)***,... – trở nên: *thành danh, trưởng thành,...* – ổn định, định hình: *thành kiến, thành phẩm,...*
54	thân	– thuộc về cha mẹ: *thân mẫu, thân phụ, thân sinh,* **song thân**,… – bà con, họ hàng: *thân gia, thân nhân, thân thích,* ***tứ cố vô thân (7)***,… – gần gũi, quen thuộc: *thân cận, thân hữu,* ***thân mật (4)***, ***thân thuộc (2, 4)***, ***thân thiện (9)***, ***thân thiết (9)***,…
55	thần	– tinh thần: ***thần kinh (9)***, ***định thần (1, 7)***, *loạn thần,* ***tâm thần (7)***,… – thần linh, thiêng liêng: ***thần nhân (6)***, *thần thánh,* **thần thông**, ***thần tiên (5)***, *nhân thần, thiên thần,…*
56	thể	– thân mình, toàn thân: *thể chất, thể dục, thể hình,* **cơ thể**, *thân thể,…* – hình dạng, hình trạng tồn tại của sự vật, hiện tượng: ***thể hiện (9)***, ***cá thể (9)***, *hình thể, quần thể,* ***toàn thể (7)***,…
57	thiên	trời, tự nhiên: *thiên bẩm, thiên hạ, thiên mệnh, thiên lương,* ***thiên tài (2)***, *thiên tính,* ***Thiên Vương (6, 9)***,…
58	thoại	– dùng lời nói, trò chuyện: *đàm thoại, điện thoại, độc thoại,* ***đối thoại (9)***, *hội thoại,…* – lời kể, chuyện kể: *đồng thoại, giai thoại, huyền thoại, thần thoại, tiên thoại,…*
59	thuần	không pha tạp, đơn giản, thông thạo: *thuần dưỡng, thuần hậu, thuần khiết,* ***thuần thục (6)***, *thuần tuý,…*
60	thuỷ	nước, liên quan đến nước; sông: *thuỷ canh, thuỷ chiến,* ***thuỷ đình (6)***, *thuỷ lộ,* ***thuỷ phủ (7)***, *thuỷ quái, thuỷ sản, thuỷ thủ,* ***thuỷ tộc (5)***, *thuỷ triều, thuỷ văn, sơn thuỷ,…*

61	thức	suy nghĩ, biết, hiểu biết: *kiến thức,* ***nhận thức (8)****, tri thức, trí thức,* ***ý thức (9)****,…*
62	tinh	– không có tạp chất, trong: *tinh chất,* ***tinh khiết (5)****, tinh tuý,…* – thần linh, yêu quái: *hồ li tinh,* ***Sơn Tinh (6)****,* ***Thuỷ Tinh (6)****,* ***yêu tinh (7)****,…*
63	tình	– cảm xúc, tâm tư: ***tình cảm (9)****, tình ý, chân tình,* ***đa tình (4)****, hữu tình,* ***tâm tình (4)****, vô tình,…* – trạng huống, trạng thái sự vật: *tình cảnh, tình hình, tình huống, tình tiết,* ***tình trạng (9)****, bệnh tình, sự tình,...*
64	trần	– bụi: *trần ai, phong trần,...* – cuộc sống thực tại, cõi con người đang sống: *trần gian, trần hoàn,* ***trần thế (6)****, trần tục,* ***tuyệt trần (7)****,…*
65	trình	– khuôn phép, quy củ để thực hiện: *trình tự, chương trình, giáo trình, khoá trình, quy trình,...* – diễn biến, mức độ: *trình độ,* ***quá trình (9)****, tiến trình,...* – đường đi: ***hành trình (5)****, lộ trình,…*
66	trọng	– có giá trị, vai trò lớn: *trọng tâm, trọng yếu,* ***quan trọng (1)****,…* – đề cao, chú tâm: *cẩn trọng, chú trọng, quý trọng, thận trọng,* ***tôn trọng (8, 9)****, trân trọng,* ***trịnh trọng (1)****,…* – nặng, nhiều: *trọng lượng, trọng lực,* ***trọng thưởng (7)****, nghiêm trọng, trầm trọng,…*
67	trưng	– dấu hiệu: ***biểu trưng (6)****,* ***đặc trưng (9)****,...* – tìm, thu lấy: *trưng cầu, trưng dụng, trưng thu,…*
68	tuyệt	– hết mức, ở mức cao nhất: *tuyệt bút, tuyệt diệu, tuyệt đối,* ***tuyệt hảo (9)****, tuyệt tác,* ***tuyệt trần (7)****,…* – dứt, hết: *tuyệt tích, tuyệt tình, cự tuyệt, đoạn tuyệt,…*
69	tượng	hình ảnh, liên quan đến hình ảnh: ***tượng trưng (4, 6)****,* ***ấn tượng (8)****, biểu tượng,* ***cảnh tượng (7)****,* ***đối tượng (9)****, hiện tượng, hình tượng, khí tượng, tưởng tượng,…*
70	ứng	– đáp lại, đối phó: *ứng đối, ứng phó,* ***ứng xử (9)****, cảm ứng, nội ứng, phản ứng,* ***tương ứng (9)****,…* – ăn khớp, hiệu nghiệm: *ứng nghiệm, báo ứng, linh ứng,…*

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: TRẦN MAI THANH HẰNG – THÂN THUỲ TRANG
Biên tập tái bản: NGUYỄN THỊ NHIỆM
Biên tập mĩ thuật: NGUYỄN BÍCH LA
Thiết kế sách: PHAN THỊ THANH HOA
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Minh hoạ: BÙI VIỆT DUY
Sửa bản in: TẠ THỊ HƯỜNG – TRỊNH ĐÌNH DỰNG
Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG

Bản quyền © (2021) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

NGỮ VĂN 6 - TẬP HAI

Mã số: G1HH6V002h26

In ..... bản, (QĐ ... - NXBGDHN) khổ 19 x 26,5 cm.
Đơn vị in:.....
Cơ sở in:.....
Số ĐKXB: 7-2026/CXBIPH/57-09/GD
Số QĐXB: .../QĐ-GD-HN ngày ... tháng ... năm ...
In xong và nộp lưu chiểu quý ..... năm .....
Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-25154-1
Tập hai: 978-604-0-25155-8



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 6 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Ngữ văn 6, tập một
2. Ngữ văn 6, tập hai
3. Toán 6, tập một
4. Toán 6, tập hai
5. Khoa học tự nhiên 6
6. Công nghệ 6
7. Lịch sử và Địa lí 6
8. Mĩ thuật 6
9. Âm nhạc 6
10. Giáo dục công dân 6
11. Tin học 6
12. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6
13. Giáo dục thể chất 6
14. Tiếng Anh 6, tập một
15. Tiếng Anh 6, tập hai

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

ISBN 978-604-0-25155-8

9 786040 251558

Giá: 15.400 đ